BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53../ QĐ -ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét học vụ, đợt xét tháng 3 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ – ĐHKTYTHD ngày 29/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Nghị quyết họp Hội đồng xét học vụ cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng ngày 08/3/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả xét học vụ, đợt xét tháng 3 năm 2019 cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy như sau:

Hệ đào tạo	Tổng số SV	Số SV được học tiếp	Học lực bình thường	Học lực yếu	Cảnh báo học tập	Buộc thôi học
1. Đại học	**2327**	**2326**	**2171**	**138**	**18**	**1**
Đại học năm 1	630	630	510	120		
Đại học năm 2	634	634	607	17	10	
Đại học năm 3	477	477	469	1	7	
Đại học năm 4	476	475	475		1	1
Đại học năm 5	49	49	49			
Đại học năm 6	61	61	61			
2. Cao đẳng	**317**	**316**	**293**	**17**	**7**	**1**
CĐ năm 2	81	81	77		4	
CĐ năm 3	236	235	216	17	3	1

(Có danh sách sinh viên học tiếp, hạng yếu, cảnh báo học tập kèm theo)

Điều 2: Sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt vào học kỳ II năm học 2018 – 2019. Cố vấn học tập phải kiểm soát

việc đăng ký tín chỉ học tập của các sinh viên thuộc diện học lực yếu và cảnh báo kết quả học tập. Sinh viên thuộc diện buộc thôi học được gửi thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 3. Các ông bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Khảo thí – đảm bảo chất lượng đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác quản lý sinh viên, phòng QLKHCN & HTQT, phòng Hành chính quản trị, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng Công nghệ thông tin, các khoa, bộ môn và các sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận
- Như điều 3
- Lưu VT, QLĐT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN HỌC LỰC YẾU, CẢNH BÁO HỌC TẬP

(Đợt xét học vụ tháng 3/2019)

(Kèm theo Quyết định số ..53. ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

1. Xếp loại học lực yếu

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC HT	tổng số tín chỉ nợ
CAO ĐẲNG NĂM 2					
1.	2110217006	Vũ Thị Dung	01CĐ17ĐD	4.92	22
2.	2110217008	Hà Thị Duyên	01CĐ17ĐD	4.73	24
3.	2110217014	Nguyễn Thị Hiện	01CĐ17ĐD	4.88	22
4.	2110217019	Nguyễn Thị Mai Hương	01CĐ17ĐD	4.88	20
5.	2110217020	Đặng Thị Hường	01CĐ17ĐD	4.93	20
6.	2110217026	Nguyễn Thị Loan	01CĐ17ĐD	4.71	24
7.	2110217035	Nguyễn Hồng Quân	01CĐ17ĐD	3.59	24
8.	2110217037	Nguyễn Thanh Thảo	01CĐ17ĐD	4.97	18
9.	2110717002	Phạm Hữu Dũng	01CĐ17KTHA	4.58	23
10.	2110217004	Nguyễn Thị Ánh	01CĐ17NHA	4.73	16
11.	2110217007	Trần Hải Duy	01CĐ17NHA	4.94	19
12.	2110217028	Vũ Thị Mai	01CĐ17NHA	4.71	20
13.	2110217029	Bùi Đức Nhật Minh	01CĐ17NHA	4.54	19
14.	2110217036	Trần Duy Thanh	01CĐ17NHA	4.56	18
15.	2110217048	Vũ Thị Xuân	01CĐ17NHA	4.72	12
16.	2110517001	Đinh Thị An	01CĐ17XN	4.88	22
17.	2110517011	Nguyễn Thành Nam	01CĐ17XN	4.7	23
ĐẠI HỌC NĂM 1					
18.	3110218003	Đỗ Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	4.44	15
19.	3110218011	Mai Ngọc Ánh	01ĐH18ĐD	4.7	8
20.	3110218016	Bùi Thị Dung	01ĐH18ĐD	4.57	9
21.	3110218021	Nguyễn Thị Giang	01ĐH18ĐD	4.63	4
22.	3110218026	Nguyễn Thu Hà	01ĐH18ĐD	4.21	10
23.	3110218030	Dương Thị Thu Hằng	01ĐH18ĐD	4.49	12

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC HT	tổng số tín chỉ nợ
24.	3110218031	Đoàn Thị Thúy Hằng	01ĐH18ĐD	4.48	8
25.	3110218043	Dương Thị Hợp	01ĐH18ĐD	4.88	11
26.	3110218046	Lê Thị Huyền	01ĐH18ĐD	4.74	6
27.	3110218051	Nguyễn Gia Hưng	01ĐH18ĐD	4.52	10
28.	3110218066	Hoàng Mạnh Long	01ĐH18ĐD	4.73	8
29.	3110218067	Vũ Đức Long	01ĐH18ĐD	4.37	10
30.	3110218068	Phạm Minh Lý	01ĐH18ĐD	4.63	8
31.	3110218073	Nguyễn Thị Ngân	01ĐH18ĐD	4.82	6
32.	3110218076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01ĐH18ĐD	4.45	8
33.	3110218078	Trịnh Thảo Nguyên	01ĐH18ĐD	4.83	6
34.	3110218079	Phùng Thị Minh Nguyệt	01ĐH18ĐD	4.96	10
35.	3110218094	Phạm Bích Phương	01ĐH18ĐD	3.84	14
36.	3110218097	Nguyễn Thúy Quỳnh	01ĐH18ĐD	4.28	8
37.	3110218103	Nguyễn Đức Thiện	01ĐH18ĐD	4.72	6
38.	3110218117	Phạm Anh Tú	01ĐH18ĐD	4.57	12
39.	3110218118	Nguyễn Thanh Tùng	01ĐH18ĐD	4.18	10
40.	3110218119	Bùi Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	4.93	8
41.	3110218120	Đặng Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	4.81	10
42.	3110718009	Nguyễn Tiến Anh	01ĐH18KTHA	4.76	7
43.	3110718011	Trần Vũ Hồng Anh	01ĐH18KTHA	4.25	11
44.	3110718012	Sầm Văn Ba	01ĐH18KTHA	4.87	6
45.	3110718020	Đặng Thành Dương	01ĐH18KTHA	4.95	11
46.	3110718023	Đinh Tiến Đạt	01ĐH18KTHA	3.36	11
47.	3110718024	Đỗ Tiến Đạt	01ĐH18KTHA	4.71	6
48.	3110718028	Đinh Hoàng Giang	01ĐH18KTHA	4.81	9
49.	3110718045	Phùng Văn Hiệp	01ĐH18KTHA	4.97	4
50.	3110718047	Đường Hoàng Hiếu	01ĐH18KTHA	4.9	1
51.	3110718049	Đỗ Văn Hoàng	01ĐH18KTHA	4.04	9
52.	3110718051	Nguyễn Đắc Hòa	01ĐH18KTHA	4.38	5
53.	3110718052	Hoàng Việt Hoàng	01ĐH18KTHA	4.39	5
54.	3110718060	Phạm Hồng Huy	01ĐH18KTHA	4.37	5
55.	3110718066	Hà Trọng Khánh	01ĐH18KTHA	4.28	9
56.	3110718068	Hoàng Hữu Kiên	01ĐH18KTHA	3.58	16

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC HT	tổng số tín chỉ nợ
57.	3110718069	Nguyễn Hồng Kiên	01ĐH18KTHA	4.89	4
58.	3110718080	Nguyễn Minh Lý	01ĐH18KTHA	3.22	15
59.	3110718081	Mai Danh Minh	01ĐH18KTHA	3.95	7
60.	3110718083	Lê Văn Nam	01ĐH18KTHA	3.34	15
61.	3110718084	Nguyễn Kinh Nam	01ĐH18KTHA	4.75	5
62.	3110718088	Đỗ Bích Ngọc	01ĐH18KTHA	4.79	7
63.	3110718098	Phạm Phú Quý	01ĐH18KTHA	4.29	11
64.	3110718106	Nguyễn Văn Tân	01ĐH18KTHA	3.38	11
65.	3110718109	Tô Văn Thành	01ĐH18KTHA	4.47	11
66.	3110718110	Đinh Thị Phương Thảo	01ĐH18KTHA	4.44	7
67.	3110718115	Vũ Đức Thắng	01ĐH18KTHA	3.45	11
68.	3110718119	Nông Thị Hoài Thu	01ĐH18KTHA	3.92	13
69.	3110718120	Nguyễn Văn Tiệp	01ĐH18KTHA	4.66	11
70.	3110718121	Nguyễn Văn Toản	01ĐH18KTHA	4.64	9
71.	3110718122	Vũ Đình Tuân	01ĐH18KTHA	3.96	13
72.	3110718123	Nguyễn Việt Tuấn	01ĐH18KTHA	4.31	11
73.	3110718129	Hoàng Anh Tú	01ĐH18KTHA	3.39	13
74.	3110718134	Tạ Văn Trình	01ĐH18KTHA	4.31	7
75.	3110818080	Thào Tiến Tùng	01ĐH18KTHA	4.71	13
76.	3110818002	Nguyễn Hoài Anh	01ĐH18PHCN	4.6	7
77.	3110818004	Phạm Tuấn Anh	01ĐH18PHCN	4.68	13
78.	3110818005	Bùi Ngọc Ánh	01ĐH18PHCN	4.84	7
79.	3110818009	Vũ Mạnh Cường	01ĐH18PHCN	4.53	11
80.	3110818011	Vương Thị Thùy Dung	01ĐH18PHCN	4.22	14
81.	3110818014	Mạc Thị Ninh Giang	01ĐH18PHCN	4.51	8
82.	3110818021	Đinh Thị Hạnh	01ĐH18PHCN	4.63	11
83.	3110818032	Trần Quang Huy	01ĐH18PHCN	4.03	9
84.	3110818033	Nguyễn Văn Huynh	01ĐH18PHCN	4.77	11
85.	3110818034	Vũ Mạnh Hùng	01ĐH18PHCN	4.37	9
86.	3110818035	Nguyễn Trung Khải	01ĐH18PHCN	3.59	12
87.	3110818056	Nguyễn Minh Phương	01ĐH18PHCN	4.13	13
88.	3110818062	Cao Thị Quỳnh	01ĐH18PHCN	4.23	13

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC HT	tổng số tín chỉ nợ
89.	3110818064	Hoàng Thị Thanh Thanh	01ĐH18PHCN	4.99	15
90.	3110818079	Nguyễn Tuấn Tú	01ĐH18PHCN	4.87	14
91.	3110818083	Trần Minh Trí	01ĐH18PHCN	4.73	10
92.	3110818084	Phạm Văn Trưởng	01ĐH18PHCN	4.76	11
93.	3110518001	Đồng Hải An	01ĐH18XN	4.18	9
94.	3110518014	Vũ Đức Bình	01ĐH18XN	3.86	7
95.	3110518026	Cao Phan Dũng	01ĐH18XN	3.91	15
96.	3110518058	Hoàng Thị Hường	01ĐH18XN	4.65	10
97.	3110518073	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	4.8	9
98.	3110518075	Nguyễn Hải Nam	01ĐH18XN	4.09	15
99.	3110518088	Lê Thị Hồng Uyên	01ĐH18XN	4.84	5
100.	3110518095	Bùi Thị Quyên	01ĐH18XN	4.31	13
101.	3110518098	Mai Thị Tân	01ĐH18XN	4.42	11
102.	3110518102	Phạm Tiến Thi	01ĐH18XN	4.78	6
103.	3110518104	Nguyễn Hồng Thịnh	01ĐH18XN	2.95	11
104.	3110518111	Lê Thị Thư	01ĐH18XN	4.27	15
105.	3110518116	Đặng Quỳnh Trang	01ĐH18XN	4.96	5
106.	3111117003	Nguyễn Phương Anh	01ĐH18YK	4.6	8
107.	3111118018	Đinh Văn Điệp	01ĐH18YK	4.91	3
108.	3111118049	Vũ Văn Ngọc	01ĐH18YK	4.94	7
109.	3111118066	Phạm Văn Vĩnh	01ĐH18YK	4.95	9
110.	3110218202	Bùi Vân Anh	02ĐH18ĐD	4.94	8
111.	3110218210	Vũ Thị Lan Anh	02ĐH18ĐD	4.43	8
112.	3110218213	Quang Thị Kim Chi	02ĐH18ĐD	4.93	6
113.	3110218218	Đinh Việt Đức	02ĐH18ĐD	4.98	8
114.	3110218224	Đặng Thị Thu Hà	02ĐH18ĐD	4.73	8
115.	3110218235	Đỗ Thị Thu Hiền	02ĐH18ĐD	4.27	12
116.	3110218239	Nguyễn Thu Hoài	02ĐH18ĐD	4.11	6
117.	3110218240	Nguyễn Việt Hoàng	02ĐH18ĐD	4.71	10
118.	3110218244	Trương Minh Huệ	02ĐH18ĐD	4.61	6
119.	3110218248	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02ĐH18ĐD	4.48	12
120.	3110218252	Lê Thị Thu Hương	02ĐH18ĐD	4.95	8

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC HT	tổng số tín chỉ nợ
121.	3110218261	Phương Thùy Linh	02ĐH18ĐD	4.69	6
122.	3110218263	Trần Nhâm Lĩnh	02ĐH18ĐD	4.73	10
123.	3110218266	Nguyễn Bảo Long	02ĐH18ĐD	4.92	6
124.	3110218274	Nguyễn Công Nghị	02ĐH18ĐD	3.65	15
125.	3110218275	Nguyễn Thị Ngọc	02ĐH18ĐD	4.94	8
126.	3110218281	Đào Trang Nhung	02ĐH18ĐD	4.82	8
127.	3110218288	Đặng Thế Phong	02ĐH18ĐD	4.9	6
128.	3110218293	Nguyễn Thu Phương	02ĐH18ĐD	4.43	6
129.	3110218294	Nịnh Thị Phượng	02ĐH18ĐD	4.98	8
130.	3110218296	Nguyễn Thị Lệ Quyên	02ĐH18ĐD	4.61	8
131.	3110218317	Hoàng Mạnh Tùng	02ĐH18ĐD	3.35	13
132.	3110218318	Bùi Thị Thu Trang	02ĐH18ĐD	4.29	12
133.	3110218321	Lưu Thị Trang	02ĐH18ĐD	4.34	10
134.	3110218326	Bùi Thị Thu Trà	02ĐH18ĐD	4.11	12
135.	3110218327	Nguyễn Ngọc Trâm	02ĐH18ĐD	4.47	8
136.	3110218329	Tạ Xuân Trường	02ĐH18ĐD	4.28	8
137.	3110218332	Nguyễn Thị Yến	02ĐH18ĐD	4.91	8
ĐẠI HỌC NĂM 2					
138.	3110717002	Nguyễn Trung Anh	01ĐH17KTHA	3.81	24
139.	3110717010	Dương Minh Cường	01ĐH17KTHA	4.79	17
140.	3110717031	Tô Minh Hoàng	01ĐH17KTHA	4.45	28
141.	3110717038	Lại Dương Hưng	01ĐH17KTHA	4.9	19
142.	3110717041	Phan Văn Kiên	01ĐH17KTHA	4.24	12
143.	3110717042	Phạm Tùng Lâm	01ĐH17KTHA	4.79	17
144.	3110717048	Bùi Thành Nam	01ĐH17KTHA	4.83	19
145.	3110817059	Lò Thị Phượng	01ĐH17PHCN	4.97	22
146.	3110817073	Phạm Văn Thùy	01ĐH17PHCN	4.81	22
147.	3110517013	Lê Văn Đại	01ĐH17XN	4.96	22
148.	3110517050	Nguyễn Ngọc Thúy	01ĐH17XN	4.95	18
149.	3111117065	Đoàn Thị Nhung	01ĐH17YK	4.87	23
150.	3110717102	Đỗ Trung Anh	02ĐH17KTHA	4.93	22
151.	3110717110	Đào Quý Dương	02ĐH17KTHA	4.6	19
152.	3110717117	Phạm Minh Hiếu	02ĐH17KTHA	4.9	20

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC HT	tổng số tín chỉ nợ
153.	3110717134	Tô Thanh Linh	02ĐH17KTHA	4.45	21
154.	3110217249	Hoàng Văn Mến	03ĐH17ĐD	4.91	24
ĐẠI HỌC NĂM 3					
155.	3110516017	Nguyễn Hoàng	01ĐH16XN	4.66	36

2. Cảnh báo kết quả học tập

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC tích lũy	TBC HK	tổng số tín chỉ nợ	Ghi chú
CAO ĐẲNG NĂM 2							
1.	2110114007	Nguyễn Vũ Ngọc Dung	01CĐ17NHA	4.16	5.1	40	CBHT lần 2
2.	2110217033	Nguyễn Kim Nhung	01CĐ17ĐD	3.94	5.41	26	CBHT lần 2 liên tiếp
3.	2110217044	Nguyễn Đình Tuấn	01CĐ17ĐD	4.51	4.5	26	
4.	2110517002	Nguyễn Việt Anh	01CĐ17XN	4.69	5.47	35	CBHT lần 2 liên tiếp
CAO ĐẲNG NĂM 3							
5.	2110516045	Nguyễn Văn Tú	01CĐ16XN	5.00	5.88	31	CBHT lần 3 liên tiếp
6.	2110716007	Trần Trung Hiếu	01CĐ16KTHA	4.50	5.56	42	CBHT lần 3
7.	2110716010	Cao Đình Huy	01CĐ16KTHA	5.78	6.5	25	
ĐẠI HỌC NĂM 2							
8.	3110217026	Thân Đức Hoàng	01ĐH17ĐD	4.46	5.26	26	
9.	3110217136	Bùi Thu Hường	02ĐH17ĐD	5.22	6.35	25	
10.	3110217251	Vũ Trung Nghĩa	03ĐH17ĐD	4.30	6.06	28	
11.	3110217262	Hoàng Thị Quỳnh	03ĐH17ĐD	4.31	5.34	25	
12.	3110717014	Đỗ Xuân Dương	01ĐH17KTHA	4.36	4.55	32	
13.	3110717130	Phạm Quang Khải	02ĐH17KTHA	4.93	5.19	26	
14.	3110717152	Hoàng Văn Thức	02ĐH17KTHA	3.83	2.43	28	
15.	3110816011	Phạm Văn Dũng	01ĐH16PHCN	5.48	6.08	28	
16.	3110817038	Hà Thị Lan Hương	01ĐH17PHCN	5.08	6.77	25	
17.	3111117029	Lê Văn Hiến	01ĐH17YK	4.15	4.43	27	
18.	3111117036	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH17YK	4.58	4.69	34	
ĐẠI HỌC NĂM 3							
19.	3110216067	Trần Minh Tùng	01ĐH16NHA	5.82	7.1	25	CBHT lần 2 liên tiếp
20.	3110716009	Nguyễn Minh Đức	01ĐH16KTHA	4.76	6.21	40	CBHT lần 2 liên tiếp

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC tích lũy	TBC HK	tổng số tín chỉ nợ	Ghi chú
21.	3110716011	Lang Thanh Hà	01ĐH16KTHA	5.66	6.49	26	CBHT lần 2 liên tiếp
22.	3110716016	Phí Văn Hòa	01ĐH16KTHA	5.66	6.97	25	
23.	3110716056	Bùi Việt Dũng	01ĐH16KTHA	5.39	6.46	28	CBHT lần 2 liên tiếp
24.	3111116006	Hà Tuấn Dũng	01ĐH16YK	5.56	6.21	26	dh3
ĐẠI HỌC NĂM 4							
25.	3111113049	Lưu Minh Quý	01ĐH15YK	5.30	4.73	33	CBHT lần 3 liên tiếp

3. Buộc thôi học

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBC học kỳ I	TBC tích lũy	tổng số tín chỉ nợ	Ghi chú
CAO ĐẲNG NĂM 3							
1.	2110516045	Nguyễn Văn Tú	01CĐ16XN	5.00	5.88	31	CBHT lần 3 liên tiếp
ĐẠI HỌC NĂM 4							
2.	3111113049	Lưu Minh Quý	01ĐH15YK	5.30	4.73	33	CBHT lần 3 liên tiếp

Hải Dương, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

Lê Đức Thuận

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

TS.Đinh Thị Diệu Hăng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY ĐƯỢC HỌC TIẾP

(Đợt xét học vụ tháng 3/2019)

(Kèm theo Quyết định số ...53. ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
CAO ĐẲNG NĂM 2					
1	2110217003	Ninh Thị Anh	01CĐ17ĐD	6.5	18
2	2110217005	Nguyễn Thị Chính	01CĐ17ĐD	6	29
3	2110217006	Vũ Thị Dung	01CĐ17ĐD	6.3	25
4	2110217008	Hà Thị Duyên	01CĐ17ĐD	6.3	23
5	2110217009	Nguyễn Thị Duyên	01CĐ17ĐD	6.6	26
6	2110217010	Hoàng Hải Hà	01CĐ17ĐD	6.4	29
7	2110217011	Phạm Thị Hạnh	01CĐ17ĐD	6.1	36
8	2110217012	Vũ Thị Thanh Hằng	01CĐ17ĐD	6.4	28
9	2110217014	Nguyễn Thị Hiện	01CĐ17ĐD	6.2	22
10	2110217015	Dương Thị Hoa	01CĐ17ĐD	6.2	36
11	2110217017	Phùng Thị Hoa	01CĐ17ĐD	5.9	38
12	2110217019	Nguyễn Thị Mai Hương	01CĐ17ĐD	6.1	22
13	2110217020	Đặng Thị Hường	01CĐ17ĐD	6.5	22
14	2110217021	Phạm Thị Thu Hường	01CĐ17ĐD	6.5	33
15	2110217025	Lê Quang Linh	01CĐ17ĐD	6.4	38
16	2110217026	Nguyễn Thị Loan	01CĐ17ĐD	6.3	23
17	2110217027	Nguyễn Thị Thanh Mai	01CĐ17ĐD	6.4	49
18	2110217030	Vũ Thị Nga	01CĐ17ĐD	6.2	40
19	2110217033	Nguyễn Kim Nhung	01CĐ17ĐD	6.2	14
20	2110217034	Lương Thị Minh Phượng	01CĐ17ĐD	6.5	47
21	2110217035	Nguyễn Hồng Quân	01CĐ17ĐD	5.9	13
22	2110217037	Nguyễn Thanh Thảo	01CĐ17ĐD	5.9	27
23	2110217038	Nguyễn Thị Thu Thảo	01CĐ17ĐD	6.7	53
24	2110217039	Vũ Thị Thắm	01CĐ17ĐD	6.4	23
25	2110217041	Thân Thị Thúy	01CĐ17ĐD	6	35
26	2110217042	Bùi Thanh Thương	01CĐ17ĐD	6	27
27	2110217044	Nguyễn Đình Tuấn	01CĐ17ĐD	6	16
28	2110217045	Chu Thị Thanh Trang	01CĐ17ĐD	6.9	59
29	2110217046	Lê Thị Thu Trang	01CĐ17ĐD	6.4	26

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
30	2110217049	Phạm Thị Yến	01CĐ17ĐD	6.2	23
31	2110114007	Nguyễn Vũ Ngọc Dung	01CĐ17NHA	6.2	23
32	2110217001	Lưu Thị Ngọc Anh	01CĐ17NHA	6.5	24
33	2110217004	Nguyễn Thị Ánh	01CĐ17NHA	6.5	14
34	2110217007	Trần Hải Duy	01CĐ17NHA	6.4	15
35	2110217016	Nguyễn Thị Hoa	01CĐ17NHA	6.3	26
36	2110217018	Đào Thị Hồng	01CĐ17NHA	6.3	32
37	2110217022	Thân Văn Lâm	01CĐ17NHA	6.2	41
38	2110217023	Phạm Thị Nhật Lệ	01CĐ17NHA	6.6	26
39	2110217024	Trịnh Hoài Linh	01CĐ17NHA	6.7	35
40	2110217028	Vũ Thị Mai	01CĐ17NHA	6.2	12
41	2110217029	Bùi Đức Nhật Minh	01CĐ17NHA	6.1	15
42	2110217031	Đặng Thị Xuân Nghĩa	01CĐ17NHA	6.7	41
43	2110217036	Trần Duy Thanh	01CĐ17NHA	6.5	10
44	2110217040	Vũ Đức Thịnh	01CĐ17NHA	6.6	14
45	2110217047	Phạm Thị Trinh	01CĐ17NHA	6.3	37
46	2110217048	Vũ Thị Xuân	01CĐ17NHA	6.4	17
47	2110517001	Đinh Thị An	01CĐ17XN	6.1	21
48	2110517002	Nguyễn Việt Anh	01CĐ17XN	6.7	13
49	2110517003	Lê Thị Châu	01CĐ17XN	6.2	43
50	2110517004	Nguyễn Lương Thu Hằng	01CĐ17XN	6	33
51	2110517005	Đoàn Minh Hiếu	01CĐ17XN	6.1	33
52	2110517006	Đỗ Văn Hoàng	01CĐ17XN	6.3	46
53	2110517007	Đỗ Thị Hương	01CĐ17XN	6.1	22
54	2110517008	Nguyễn Như Hứa	01CĐ17XN	6.9	52
55	2110517009	Nguyễn Thị Ngọc Liên	01CĐ17XN	6.3	28
56	2110517010	Nguyễn Thùy Linh	01CĐ17XN	6.3	32
57	2110517011	Nguyễn Thành Nam	01CĐ17XN	6.3	9
58	2110517012	Trần Huệ Nhi	01CĐ17XN	6.2	31
59	2110517016	Đặng Thị Thúy	01CĐ17XN	6.4	27
60	2110717002	Phạm Hữu Dũng	01CĐ17KTHA	6.3	15
61	2110717003	Đồng Bá Đức	01CĐ17KTHA	6.4	51
62	2110717004	Nguyễn Anh Đức	01CĐ17KTHA	6.2	37
63	2110717007	Đặng Toàn Khoa	01CĐ17KTHA	6.2	35
64	2110717010	Nguyễn Văn Phát	01CĐ17KTHA	6.1	23
65	2110717011	Nguyễn Hồng Sơn	01CĐ17KTHA	5.8	42
66	2110717012	Nguyễn Văn Tam	01CĐ17KTHA	6.2	29
67	2110717013	Lê Hoàng Vỹ	01CĐ17KTHA	6.6	26
68	2110717014	Dương Đức Lợi	01CĐ17KTHA	6.1	22
69	2110817002	Đào Thị Hằng	01CĐ17PHCN	6.9	60
70	2110817003	Nguyễn Thị Hằng	01CĐ17PHCN	6.9	30
71	2110817004	Đặng Huy Hiếu	01CĐ17PHCN	7	32

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
72	2110817005	Nguyễn Minh Hiếu	01CĐ17PHCN	6.8	50
73	2110817006	Hoàng Ngọc Hoa	01CĐ17PHCN	6.7	42
74	2110817007	Nguyễn Thị Thu Hồng	01CĐ17PHCN	6.5	26
75	2110817008	Vũ Thị Minh Hường	01CĐ17PHCN	6.4	42
76	2110817009	Phan Thúy Kiều	01CĐ17PHCN	6.7	38
77	2110817010	Nguyễn Thùy Linh	01CĐ17PHCN	6.6	53
78	2110817011	Lùng Văn Lĩnh	01CĐ17PHCN	6.6	53
79	2110817012	Nguyễn Quỳnh Ly	01CĐ17PHCN	7	42
80	2110817014	Đinh Nhật Thành	01CĐ17PHCN	6.3	36
81	2110817015	Lê Thị Hà Trang	01CĐ17PHCN	6.7	32
CAO ĐẲNG NĂM 3					
82	2110216002	Đỗ Thị Lan Anh	01CĐ16ĐD	7	97
83	2110216005	Nguyễn Thị Phương Anh	01CĐ16ĐD	6.9	100
84	2110216007	Phạm Thị Lan Anh	01CĐ16ĐD	6.7	102
85	2110216008	Nguyễn Thị Ánh	01CĐ16ĐD	6.6	87
86	2110216010	Nguyễn Thị Tú Chinh	01CĐ16ĐD	6.3	76
87	2110216011	Đào Kiều Diễm	01CĐ16ĐD	7.2	102
88	2110216012	Nguyễn Thị Dung	01CĐ16ĐD	7.4	102
89	2110216015	Nguyễn Thị Giang	01CĐ16ĐD	6.7	87
90	2110216016	Đỗ Thị Nguyệt Hà	01CĐ16ĐD	6.5	87
91	2110216017	Lê Thị Thu Hà	01CĐ16ĐD	6.7	90
92	2110216018	Phạm Thị Hà	01CĐ16ĐD	6.6	96
93	2110216020	Lê Thị Thu Hảo	01CĐ16ĐD	6.5	98
94	2110216021	Nguyễn Thị Hằng	01CĐ16ĐD	6.8	90
95	2110216022	Ngô Thị Hậu	01CĐ16ĐD	6.8	102
96	2110216026	Phạm Thúy Hiền	01CĐ16ĐD	6.3	87
97	2110216027	Ngô Thị Bích Hồng	01CĐ16ĐD	6.9	92
98	2110216029	Bùi Thị Huyền	01CĐ16ĐD	6.5	90
99	2110216030	Nguyễn Thị Trang Huyền	01CĐ16ĐD	6.9	95
100	2110216039	Nguyễn Thị Ngát	01CĐ16ĐD	7	85
101	2110216040	Ngô Thị Nguyên	01CĐ16ĐD	7.3	102
102	2110216041	Lê Thị Nhung	01CĐ16ĐD	6.8	95
103	2110216043	Trần Thị Nương	01CĐ16ĐD	7	102
104	2110216044	Mã Thu Uyên	01CĐ16ĐD	6.5	97
105	2110216045	Nguyễn Huệ Phương	01CĐ16ĐD	7	102
106	2110216050	Nguyễn Thị Phương Thảo	01CĐ16ĐD	6.5	94
107	2110216051	Vũ Thị Thêm	01CĐ16ĐD	6.6	94
108	2110216052	Nguyễn Thị Thủy	01CĐ16ĐD	6.9	102
109	2110216054	Phạm Thị Tuyết	01CĐ16ĐD	6.4	87
110	2110216055	Vũ Thị Ánh Tuyết	01CĐ16ĐD	6.5	102
111	2110216059	Trần Thị Huyền Trang	01CĐ16ĐD	7	99
112	2110216060	Vũ Thị Trang	01CĐ16ĐD	7	102

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
113	2110216061	Lê Phương Trinh	01CĐ16ĐD	6.7	95
114	2110216065	Phạm Thị Yến	01CĐ16ĐD	7.1	94
115	2110216072	Đặng Thị Lan Anh	01CĐ16ĐD	7.2	102
116	2110216073	Mạc Quỳnh Anh	01CĐ16ĐD	6.7	97
117	2110216074	Nguyễn Thị Lan Anh	01CĐ16ĐD	7.6	102
118	2110216077	Quách Thị Kim Anh	01CĐ16ĐD	7	102
119	2110216079	Nguyễn Thị Ánh	01CĐ16ĐD	6.7	99
120	2110216081	Bùi Thùy Dung	01CĐ16ĐD	6.4	95
121	2110216082	Bùi Thị Đua	01CĐ16ĐD	6.7	98
122	2110216083	Phạm Thị Hồng Gấm	01CĐ16ĐD	7	99
123	2110216084	Cao Hoàng Hương Giang	01CĐ16ĐD	6.5	90
124	2110216086	Hồ Thị Hà	01CĐ16ĐD	7.1	102
125	2110216087	Nguyễn Thị Hà	01CĐ16ĐD	7.2	99
126	2110216088	Trần Thị Hảo	01CĐ16ĐD	7.2	102
127	2110216090	Nguyễn Thị Hậu	01CĐ16ĐD	7	93
128	2110216091	Nguyễn Thị Hiền	01CĐ16ĐD	6.6	98
129	2110216092	Nguyễn Thị Hoa	01CĐ16ĐD	6.7	95
130	2110216093	Nguyễn Thị Hồng	01CĐ16ĐD	6.9	97
131	2110216096	Vũ Thị Huyền	01CĐ16ĐD	6.8	102
132	2110216097	Hoàng Thị Mai Hương	01CĐ16ĐD	6.4	97
133	2110216098	Nguyễn Thị Thu Hương	01CĐ16ĐD	6.6	91
134	2110216100	Hoàng Thanh Lan	01CĐ16ĐD	6.9	102
135	2110216101	Hoàng Thị Ngọc Lan	01CĐ16ĐD	7.1	102
136	2110216103	Nguyễn Thị Linh	01CĐ16ĐD	6.8	95
137	2110216104	Lê Thị Nga	01CĐ16ĐD	6.1	86
138	2110216106	Nguyễn Thị Thúy Nga	01CĐ16ĐD	6.7	97
139	2110216108	Bùi Thị Ngọc	01CĐ16ĐD	7	102
140	2110216109	Lê Thị Nhung	01CĐ16ĐD	6.7	99
141	2110216110	Lê Thị Tuyết Nhung	01CĐ16ĐD	7	102
142	2110216112	Đỗ Thu Phương	01CĐ16ĐD	6.7	99
143	2110216114	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	01CĐ16ĐD	6.3	92
144	2110216115	Đàm Phương Thảo	01CĐ16ĐD	6.8	102
145	2110216116	Vũ Thị Phương Thảo	01CĐ16ĐD	6.4	96
146	2110216117	Nguyễn Thị Thơm	01CĐ16ĐD	6.9	98
147	2110216119	Đỗ Thị Thủy	01CĐ16ĐD	6.4	102
148	2110216120	Trần Thị Thủy	01CĐ16ĐD	6.7	99
149	2110216121	Nguyễn Thị Thanh Thư	01CĐ16ĐD	6.6	98
150	2110216122	Lê Thị Thương	01CĐ16ĐD	6.4	91
151	2110216124	Nguyễn Thị Tuyết	01CĐ16ĐD	6.5	102
152	2110216125	Bùi Thị Trang	01CĐ16ĐD	6.5	94
153	2110216127	Thái Thị Thu Trang	01CĐ16ĐD	7	102
154	2110216128	Trần Thị Vân Trang	01CĐ16ĐD	6.3	85

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
155	2110216129	Vũ Thị Trinh	01CĐ16ĐD	6.6	96
156	2110216130	Nguyễn Thị Yến	01CĐ16ĐD	7	94
157	2110216131	Phạm Thị Hải Yến	01CĐ16ĐD	7.3	102
158	2110216003	Mạc Vân Anh	01CĐ16GMHS	6.4	98
159	2110216006	Nguyễn Thị Vân Anh	01CĐ16GMHS	6.8	108
160	2110216032	Nguyễn Thị Lan Hương	01CĐ16GMHS	6.6	110
161	2110216034	Nguyễn Thị Lan	01CĐ16GMHS	7	108
162	2110216036	Đào Thị Thúy Linh	01CĐ16GMHS	7.1	102
163	2110216075	Nguyễn Tùng Anh	01CĐ16GMHS	6.3	73
164	2110216076	Phạm Tú Anh	01CĐ16GMHS	6.6	110
165	2110216080	Nguyễn Linh Chi	01CĐ16GMHS	6.5	104
166	2110216085	Nguyễn Văn Giang	01CĐ16GMHS	6.3	93
167	2110216094	Vi Như Huế	01CĐ16GMHS	6.8	110
168	2110216105	Nguyễn Thị Nga	01CĐ16GMHS	6.7	99
169	2110216107	Thạch Thọ Trung Nghĩa	01CĐ16GMHS	6.5	100
170	2110216118	Nguyễn Đức Thuận	01CĐ16GMHS	6.5	92
171	2110216053	Lê Thị Thương	01CĐ16HS	7	104
172	2110216001	Đặng Ngọc Anh	01CĐ16NHA	7.2	101
173	2110216004	Nguyễn Thế Anh	01CĐ16NHA	6.5	74
174	2110216009	Vũ Xuân Bách	01CĐ16NHA	6.5	90
175	2110216014	Đỗ Thị Dương	01CĐ16NHA	6.5	83
176	2110216023	Lưu Trung Hiếu	01CĐ16NHA	6.4	80
177	2110216024	Nguyễn Trung Hiếu	01CĐ16NHA	6.8	85
178	2110216025	Cao Thị Hiền	01CĐ16NHA	6.5	97
179	2110216028	Nguyễn Thị Huế	01CĐ16NHA	6.4	86
180	2110216031	Giáp Thị Diễm Hương	01CĐ16NHA	6.6	101
181	2110216037	Thái Thị Linh	01CĐ16NHA	6.8	97
182	2110216038	Trần Thị Thùy Linh	01CĐ16NHA	6.3	87
183	2110216042	Nguyễn Thị Ninh	01CĐ16NHA	6.5	93
184	2110216046	Hoàng Thị Quỳnh	01CĐ16NHA	7.1	105
185	2110216047	Nguyễn Hương Quỳnh	01CĐ16NHA	6.5	75
186	2110216056	Lưu Văn Tùng	01CĐ16NHA	6.5	73
187	2110216058	Lương Thu Trang	01CĐ16NHA	6.7	54
188	2110216062	Nguyễn Duy Trinh	01CĐ16NHA	7	105
189	2110216078	Hà Thị Ánh	01CĐ16NHA	6.8	89
190	2110216089	Lương Lệ Hằng	01CĐ16NHA	6.7	101
191	2110216095	Bùi Thị Huyền	01CĐ16NHA	6.8	101
192	2110216099	Ngô Thị Hường	01CĐ16NHA	6.9	101
193	2110216113	Nguyễn Thị Phương	01CĐ16NHA	6.8	101
194	2110316001	Bùi Thị Vân Anh	01CĐ16HS	7.2	104
195	2110316002	Lê Phương Anh	01CĐ16HS	6.7	104
196	2110316003	Nguyễn Thị Lan Anh	01CĐ16HS	6.7	104

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
197	2110316004	Vũ Vân Anh	01CĐ16HS	6.6	100
198	2110316005	Bùi Thị Lan Anh	01CĐ16HS	6.5	100
199	2110316006	Nguyễn Thị Dịu	01CĐ16HS	6.4	98
200	2110316007	Hoàng Thị Duyên	01CĐ16HS	7.1	104
201	2110316008	Phùng Thị Mỹ Duyên	01CĐ16HS	6.9	101
202	2110316009	Hoàng Thị Hà Giang	01CĐ16HS	7.3	104
203	2110316010	Phạm Thị Giang	01CĐ16HS	6.6	104
204	2110316011	Chu Thị Nguyệt Hà	01CĐ16HS	6.8	104
205	2110316012	Vũ Ngọc Hà	01CĐ16HS	6.7	97
206	2110316013	Trần Thị Hằng	01CĐ16HS	6.8	104
207	2110316014	Nguyễn Thị Hồi	01CĐ16HS	6.6	104
208	2110316015	Phan Thị Huệ	01CĐ16HS	6.6	104
209	2110316016	Đỗ Ngọc Huyền	01CĐ16HS	6.4	83
210	2110316017	Đỗ Thị Huyền	01CĐ16HS	7.2	104
211	2110316018	Nguyễn Thị Ngọc Khuyên	01CĐ16HS	7	104
212	2110316019	Đinh Thị Loan	01CĐ16HS	6.3	83
213	2110316020	Nguyễn Thị Lý	01CĐ16HS	6.6	104
214	2110316021	Nguyễn Thị Phương Minh	01CĐ16HS	6.5	88
215	2110316022	Nguyễn Thị Ngân	01CĐ16HS	6.7	104
216	2110316023	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01CĐ16HS	6.4	88
217	2110316024	Phạm Thị Ngọc	01CĐ16HS	6.5	89
218	2110316025	Phạm Thị Bích Ngọc	01CĐ16HS	6.2	97
219	2110316026	Nguyễn Thị Nguyệt	01CĐ16HS	7.1	92
220	2110316028	Tạ Thị Thu Phượng	01CĐ16HS	6.3	90
221	2110316029	Đặng Thị Phương Thảo	01CĐ16HS	6.7	98
222	2110316030	Hứa Thị Đức Thảo	01CĐ16HS	6.8	104
223	2110316031	Trịnh Thị Thảo	01CĐ16HS	6.9	104
224	2110316032	Nguyễn Thị Thơm	01CĐ16HS	6.7	79
225	2110316033	Nguyễn Thị Phương Thúy	01CĐ16HS	6.9	104
226	2110316034	Dương Thị Thủy	01CĐ16HS	7.2	104
227	2110316035	Vũ Thị Bích Thủy	01CĐ16HS	7	104
228	2110316036	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01CĐ16HS	6.6	102
229	2110316037	Vương Thị Thu Trang	01CĐ16HS	7.5	104
230	2110316038	Nguyễn Thị Vân	01CĐ16HS	6.9	104
231	2110316039	Vũ Hải Yến	01CĐ16HS	6.6	66
232	2110515068	Nguyễn Kiều Trang	01CĐ16XN	6.1	67
233	2110516001	Phạm Thị Duyên	01CĐ16XN	6.9	97
234	2110516004	Nguyễn Tuấn Anh	01CĐ16XN	5.9	72
235	2110516006	Hà Thùy Dung	01CĐ16XN	6.8	97
236	2110516007	Nguyễn Thị Phương Dung	01CĐ16XN	6.5	72
237	2110516009	Trần Văn Đương	01CĐ16XN	7	101
238	2110516010	Nguyễn Trung Đức	01CĐ16XN	6.5	74

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
239	2110516011	Phí Thị Giang	01CĐ16XN	6.7	101
240	2110516012	Đặng Hải Hà	01CĐ16XN	6.5	74
241	2110516014	Nguyễn Thị Thu Hằng	01CĐ16XN	6.6	101
242	2110516015	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01CĐ16XN	6.8	89
243	2110516016	Phan Thị Hằng	01CĐ16XN	7.1	101
244	2110516017	Phạm Thị Thanh Hằng	01CĐ16XN	7.1	98
245	2110516018	Ngô Thị Thanh Hậu	01CĐ16XN	6.9	101
246	2110516020	Nguyễn Thái Hiệp	01CĐ16XN	6.7	97
247	2110516022	Hoàng Thế Hoàng	01CĐ16XN	6.3	84
248	2110516023	Thào Thị Hồng	01CĐ16XN	7.2	101
249	2110516024	Trần Thị Huế	01CĐ16XN	7	101
250	2110516025	Đặng Thanh Huyền	01CĐ16XN	7	99
251	2110516026	Nguyễn Văn Hưng	01CĐ16XN	7.1	101
252	2110516029	Phan Thị Hồng Lan	01CĐ16XN	6.9	97
253	2110516030	Phạm Thị Liên	01CĐ16XN	7	101
254	2110516031	Nguyễn Thị Miền	01CĐ16XN	7	97
255	2110516032	Dương Thị Thanh Nga	01CĐ16XN	6.1	75
256	2110516033	Hoàng Thị Nga	01CĐ16XN	6.8	99
257	2110516034	Bùi Thị Nguyên	01CĐ16XN	6.4	87
258	2110516035	Huỳnh Thị Nhung	01CĐ16XN	6.5	87
259	2110516036	Phạm Văn Như	01CĐ16XN	6.7	91
260	2110516038	Nguyễn Quý Phước	01CĐ16XN	6.2	89
261	2110516039	Hà Phương Thảo	01CĐ16XN	6.1	56
262	2110516040	Hà Thị Thảo	01CĐ16XN	6.7	97
263	2110516041	Nguyễn Thị Phương Thảo	01CĐ16XN	6.7	101
264	2110516042	Bùi Thị Thơm	01CĐ16XN	6.9	101
265	2110516043	Nguyễn Thị Thu	01CĐ16XN	6.8	101
266	2110516044	Lê Thị Tuyết	01CĐ16XN	7.1	89
267	2110516046	Đỗ Thị Huyền Trang	01CĐ16XN	7.3	101
268	2110516047	Nguyễn Huyền Trang	01CĐ16XN	7.6	101
269	2110516048	Nguyễn Thị Huyền Trang	01CĐ16XN	6.4	84
270	2110516049	Nguyễn Thị Thu Trang	01CĐ16XN	6.9	101
271	2110516050	Phạm Thị Trang	01CĐ16XN	7.1	93
272	2110516051	Bùi Xuân Trường	01CĐ16XN	6.1	63
273	2110516054	Phạm Thị Vui	01CĐ16XN	6.9	99
274	2110516056	Bùi Thị Như Ngọc	01CĐ16XN	7.2	97
275	2110516058	Nguyễn Đức Thắng	01CĐ16XN	6.3	84
276	2110716001	Hoàng Anh	01CĐ16KTHA	6.3	73
277	2110716002	Phạm Ngọc Anh	01CĐ16KTHA	7.9	99
278	2110716003	Nguyễn Đức Bình	01CĐ16KTHA	6.1	63
279	2110716004	Lê Anh Dương	01CĐ16KTHA	6.6	68
280	2110716005	Nguyễn Ngọc Dương	01CĐ16KTHA	6.4	68

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
281	2110716006	Nguyễn Văn Hậu	01CĐ16KTHA	6.3	61
282	2110716007	Trần Trung Hiếu	01CĐ16KTHA	6.6	25
283	2110716008	Lê Văn Hoàn	01CĐ16KTHA	6.3	43
284	2110716010	Cao Đình Huy	01CĐ16KTHA	6.5	64
285	2110716011	Nguyễn Văn Huy	01CĐ16KTHA	6.3	67
286	2110716012	Phạm Trung Kiên	01CĐ16KTHA	6.6	83
287	2110716014	Trần Ngọc Lê	01CĐ16KTHA	6.6	87
288	2110716016	Nguyễn Mạnh Linh	01CĐ16KTHA	6.6	96
289	2110716018	Phạm Tuấn Linh	01CĐ16KTHA	6.2	57
290	2110716019	Phạm Văn Long	01CĐ16KTHA	6.6	69
291	2110716020	Trần Đức Long	01CĐ16KTHA	7	87
292	2110716021	Nguyễn Xuân Luận	01CĐ16KTHA	6.8	91
293	2110716022	Đặng Phương Nam	01CĐ16KTHA	6.9	94
294	2110716023	Phạm Tiến Nam	01CĐ16KTHA	6.7	90
295	2110716024	Đào Kim Nghĩa	01CĐ16KTHA	6.7	69
296	2110716025	Trần Thảo Nguyên	01CĐ16KTHA	6.8	99
297	2110716026	Đặng Quang Ninh	01CĐ16KTHA	7	68
298	2110716027	Nguyễn Thế Phương	01CĐ16KTHA	6.5	99
299	2110716028	Hà Minh Quang	01CĐ16KTHA	6.7	71
300	2110716029	Lê Tiến Quang	01CĐ16KTHA	6.4	75
301	2110716030	Phạm Minh Quang	01CĐ16KTHA	6.7	63
302	2110716031	Trương Đình Quân	01CĐ16KTHA	6.6	83
303	2110716032	Hoàng Trường Sơn	01CĐ16KTHA	7.2	95
304	2110716033	Lê Bá Thái Sơn	01CĐ16KTHA	7.1	85
305	2110716034	Lê Tiến Thành	01CĐ16KTHA	6.2	81
306	2110716035	Vũ Văn Thế	01CĐ16KTHA	6.7	83
307	2110716036	Lê Minh Tiến	01CĐ16KTHA	6.2	64
308	2110716037	Trần Minh Toàn	01CĐ16KTHA	6.4	67
309	2110716038	Vương Quốc Tuấn	01CĐ16KTHA	7	87
310	2110716039	Nguyễn Khắc Tú	01CĐ16KTHA	6.9	91
311	2110716040	Nguyễn Văn Tráng	01CĐ16KTHA	6.3	64
312	2110716041	Nguyễn Văn Trường	01CĐ16KTHA	7.2	91
313	2110716042	Nguyễn Ngọc Việt	01CĐ16KTHA	6.7	89
314	2110716043	Nguyễn Thành Vinh	01CĐ16KTHA	7.2	99
315	2110716044	Nguyễn Văn Chiến	01CĐ16KTHA	6.7	83
316	2110716045	Trịnh Văn Tú	01CĐ16KTHA	6.6	87
ĐẠI HỌC NĂM 1					
317	3110218002	Bùi Thị Phương Anh	01ĐH18ĐD	6.9	18
318	3110218003	Đỗ Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	6.8	4
319	3110218004	Kiều Thị Kim Anh	01ĐH18ĐD	6.4	17
320	3110218005	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	6.2	14
321	3110218006	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	6.2	19

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
322	3110218007	Nguyễn Thị Phương Anh	01ĐH18ĐD	6.2	11
323	3110218008	Nguyễn Thị Vân Anh	01ĐH18ĐD	6.6	13
324	3110218009	Phạm Thị Phương Anh	01ĐH18ĐD	6.2	10
325	3110218010	Vũ Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	5.6	9
326	3110218011	Mai Ngọc Ánh	01ĐH18ĐD	6.2	8
327	3110218012	Trần Ngọc Ánh	01ĐH18ĐD	5.6	12
328	3110218013	Nguyễn Thị Chi	01ĐH18ĐD	5.8	10
329	3110218014	Vũ Thị Diệu Chi	01ĐH18ĐD	6	11
330	3110218015	Đào Thị Thủy Chung	01ĐH18ĐD	6.1	10
331	3110218016	Bùi Thị Dung	01ĐH18ĐD	6.1	9
332	3110218017	Phạm Thùy Dung	01ĐH18ĐD	5.9	14
333	3110218019	Đào Hương Giang	01ĐH18ĐD	6.4	13
334	3110218021	Nguyễn Thị Giang	01ĐH18ĐD	5.6	10
335	3110218022	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH18ĐD	6.7	8
336	3110218023	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH18ĐD	6.6	8
337	3110218024	Dương Nguyệt Hà	01ĐH18ĐD	6.2	13
338	3110218025	Đỗ Thị Thu Hà	01ĐH18ĐD	5.9	14
339	3110218026	Nguyễn Thu Hà	01ĐH18ĐD	5.5	8
340	3110218027	Trần Thu Hà	01ĐH18ĐD	6.5	18
341	3110218028	Dương Thị Hảo	01ĐH18ĐD	6.4	10
342	3110218029	Ngô Thị Hồng Hạnh	01ĐH18ĐD	6.4	12
343	3110218030	Dương Thị Thu Hằng	01ĐH18ĐD	7.9	4
344	3110218031	Đoàn Thị Thúy Hằng	01ĐH18ĐD	5.8	10
345	3110218032	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH18ĐD	6.7	17
346	3110218034	Phạm Thị Hiếu	01ĐH18ĐD	6.5	12
347	3110218035	Đỗ Thị Hiền	01ĐH18ĐD	6.5	13
348	3110218036	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH18ĐD	5.9	14
349	3110218037	Vũ Ngọc Hiền	01ĐH18ĐD	6.3	13
350	3110218039	Trần Thị Hoa	01ĐH18ĐD	6	13
351	3110218040	Ngô Thị Hoàn	01ĐH18ĐD	6.7	13
352	3110218041	Bùi Thị Hòa	01ĐH18ĐD	6.6	16
353	3110218043	Dương Thị Hợp	01ĐH18ĐD	5.9	9
354	3110218044	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH18ĐD	6.7	17
355	3110218045	Lê Khánh Huyền	01ĐH18ĐD	6.2	16
356	3110218046	Lê Thị Huyền	01ĐH18ĐD	5.9	10
357	3110218047	Nguyễn Thanh Huyền	01ĐH18ĐD	6.7	19
358	3110218048	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01ĐH18ĐD	6.3	18
359	3110218049	Phạm Thị Khánh Huyền	01ĐH18ĐD	6.9	19
360	3110218050	Vương Thị Thanh Huyền	01ĐH18ĐD	6.5	11
361	3110218051	Nguyễn Gia Hưng	01ĐH18ĐD	6.6	7
362	3110218052	Lê Thị Thu Hương	01ĐH18ĐD	5.9	14
363	3110218053	Nguyễn Thị Hương	01ĐH18ĐD	6	17

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
364	3110218054	Nguyễn Thị Hương	01ĐH18ĐD	6.6	12
365	3110218055	Triệu Thu Hương	01ĐH18ĐD	6.7	13
366	3110218056	Bùi Ngọc Khánh	01ĐH18ĐD	6.5	18
367	3110218057	Trương Thị Phương Liên	01ĐH18ĐD	6.9	13
368	3110218058	Lý Thị Thùy Linh	01ĐH18ĐD	6.2	18
369	3110218059	Nguyễn Thị Khánh Linh	01ĐH18ĐD	6.1	14
370	3110218060	Nguyễn Thùy Linh	01ĐH18ĐD	6	8
371	3110218061	Phan Khánh Linh	01ĐH18ĐD	6.6	19
372	3110218062	Trần Thị Thùy Linh	01ĐH18ĐD	5.8	13
373	3110218063	Vũ Thị Mỹ Linh	01ĐH18ĐD	6.3	13
374	3110218064	Ngô Thị Kiều Loan	01ĐH18ĐD	6.2	8
375	3110218066	Hoàng Mạnh Long	01ĐH18ĐD	6.3	9
376	3110218067	Vũ Đức Long	01ĐH18ĐD	6.7	7
377	3110218068	Phạm Minh Lý	01ĐH18ĐD	6.1	9
378	3110218069	Vi Thị Nga My	01ĐH18ĐD	5.5	10
379	3110218070	Nguyễn Thúy Nga	01ĐH18ĐD	6.6	7
380	3110218071	Trịnh Thị Phương Nga	01ĐH18ĐD	6.3	20
381	3110218072	Cao Thị Ngân	01ĐH18ĐD	6.9	18
382	3110218073	Nguyễn Thị Ngân	01ĐH18ĐD	5.8	12
383	3110218074	Trịnh Thị Ngân	01ĐH18ĐD	6.4	17
384	3110218076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01ĐH18ĐD	5.7	9
385	3110218077	Vũ Thị Ánh Ngọc	01ĐH18ĐD	6.5	17
386	3110218078	Trịnh Thảo Nguyên	01ĐH18ĐD	6.2	11
387	3110218079	Phùng Thị Minh Nguyệt	01ĐH18ĐD	6	8
388	3110218080	Nguyễn Thị Nhạn	01ĐH18ĐD	6.4	13
389	3110218081	Ngô Vũ Hạnh Nhi	01ĐH18ĐD	7.1	18
390	3110218082	Nguyễn Thị Trang nhung	01ĐH18ĐD	5.7	14
391	3110218083	Trần Thị Hồng Nhung	01ĐH18ĐD	6.8	15
392	3110218084	Dương Thị Nhường	01ĐH18ĐD	7.4	17
393	3110218085	Ngô Thị Nụ	01ĐH18ĐD	7	15
394	3110218086	Hà Kiều Oanh	01ĐH18ĐD	6.2	12
395	3110218087	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH18ĐD	5.3	17
396	3110218088	Trần Thị Ưng	01ĐH18ĐD	6.2	10
397	3110218089	Hoàng Thị Phương	01ĐH18ĐD	6.5	13
398	3110218090	Lăng Thị Như Phương	01ĐH18ĐD	6.2	11
399	3110218091	Lê Thu Phương	01ĐH18ĐD	6.3	13
400	3110218093	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH18ĐD	6.5	10
401	3110218094	Phạm Bích Phương	01ĐH18ĐD	6.3	3
402	3110218095	Nông Thị Phượng	01ĐH18ĐD	6.2	13
403	3110218096	Hoàng Thị Quyên	01ĐH18ĐD	6.6	11
404	3110218097	Nguyễn Thúy Quỳnh	01ĐH18ĐD	5.6	6
405	3110218098	Đỗ Minh Tâm	01ĐH18ĐD	6.4	13

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
406	3110218099	Đoàn Phương Thảo	01ĐH18ĐD	6	14
407	3110218100	Hoàng Phương Thảo	01ĐH18ĐD	7	14
408	3110218101	Trịnh Thị Thanh Thảo	01ĐH18ĐD	6	11
409	3110218103	Nguyễn Đức Thiện	01ĐH18ĐD	6	11
410	3110218104	Nguyễn Minh Thu	01ĐH18ĐD	5.7	11
411	3110218105	Nguyễn Hồ Phương Thúy	01ĐH18ĐD	6.5	11
412	3110218106	Nguyễn Thị Hồng Thúy	01ĐH18ĐD	6.6	13
413	3110218107	Phạm Thị Thúy	01ĐH18ĐD	7	13
414	3110218108	Trương Thị Thanh Thúy	01ĐH18ĐD	7.1	13
415	3110218109	Lê Thị Thu Thủy	01ĐH18ĐD	6.8	17
416	3110218110	Bùi Thị Bích Thủy	01ĐH18ĐD	6.9	12
417	3110218111	Nguyễn Thị Thu Thủy	01ĐH18ĐD	5.5	14
418	3110218112	Đồng Thị Thư	01ĐH18ĐD	6.3	14
419	3110218113	Lãnh Thị Minh Thương	01ĐH18ĐD	5.9	12
420	3110218114	Nguyễn Thị Thủy Tiên	01ĐH18ĐD	6.7	10
421	3110218115	Nguyễn Thị Tiến	01ĐH18ĐD	6.1	7
422	3110218116	Nguyễn Thị Tình	01ĐH18ĐD	6.7	12
423	3110218117	Phạm Anh Tú	01ĐH18ĐD	6.7	8
424	3110218118	Nguyễn Thanh Tùng	01ĐH18ĐD	6.5	6
425	3110218119	Bùi Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	6.2	9
426	3110218120	Đặng Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	6	7
427	3110218121	Lê Thị Kiều Trang	01ĐH18ĐD	6.6	10
428	3110218122	Nguyễn Thị Trang	01ĐH18ĐD	5.7	17
429	3110218123	Nguyễn Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	6	17
430	3110218124	Nguyễn Thị Thùy Trang	01ĐH18ĐD	6.1	13
431	3110218125	Trần Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	6.6	10
432	3110218126	Bùi Thị Thanh Trà	01ĐH18ĐD	6.5	13
433	3110218128	Đặng Thị Huyền Trân	01ĐH18ĐD	5.8	10
434	3110218129	Lê Bá Trường	01ĐH18ĐD	6.8	17
435	3110218131	Trần Thị Vinh	01ĐH18ĐD	6.5	17
436	3110218132	Lê Hồng Yến	01ĐH18ĐD	6.4	13
437	3110218133	Trịnh Thị Hải Yến	01ĐH18ĐD	5.9	12
438	3110217181	Nguyễn Thị Hải Yến	02ĐH18ĐD	6.4	13
439	3110218201	Nguyễn Thị Thu An	02ĐH18ĐD	5.9	17
440	3110218202	Bùi Vân Anh	02ĐH18ĐD	5.9	10
441	3110218203	Hoàng Thị Anh	02ĐH18ĐD	6.4	13
442	3110218204	Nguyễn Thị Anh	02ĐH18ĐD	6.1	9
443	3110218205	Nguyễn Thị Lan Anh	02ĐH18ĐD	6.7	16
444	3110218206	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02ĐH18ĐD	6	12
445	3110218208	Nguyễn Thị Vân Anh	02ĐH18ĐD	6	14
446	3110218209	Trần Thị Kim Anh	02ĐH18ĐD	7	14
447	3110218210	Vũ Thị Lan Anh	02ĐH18ĐD	6.1	8

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
448	3110218211	Nguyễn Ngọc Ánh	02ĐH18ĐD	6.1	14
449	3110218212	Nguyễn Thị Ngọc Châm	02ĐH18ĐD	6.7	17
450	3110218213	Quang Thị Kim Chi	02ĐH18ĐD	5.6	10
451	3110218214	Nguyễn Thị Chinh	02ĐH18ĐD	6.1	14
452	3110218215	Nguyễn Thị Mỹ Dịu	02ĐH18ĐD	7	13
453	3110218216	Bùi Thị Kim Dung	02ĐH18ĐD	6.1	16
454	3110218217	Vũ Thị Dung	02ĐH18ĐD	6.3	7
455	3110218218	Đinh Việt Đức	02ĐH18ĐD	6.9	10
456	3110218219	Đoàn Thị Giang	02ĐH18ĐD	6.1	17
457	3110218220	Nguyễn Thị Giang	02ĐH18ĐD	6.5	14
458	3110218221	Nguyễn Thị Hoàng Giang	02ĐH18ĐD	6.6	13
459	3110218222	Nguyễn Thị Hương Giang	02ĐH18ĐD	6.1	17
460	3110218223	Lưu Hoàng Hà	02ĐH18ĐD	6.1	17
461	3110218224	Đặng Thị Thu Hà	02ĐH18ĐD	6	10
462	3110218225	Ngô Thị Thu Hà	02ĐH18ĐD	5.9	8
463	3110218226	Phạm Thị Hà	02ĐH18ĐD	6	11
464	3110218227	Đặng Minh Hào	02ĐH18ĐD	6.4	10
465	3110218228	Lưu Hoàng Hạnh	02ĐH18ĐD	6.7	19
466	3110218229	Phạm Hồng Hạnh	02ĐH18ĐD	6	9
467	3110218230	Đào Thu Hằng	02ĐH18ĐD	7	12
468	3110218231	Lương Thị Yến Hằng	02ĐH18ĐD	6.7	10
469	3110218232	Trần Thị Hằng	02ĐH18ĐD	6.3	18
470	3110218233	Hà Thị Hằng	02ĐH18ĐD	6.3	13
471	3110218234	Đặng Thị Quế Hiền	02ĐH18ĐD	6	18
472	3110218235	Đỗ Thị Thu Hiền	02ĐH18ĐD	6	6
473	3110218236	Nguyễn Thị Thu Hiền	02ĐH18ĐD	6	18
474	3110218237	Dương Thị Thanh Hoa	02ĐH18ĐD	6.3	17
475	3110218238	Nguyễn Thị Thùy Hoa	02ĐH18ĐD	6.6	13
476	3110218239	Nguyễn Thu Hoài	02ĐH18ĐD	5.4	8
477	3110218240	Nguyễn Việt Hoàng	02ĐH18ĐD	6.6	6
478	3110218241	Trần Thị Hòa	02ĐH18ĐD	6.5	17
479	3110218242	Vũ Thị Thúy Hòa	02ĐH18ĐD	6	10
480	3110218243	Đỗ Thị Huệ	02ĐH18ĐD	6.3	14
481	3110218244	Trương Minh Huệ	02ĐH18ĐD	5.5	11
482	3110218245	Lê Thanh Huyền	02ĐH18ĐD	6.8	17
483	3110218246	Nguyễn Ngọc Huyền	02ĐH18ĐD	6.5	16
484	3110218247	Nguyễn Thị Huyền	02ĐH18ĐD	7	13
485	3110218248	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02ĐH18ĐD	6.5	8
486	3110218249	Trần Thị Thu Huyền	02ĐH18ĐD	6.2	10
487	3110218250	Lê Mạnh Hùng	02ĐH18ĐD	5.8	14
488	3110218251	Đào Thị Lan Hương	02ĐH18ĐD	6.5	11
489	3110218252	Lê Thị Thu Hương	02ĐH18ĐD	6.3	9

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
490	3110218253	Nguyễn Thị Hương	02ĐH18ĐD	6.1	17
491	3110218254	Nguyễn Thị Hương	02ĐH18ĐD	6	16
492	3110218255	Nguyễn Thị Hường	02ĐH18ĐD	6.2	14
493	3110218256	Phạm Thị Lan	02ĐH18ĐD	6.2	17
494	3110218257	Lê Thị Thùy Linh	02ĐH18ĐD	6.5	14
495	3110218258	Nguyễn Diệu Linh	02ĐH18ĐD	6	14
496	3110218259	Nguyễn Thị Khanh Linh	02ĐH18ĐD	6.5	10
497	3110218260	Nguyễn Thùy Linh	02ĐH18ĐD	6.1	17
498	3110218261	Phương Thùy Linh	02ĐH18ĐD	5.7	12
499	3110218262	Vũ Thị Khánh Linh	02ĐH18ĐD	6.5	14
500	3110218263	Trần Nhâm Lĩnh	02ĐH18ĐD	5.8	8
501	3110218264	Nguyễn Thị Mai Loan	02ĐH18ĐD	6.2	14
502	3110218265	Dương Thị Long	02ĐH18ĐD	6.2	17
503	3110218266	Nguyễn Bảo Long	02ĐH18ĐD	6.3	11
504	3110218267	Nguyễn Thị Phương Ly	02ĐH18ĐD	6.5	18
505	3110218268	Bùi Thị Ngọc Mai	02ĐH18ĐD	6.3	14
506	3110218269	Nguyễn Thị Năm	02ĐH18ĐD	6.9	11
507	3110218270	Triệu Hằng Nga	02ĐH18ĐD	6.3	14
508	3110218271	Trần Thị Hồng Ngát	02ĐH18ĐD	6.5	13
509	3110218272	Nguyễn Phương Ngân	02ĐH18ĐD	6.9	13
510	3110218273	Phan Thị Mai Ngân	02ĐH18ĐD	5.6	11
511	3110218274	Nguyễn Công Nghị	02ĐH18ĐD	6.9	4
512	3110218275	Nguyễn Thị Ngọc	02ĐH18ĐD	6	8
513	3110218276	Nguyễn Thị Yến Ngọc	02ĐH18ĐD	6.9	18
514	3110218277	Lâm Thị Nguyên	02ĐH18ĐD	6.1	17
515	3110218278	Phạm Thị Như Nguyệt	02ĐH18ĐD	7.2	17
516	3110218279	Hoàng Thị Thanh Nhàn	02ĐH18ĐD	6.2	18
517	3110218280	Nguyễn Long Nhật	02ĐH18ĐD	6	10
518	3110218281	Đào Trang Nhung	02ĐH18ĐD	6.2	9
519	3110218284	Nguyễn Thị Non	02ĐH18ĐD	7	17
520	3110218285	Đào Thị Kiều Oanh	02ĐH18ĐD	6.8	19
521	3110218286	Nguyễn Kiều Oanh	02ĐH18ĐD	7	15
522	3110218287	Nguyễn Thị Tú Uyên	02ĐH18ĐD	6.5	15
523	3110218288	Đặng Thế Phong	02ĐH18ĐD	6.3	11
524	3110218289	Hoàng Thị Phương	02ĐH18ĐD	6.9	10
525	3110218290	Lê Thị Phương	02ĐH18ĐD	6.4	14
526	3110218291	Nguyễn Minh Phương	02ĐH18ĐD	6.7	14
527	3110218292	Nguyễn Thị Phương	02ĐH18ĐD	5.8	14
528	3110218293	Nguyễn Thu Phương	02ĐH18ĐD	5.7	7
529	3110218294	Nịnh Thị Phượng	02ĐH18ĐD	5.8	9
530	3110218295	Nguyễn Phú Thiều Quang	02ĐH18ĐD	6.3	13
531	3110218296	Nguyễn Thị Lệ Quyên	02ĐH18ĐD	6.2	9

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
532	3110218297	Nguyễn Tú Quỳnh	02ĐH18ĐD	6.5	17
533	3110218298	Lê Thị Thanh	02ĐH18ĐD	6.6	14
534	3110218299	Đỗ Thị Phương Thảo	02ĐH18ĐD	6	16
535	3110218300	Trần Thị Thảo	02ĐH18ĐD	6.7	10
536	3110218301	Đỗ Thị Thạo	02ĐH18ĐD	6.8	14
537	3110218302	Nguyễn Thị Thêu	02ĐH18ĐD	5.7	14
538	3110218303	Bùi Thị Thu	02ĐH18ĐD	6.4	13
539	3110218304	Nguyễn Thị Thu	02ĐH18ĐD	6.1	14
540	3110218305	Nguyễn Diệu Thúy	02ĐH18ĐD	5.9	18
541	3110218306	Phạm Thị Thuỷ	02ĐH18ĐD	6.4	12
542	3110218307	Phạm Thị Thuý	02ĐH18ĐD	6	19
543	3110218308	Hoàng Thu Thuỳ	02ĐH18ĐD	6.9	13
544	3110218310	Nguyễn Thị Thủy	02ĐH18ĐD	6.3	13
545	3110218311	Nguyễn Xuân Thủy	02ĐH18ĐD	6	10
546	3110218313	Phùng Thị Thân Thương	02ĐH18ĐD	6	7
547	3110218314	Trịnh Thị Thuỷ Tiên	02ĐH18ĐD	6.6	13
548	3110218315	Tạ Thị Tin	02ĐH18ĐD	6.6	17
549	3110218316	Nguyễn Thị Tuyền	02ĐH18ĐD	5.9	13
550	3110218317	Hoàng Mạnh Tùng	02ĐH18ĐD	6.3	3
551	3110218318	Bùi Thị Thu Trang	02ĐH18ĐD	5.3	6
552	3110218319	Cao Huyền Trang	02ĐH18ĐD	6.3	12
553	3110218320	Đỗ Hoàng Trang	02ĐH18ĐD	6.2	18
554	3110218321	Lưu Thị Trang	02ĐH18ĐD	5.9	8
555	3110218323	Nguyễn Thị Thu Trang	02ĐH18ĐD	7.2	17
556	3110218324	Trần Huyền Trang	02ĐH18ĐD	5.7	14
557	3110218325	Vũ Thị Huyền Trang	02ĐH18ĐD	5.8	18
558	3110218326	Bùi Thị Thu Trà	02ĐH18ĐD	5.4	5
559	3110218327	Nguyễn Ngọc Trâm	02ĐH18ĐD	6.5	6
560	3110218328	Lê Viễn Trinh	02ĐH18ĐD	6	17
561	3110218329	Tạ Xuân Trường	02ĐH18ĐD	6	9
562	3110218330	Phạm Thị Vân	02ĐH18ĐD	6.7	11
563	3110218331	Nguyễn Thị Yên	02ĐH18ĐD	6.6	13
564	3110218332	Nguyễn Thị Yến	02ĐH18ĐD	5.9	8
565	3110218333	Lục Thị Hải Yến	02ĐH18ĐD	6.5	13
566	3110518001	Đồng Hải An	01ĐH18XN	5.9	8
567	3110518003	Dương Thị Anh	01ĐH18XN	7.5	17
568	3110518004	Dương Thị Lan Anh	01ĐH18XN	7	17
569	3110518005	Đinh Hoàng Anh	01ĐH18XN	5.9	12
570	3110518006	Lê Đức Anh	01ĐH18XN	5.6	15
571	3110518007	Phạm Vân Anh	01ĐH18XN	6.3	20
572	3110518008	Phùng Phương Anh	01ĐH18XN	5.8	15
573	3110518009	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01ĐH18XN	7	18

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
574	3110518010	Phạm Ngọc Ánh	01ĐH18XN	6.5	16
575	3110518011	Nông Thị Ánh	01ĐH18XN	6.5	16
576	3110518012	Ngô Thị Ngọc Biển	01ĐH18XN	6.6	18
577	3110518013	Nguyễn Thị Ngọc Bích	01ĐH18XN	6.1	17
578	3110518014	Vũ Đức Bình	01ĐH18XN	5.6	10
579	3110518015	Phạm Hữu Bộ	01ĐH18XN	6.2	11
580	3110518016	Lưu Khánh Chi	01ĐH18XN	6.2	12
581	3110518017	Lê Đình Chiến	01ĐH18XN	6.1	17
582	3110518019	Lương Thị Huyền Chinh	01ĐH18XN	7.3	9
583	3110518020	Phan Thị Chúc	01ĐH18XN	7.1	18
584	3110518021	Đinh Thị Kim Cúc	01ĐH18XN	6	17
585	3110518022	Bùi Thị Diễm	01ĐH18XN	7.5	18
586	3110518023	Trần Thị Diệp	01ĐH18XN	6.9	18
587	3110518025	Ngô Thị Dung	01ĐH18XN	6.1	12
588	3110518026	Cao Phan Dũng	01ĐH18XN	5.4	2
589	3110518027	Đỗ Trung Dũng	01ĐH18XN	6.5	14
590	3110518028	Nguyễn Tiến Dũng	01ĐH18XN	5.8	13
591	3110518029	Lê Thùy Dương	01ĐH18XN	6.2	18
592	3110518030	Vũ Hải Đăng	01ĐH18XN	6.5	13
593	3110518032	Nguyễn Thị Thu Giang	01ĐH18XN	6.2	14
594	3110518033	Phạm Thị Kiều Giang	01ĐH18XN	6.3	15
595	3110518034	Phùng Thị Linh Giang	01ĐH18XN	5.9	12
596	3110518035	Bùi Thị Hà	01ĐH18XN	6.8	16
597	3110518036	Đào Thu Hà	01ĐH18XN	7	17
598	3110518037	Dương Ngô Hạnh	01ĐH18XN	6.6	14
599	3110518038	Đặng Hồng Hạnh	01ĐH18XN	5.6	15
600	3110518039	Ngọ Thị Hạnh	01ĐH18XN	5.7	17
601	3110518040	Đào Thị Thanh Hằng	01ĐH18XN	6.7	17
602	3110518041	Lương Thị Hằng	01ĐH18XN	6.1	20
603	3110518042	Phan Thị Hằng	01ĐH18XN	6.3	8
604	3110518043	Vũ Minh Hằng	01ĐH18XN	6.4	16
605	3110518044	Nguyễn Thu Hiền	01ĐH18XN	7.6	15
606	3110518045	Phạm Thị Hoa	01ĐH18XN	7	18
607	3110518046	Phạm Thị Mai Hoa	01ĐH18XN	6.8	20
608	3110518047	Phạm Thị Thu Hoài	01ĐH18XN	5.8	17
609	3110518048	Phạm Thu Hoài	01ĐH18XN	6.7	13
610	3110518049	Hoàng Thị Hoàn	01ĐH18XN	6.2	18
611	3110518050	Lê Thị Hồng	01ĐH18XN	6.6	13
612	3110518051	Ngô Thị Hồng	01ĐH18XN	6.6	16
613	3110518052	Vũ Thị Huê	01ĐH18XN	6.6	20
614	3110518053	Đinh Thị Huế	01ĐH18XN	7.2	15
615	3110518054	Nguyễn Thị Huế	01ĐH18XN	6.2	19

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
616	3110518055	Trần Quang Huy	01ĐH18XN	6.9	11
617	3110518056	Trịnh Đình Huy	01ĐH18XN	6.1	13
618	3110518057	Phạm Thị Huyền	01ĐH18XN	5.8	10
619	3110518058	Hoàng Thị Hường	01ĐH18XN	5.7	7
620	3110518059	Nguyễn Thị Hường	01ĐH18XN	7.3	16
621	3110518060	Tạ Thị Kiều	01ĐH18XN	6.4	18
622	3110518061	Hoàng Hiểu Lan	01ĐH18XN	6	13
623	3110518062	Vũ Thị Ngọc Lệ	01ĐH18XN	6.2	16
624	3110518063	Vũ Thị Liên	01ĐH18XN	6.5	20
625	3110518064	Đào Thùy Linh	01ĐH18XN	6.6	16
626	3110518065	Ngô Thị Thùy Linh	01ĐH18XN	6.3	16
627	3110518066	Nguyễn Mỹ Linh	01ĐH18XN	6.3	17
628	3110518067	Nguyễn Thị Thùy Linh	01ĐH18XN	6.3	14
629	3110518068	Nguyễn Thùy Linh	01ĐH18XN	6.1	14
630	3110518071	Nguyễn Thị Lương	01ĐH18XN	6.6	13
631	3110518072	Đoàn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	6.7	9
632	3110518073	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	5.7	8
633	3110518074	Trần Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	6.1	12
634	3110518075	Nguyễn Hải Nam	01ĐH18XN	7.1	2
635	3110518076	Nguyễn Thị Nga	01ĐH18XN	6.6	17
636	3110518077	Nguyễn Thị Nga	01ĐH18XN	6.1	18
637	3110518078	Vũ Thị Thùy Ngân	01ĐH18XN	5.8	17
638	3110518079	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01ĐH18XN	6.8	18
639	3110518080	Trương Thu Nhi	01ĐH18XN	6.6	15
640	3110518081	Vũ Thảo Nhi	01ĐH18XN	7.3	17
641	3110518082	Doãn Thị Nhung	01ĐH18XN	6.5	17
642	3110518083	Hà Thị Nhung	01ĐH18XN	7	16
643	3110518084	Lê Hồng Nhung	01ĐH18XN	6.2	16
644	3110518085	Đinh Tố Nhi	01ĐH18XN	5.9	14
645	3110518086	Hoàng Thị Oanh	01ĐH18XN	6.6	9
646	3110518087	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH18XN	6.5	17
647	3110518088	Lê Thị Hồng Uyên	01ĐH18XN	6	12
648	3110518089	Nguyễn Thu Uyên	01ĐH18XN	6.9	14
649	3110518091	Nguyễn Thị Phú	01ĐH18XN	5.7	13
650	3110518093	Nguyễn Văn Quang	01ĐH18XN	7.8	16
651	3110518094	Vương Đức Quảng	01ĐH18XN	6.8	9
652	3110518096	Lê Thị Như Quỳnh	01ĐH18XN	6	14
653	3110518097	Lê Thị Thanh Tâm	01ĐH18XN	5.8	17
654	3110518098	Mai Thị Tân	01ĐH18XN	6.1	6
655	3110518099	Đào Lương Thị Thảo	01ĐH18XN	5.9	17
656	3110518101	Bùi Thị Thắm	01ĐH18XN	5.8	17
657	3110518102	Phạm Tiến Thi	01ĐH18XN	5.3	5

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
658	3110518104	Nguyễn Hồng Thịnh	01ĐH18XN	5.8	1
659	3110518105	Nguyễn Thị Anh Thơ	01ĐH18XN	5.9	16
660	3110518106	Nguyễn Thị Thu	01ĐH18XN	6.2	17
661	3110518107	Nguyễn Thị Hoài Thu	01ĐH18XN	6.6	13
662	3110518108	Đoàn Phương Thúy	01ĐH18XN	5.9	12
663	3110518109	Nguyễn Thị Phương Thúy	01ĐH18XN	6.9	9
664	3110518111	Lê Thị Thư	01ĐH18XN	6.3	2
665	3110518112	Hoàng Thị Anh Thư	01ĐH18XN	6.5	16
666	3110518114	Trần Quang Toàn	01ĐH18XN	6.9	14
667	3110518115	Nguyễn Thị Toản	01ĐH18XN	6.1	14
668	3110518116	Đặng Quỳnh Trang	01ĐH18XN	5.4	12
669	3110518117	Đỗ Huyền Trang	01ĐH18XN	6.5	14
670	3110518118	Hoàng Thanh Trang	01ĐH18XN	6.2	16
671	3110518119	Hoàng Thu Trang	01ĐH18XN	6	17
672	3110518120	Lê Thị Huyền Trang	01ĐH18XN	6.6	16
673	3110518121	Chu Quỳnh Trâm	01ĐH18XN	6.1	15
674	3110518122	Hồ Thị Huyền Trâm	01ĐH18XN	6.8	18
675	3110518123	Lê Minh Triết	01ĐH18XN	6.7	18
676	3110518124	Nguyễn Thế Trọng	01ĐH18XN	6.4	18
677	3110518125	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	01ĐH18XN	7.2	20
678	3110518126	Nguyễn Thị Thảo Vân	01ĐH18XN	6.3	13
679	3110518127	Đặng Hải Yến	01ĐH18XN	5.8	11
680	3110518128	Nguyễn Thị Yến	01ĐH18XN	6.5	18
681	3110518129	Phạm Hải Yến	01ĐH18XN	6.4	15
682	3110718001	Cao Thị Ngọc Anh	01ĐH18KTHA	6.4	14
683	3110718002	Đỗ Vũ Nhất Anh	01ĐH18KTHA	6.6	20
684	3110718003	Lê Thị Vân Anh	01ĐH18KTHA	6.6	9
685	3110718004	Nguyễn Duy Anh	01ĐH18KTHA	6.6	17
686	3110718006	Nguyễn Ngọc Anh	01ĐH18KTHA	6	8
687	3110718007	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH18KTHA	5.8	15
688	3110718009	Nguyễn Tiến Anh	01ĐH18KTHA	6.4	9
689	3110718010	Nguyễn Việt Anh	01ĐH18KTHA	7.1	18
690	3110718011	Trần Vũ Hồng Anh	01ĐH18KTHA	7.1	6
691	3110718012	Sầm Văn Ba	01ĐH18KTHA	5.5	12
692	3110718013	Nguyễn Quang Bình	01ĐH18KTHA	5.9	18
693	3110718014	Giàng A Chá	01ĐH18KTHA	6.4	14
694	3110718015	Trần Thị Chung	01ĐH18KTHA	6	16
695	3110718016	La Văn Công	01ĐH18KTHA	5.7	16
696	3110718017	Dương Thị Thùy Dung	01ĐH18KTHA	6.3	16
697	3110718018	Nguyễn Hà Duy	01ĐH18KTHA	7.3	18
698	3110718019	Đặng Anh Dương	01ĐH18KTHA	7.6	16
699	3110718020	Đặng Thành Dương	01ĐH18KTHA	6.2	6

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
700	3110718022	Nguyễn Văn Dương	01ĐH18KTHA	6.5	9
701	3110718023	Đinh Tiến Đạt	01ĐH18KTHA	5.3	6
702	3110718024	Đỗ Tiến Đạt	01ĐH18KTHA	5.9	6
703	3110718025	Phan Tuấn Đạt	01ĐH18KTHA	6.7	7
704	3110718026	Trịnh Quang Đông	01ĐH18KTHA	5.8	13
705	3110718027	Nguyễn Trung Đức	01ĐH18KTHA	6.6	9
706	3110718028	Đinh Hoàng Giang	01ĐH18KTHA	7.4	7
707	3110718029	Nguyễn Thị Thu Giang	01ĐH18KTHA	5.9	16
708	3110718033	Lý Thu Hằng	01ĐH18KTHA	6.5	8
709	3110718034	Nguyễn Thị Hậu	01ĐH18KTHA	5.5	7
710	3110718035	Đường Minh Hiếu	01ĐH18KTHA	6.6	18
711	3110718037	Nguyễn Hồng Hiếu	01ĐH18KTHA	5.8	17
712	3110718038	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH18KTHA	7	13
713	3110718039	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH18KTHA	6	11
714	3110718041	Phạm Văn Hiếu	01ĐH18KTHA	6	10
715	3110718042	Trần Thu Hiền	01ĐH18KTHA	6.4	11
716	3110718043	Đồng Mạnh Hiệp	01ĐH18KTHA	6	14
717	3110718044	Đỗ Tuấn Hiệp	01ĐH18KTHA	6.1	11
718	3110718045	Phùng Văn Hiệp	01ĐH18KTHA	5.7	11
719	3110718047	Đường Hoàng Hiếu	01ĐH18KTHA	0	0
720	3110718049	Đỗ Văn Hoàng	01ĐH18KTHA	5.6	8
721	3110718050	Lê Đình Hoàng	01ĐH18KTHA	6.2	14
722	3110718051	Nguyễn Đắc Hòa	01ĐH18KTHA	5.3	12
723	3110718052	Hoàng Việt Hoàng	01ĐH18KTHA	5.8	8
724	3110718053	Cà Văn Học	01ĐH18KTHA	6.3	21
725	3110718055	Nguyễn Văn Huân	01ĐH18KTHA	6.2	11
726	3110718056	Nguyễn Văn Huy	01ĐH18KTHA	6.4	19
727	3110718057	Nguyễn Quang Huy	01ĐH18KTHA	6.2	16
728	3110718058	Nguyễn Quốc Huy	01ĐH18KTHA	6.4	16
729	3110718059	Phan Văn Huy	01ĐH18KTHA	6.9	14
730	3110718060	Phạm Hồng Huy	01ĐH18KTHA	5.5	10
731	3110718061	Nguyễn Văn Huynh	01ĐH18KTHA	5.7	17
732	3110718062	Nguyễn Ngọc Hùng	01ĐH18KTHA	5.9	14
733	3110718063	Nguyễn Văn Hùng	01ĐH18KTHA	5.5	15
734	3110718064	Hoàng Việt Hưng	01ĐH18KTHA	6.9	18
735	3110718066	Hà Trọng Khánh	01ĐH18KTHA	5.8	8
736	3110718068	Hoàng Hữu Kiên	01ĐH18KTHA	6.1	1
737	3110718069	Nguyễn Hồng Kiên	01ĐH18KTHA	5.7	13
738	3110718070	Hoàng Văn Kỳ	01ĐH18KTHA	6.3	14
739	3110718071	Phạm Thị Linh	01ĐH18KTHA	6.7	13
740	3110718072	Phạm Thị Mỹ Linh	01ĐH18KTHA	6	13
741	3110718075	Nguyễn Phi Long	01ĐH18KTHA	6.6	10

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
742	3110718076	Nguyễn Thành Long	01ĐH18KTHA	6.5	9
743	3110718077	Nguyễn Thành Long	01ĐH18KTHA	5.8	11
744	3110718078	Phạm Đức Long	01ĐH18KTHA	5.8	13
745	3110718079	Vũ Hoàng Long	01ĐH18KTHA	6.5	18
746	3110718080	Nguyễn Minh Lý	01ĐH18KTHA	6.9	2
747	3110718081	Mai Danh Minh	01ĐH18KTHA	5.4	8
748	3110718082	Vũ Thị Minh	01ĐH18KTHA	5.3	17
749	3110718083	Lê Văn Nam	01ĐH18KTHA	5.3	1
750	3110718084	Nguyễn Kinh Nam	01ĐH18KTHA	6.2	10
751	3110718086	Bùi Thị Nga	01ĐH18KTHA	6.7	8
752	3110718087	Hồ Đại Nghĩa	01ĐH18KTHA	6.1	12
753	3110718088	Đỗ Bích Ngọc	01ĐH18KTHA	6.2	9
754	3110718089	Phạm Đắc Ngôn	01ĐH18KTHA	6.4	11
755	3110718090	Vương Nông Ngọc	01ĐH18KTHA	6.2	6
756	3110718092	Đồng Thị Như	01ĐH18KTHA	6	9
757	3110718093	Chu Thị Thu Phương	01ĐH18KTHA	6.3	14
758	3110718094	Đoàn Minh Phương	01ĐH18KTHA	6.7	17
759	3110718095	Đỗ Nguyễn Phương	01ĐH18KTHA	6.3	16
760	3110718097	Nguyễn Văn Quảng	01ĐH18KTHA	6.6	9
761	3110718098	Phạm Phú Quý	01ĐH18KTHA	6.7	6
762	3110718099	Nguyễn Văn Quýnh	01ĐH18KTHA	5.9	11
763	3110718100	Ngô Quang Sang	01ĐH18KTHA	6.7	8
764	3110718101	Lương Văn Sáng	01ĐH18KTHA	5.9	13
765	3110718102	Đỗ Văn Sơn	01ĐH18KTHA	6.2	20
766	3110718103	Nguyễn Hữu Sơn	01ĐH18KTHA	6.1	16
767	3110718105	Trương Minh Tâm	01ĐH18KTHA	6.1	11
768	3110718106	Nguyễn Văn Tân	01ĐH18KTHA	5.8	3
769	3110718107	Nguyễn Trọng Tấn	01ĐH18KTHA	6.3	16
770	3110718109	Tô Văn Thành	01ĐH18KTHA	5.1	5
771	3110718110	Đinh Thị Phương Thảo	01ĐH18KTHA	5.9	10
772	3110718112	Triệu Thạch Thảo	01ĐH18KTHA	6.5	13
773	3110718114	Đỗ Văn Thắng	01ĐH18KTHA	6.7	16
774	3110718115	Vũ Đức Thắng	01ĐH18KTHA	5.4	4
775	3110718116	Trần Hữu Thìn	01ĐH18KTHA	6.3	6
776	3110718117	Nguyễn Chí Thông	01ĐH18KTHA	6.3	13
777	3110718118	Nguyễn Văn Thuấn	01ĐH18KTHA	6.4	15
778	3110718119	Nông Thị Hoài Thu	01ĐH18KTHA	7.6	4
779	3110718120	Nguyễn Văn Tiệp	01ĐH18KTHA	6.3	5
780	3110718121	Nguyễn Văn Toản	01ĐH18KTHA	6.7	7
781	3110718122	Vũ Đình Tuân	01ĐH18KTHA	5.5	6
782	3110718123	Nguyễn Việt Tuấn	01ĐH18KTHA	6.3	6
783	3110718124	Tô Anh Tuấn	01ĐH18KTHA	6.4	18

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
784	3110718125	Trịnh Minh Tuấn	01ĐH18KTHA	6	18
785	3110718126	Tống Thị Thanh Tuyền	01ĐH18KTHA	6.6	11
786	3110718127	Nguyễn Đức Tú	01ĐH18KTHA	6.6	9
787	3110718128	Hoàng Đình Tùng	01ĐH18KTHA	6	14
788	3110718129	Hoàng Anh Tú	01ĐH18KTHA	5.3	2
789	3110718131	Nguyễn Thị Tươi	01ĐH18KTHA	5.8	8
790	3110718132	Đoàn Huyền Trang	01ĐH18KTHA	6.7	18
791	3110718133	Lê Thị Thu Trang	01ĐH18KTHA	7.3	11
792	3110718134	Tạ Văn Trình	01ĐH18KTHA	6.5	7
793	3110718135	Vũ Duy Trường	01ĐH18KTHA	5.5	17
794	3110718136	Nguyễn Thị Hải Vân	01ĐH18KTHA	6.7	13
795	3110718137	Trịnh Quang Việt	01ĐH18KTHA	5.7	17
796	3110718138	Nguyễn Nhân Vĩnh	01ĐH18KTHA	6.2	13
797	3110718139	Nguyễn Khắc Vũ	01ĐH18KTHA	7.3	13
798	3110718140	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH18KTHA	6.8	18
799	3110718141	Hoàng Thị Bảo Yến	01ĐH18KTHA	6.9	17
800	3110818001	Bùi Lan Anh	01ĐH18PHCN	6.1	9
801	3110818002	Nguyễn Hoài Anh	01ĐH18PHCN	5.6	9
802	3110818003	Phạm Quang Anh	01ĐH18PHCN	5.9	5
803	3110818004	Phạm Tuấn Anh	01ĐH18PHCN	6.2	1
804	3110818005	Bùi Ngọc Ánh	01ĐH18PHCN	5.2	9
805	3110818006	Lê Thị Ánh	01ĐH18PHCN	6.6	17
806	3110818007	Nguyễn Hoà Bình	01ĐH18PHCN	6	15
807	3110818008	Lê Hoả Công	01ĐH18PHCN	5.9	15
808	3110818009	Vũ Mạnh Cường	01ĐH18PHCN	6.4	8
809	3110818010	Vũ Thùy Dung	01ĐH18PHCN	7.1	20
810	3110818011	Vương Thị Thùy Dung	01ĐH18PHCN	6.4	6
811	3110818014	Mạc Thị Ninh Giang	01ĐH18PHCN	5.9	11
812	3110818015	Nguyễn Quỳnh Giang	01ĐH18PHCN	6.3	13
813	3110818016	Bùi Thị Thu Hà	01ĐH18PHCN	6.4	12
814	3110818017	Nguyễn Thị Thu Hà	01ĐH18PHCN	6.9	8
815	3110818018	Phạm Thúy Hà	01ĐH18PHCN	6.3	11
816	3110818019	Bùi Thị Mỹ Hạnh	01ĐH18PHCN	6.1	18
817	3110818020	Dương Bích Hạnh	01ĐH18PHCN	6.5	11
818	3110818021	Đinh Thị Hạnh	01ĐH18PHCN	5.7	7
819	3110818022	Lương Thị Hạnh	01ĐH18PHCN	6.6	18
820	3110818023	Nguyễn Thanh Hằng	01ĐH18PHCN	5.9	16
821	3110818024	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH18PHCN	6	17
822	3110818025	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH18PHCN	6.1	17
823	3110818026	Trương Thị Hằng	01ĐH18PHCN	6.4	14
824	3110818027	Nguyễn Huy Hiếu	01ĐH18PHCN	6.5	15
825	3110818028	Nguyễn Nguyệt Hoa	01ĐH18PHCN	6.2	15

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
826	3110818029	Nguyễn Thị Hoa	01ĐH18PHCN	6.4	15
827	3110818030	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	01ĐH18PHCN	7.7	15
828	3110818031	Phạm Mai Huệ	01ĐH18PHCN	5.9	15
829	3110818032	Trần Quang Huy	01ĐH18PHCN	5.8	7
830	3110818033	Nguyễn Văn Huynh	01ĐH18PHCN	5.8	5
831	3110818034	Vũ Mạnh Hùng	01ĐH18PHCN	7.1	6
832	3110818035	Nguyễn Trung Khải	01ĐH18PHCN	6.4	3
833	3110818036	Trần Thị Hoàng Lan	01ĐH18PHCN	6.5	14
834	3110818037	Nguyễn Thị Phương Liên	01ĐH18PHCN	6.8	17
835	3110818038	Hoàng Thị Mỹ Linh	01ĐH18PHCN	5.9	17
836	3110818039	Phạm Thùy Linh	01ĐH18PHCN	5.8	19
837	3110818040	Trương Thị Thùy Linh	01ĐH18PHCN	6.4	18
838	3110818041	Dương Hoàng Long	01ĐH18PHCN	6.7	8
839	3110818042	Lưu Quang Lợi	01ĐH18PHCN	6.5	14
840	3110818043	Phạm Văn Lương	01ĐH18PHCN	7.1	12
841	3110818044	Nguyễn Vũ Thảo Ly	01ĐH18PHCN	7.2	18
842	3110818045	Trần Hương Ly	01ĐH18PHCN	6.4	11
843	3110818046	Nguyễn Thị Mai	01ĐH18PHCN	5.5	18
844	3110818047	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18PHCN	6.5	10
845	3110818048	Nguyễn Thị Hà Mi	01ĐH18PHCN	6.5	10
846	3110818050	Vũ Thị Ngân	01ĐH18PHCN	5.9	9
847	3110818051	Đàm Thị Ngoan	01ĐH18PHCN	6.6	14
848	3110818052	Lê Thị Nhài	01ĐH18PHCN	6.1	12
849	3110818053	Nguyễn Thanh Nhàn	01ĐH18PHCN	6	10
850	3110818054	Kim Thị Nhung	01ĐH18PHCN	6.5	17
851	3110818055	Phạm Thị Oanh	01ĐH18PHCN	6.2	9
852	3110818056	Nguyễn Minh Phương	01ĐH18PHCN	8	4
853	3110818057	Phạm Thị Thu Phương	01ĐH18PHCN	6.3	14
854	3110818059	Lưu Thị Phượng	01ĐH18PHCN	6.7	17
855	3110818060	Nguyễn Minh Quang	01ĐH18PHCN	6.7	14
856	3110818061	Bế Thị Như Quỳnh	01ĐH18PHCN	6.5	15
857	3110818062	Cao Thị Quỳnh	01ĐH18PHCN	5.5	3
858	3110818063	Tăng Thị Như Quỳnh	01ĐH18PHCN	5.7	10
859	3110818064	Hoàng Thị Thanh Thanh	01ĐH18PHCN	6.8	4
860	3110818065	Lưu Thị Thanh	01ĐH18PHCN	6.4	9
861	3110818066	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH18PHCN	6.6	15
862	3110818067	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH18PHCN	6.1	17
863	3110818068	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH18PHCN	7	10
864	3110818069	Nguyễn Thu Thảo	01ĐH18PHCN	6.2	15
865	3110818070	Trần Phương Thảo	01ĐH18PHCN	7.1	19
866	3110818071	Nguyễn Đức Thắng	01ĐH18PHCN	6.9	8
867	3110818072	Hoàng Thị Thìn	01ĐH18PHCN	6.7	15

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
868	3110818073	Lê Thị Thu	01ĐH18PHCN	6.4	10
869	3110818074	Nguyễn Thị Thu Thúy	01ĐH18PHCN	6.9	18
870	3110818075	Bùi Thị Thùy	01ĐH18PHCN	6.9	18
871	3110818076	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	01ĐH18PHCN	6.1	14
872	3110818077	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	01ĐH18PHCN	5.4	11
873	3110818078	Vũ Thị Thư	01ĐH18PHCN	7	17
874	3110818079	Nguyễn Tuấn Tú	01ĐH18PHCN	6.4	6
875	3110818080	Thào Tiến Tùng	01ĐH18KTHA	6.7	6
876	3110818081	Bùi Thu Trang	01ĐH18PHCN	6.2	15
877	3110818082	Trần Kiều Trinh	01ĐH18PHCN	7	19
878	3110818083	Trần Minh Trí	01ĐH18PHCN	6.6	5
879	3110818084	Phạm Văn Trưởng	01ĐH18PHCN	6.4	8
880	3110818085	Đinh Thị Hồng Vân	01ĐH18PHCN	6.4	17
881	3111117003	Nguyễn Phương Anh	01ĐH18YK	6	17
882	3111118001	Dương Thị Vân Anh	01ĐH18YK	6.2	17
883	3111118002	Phạm Thị Ngọc Anh	01ĐH18YK	6.3	17
884	3111118003	Thạch Thị Huyền Anh	01ĐH18YK	7.6	21
885	3111118004	Vi Hải Anh	01ĐH18YK	7.5	21
886	3111118005	Vũ Thị Lan Anh	01ĐH18YK	7.2	21
887	3111118006	Mạc Tú Chi	01ĐH18YK	5.7	16
888	3111118007	Nguyễn Khắc Chiến	01ĐH18YK	6.3	17
889	3111118008	Đỗ Thị Chinh	01ĐH18YK	7.5	21
890	3111118009	Phạm Việt Cường	01ĐH18YK	6	15
891	3111118010	Vũ Hải Diệu	01ĐH18YK	6.1	17
892	3111118011	Nguyễn Thị Dung	01ĐH18YK	6.1	17
893	3111118012	Vũ Đình Duy	01ĐH18YK	6.2	19
894	3111118013	Trần Văn Dũng	01ĐH18YK	6	17
895	3111118014	Hoàng Trà Dương	01ĐH18YK	6	21
896	3111118015	Nguyễn Hoàng Đạt	01ĐH18YK	6.4	21
897	3111118016	Nguyễn Tuấn Đạt	01ĐH18YK	5.9	21
898	3111118017	Vi Hải Đăng	01ĐH18YK	6.9	17
899	3111118018	Đinh Văn Điệp	01ĐH18YK	5.4	21
900	3111118019	Nguyễn Thị Đông	01ĐH18YK	6.3	21
901	3111118020	Đặng Minh Đức	01ĐH18YK	6.4	11
902	3111118021	Khúc Thị Hải Hà	01ĐH18YK	6.4	21
903	3111118022	Hoàng Minh Hào	01ĐH18YK	6.2	21
904	3111118023	Bùi Thị Thanh Hảo	01ĐH18YK	7	21
905	3111118024	Bùi Thị Thu Hằng	01ĐH18YK	7.3	21
906	3111118025	Lê Thị Hiền	01ĐH18YK	6.6	15
907	3111118026	Nguyễn Thị Thu Hiền	01ĐH18YK	5.8	15
908	3111118027	Nguyễn Thị Thuý Hiền	01ĐH18YK	5.9	19
909	3111118028	Đỗ Văn Hiển	01ĐH18YK	7.1	17

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
910	3111118030	Đỗ Việt Hoàng	01ĐH18YK	6	19
911	3111118031	Phạm Thị Hồng Huê	01ĐH18YK	5.6	17
912	3111118032	Nguyễn Ngọc Huyền	01ĐH18YK	6.4	21
913	3111118033	Đoàn Thị Hương	01ĐH18YK	6.6	21
914	3111118034	Nhữ Thị Quỳnh Hương	01ĐH18YK	6.3	21
915	3111118035	Tạ Thị Lan Hương	01ĐH18YK	6.4	21
916	3111118036	Lê Thị Phương Lan	01ĐH18YK	6.4	21
917	3111118037	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	01ĐH18YK	6.7	21
918	3111118038	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	01ĐH18YK	8	21
919	3111118039	La Thanh Loan	01ĐH18YK	6.2	21
920	3111118040	Chu Việt Long	01ĐH18YK	6.1	19
921	3111118041	Hoàng Phi Long	01ĐH18YK	5.9	21
922	3111118042	Ngô Đức Long	01ĐH18YK	5.8	19
923	3111118043	Nguyễn Quỳnh Mai	01ĐH18YK	7.8	21
924	3111118044	Đoàn Quang Minh	01ĐH18YK	7.2	21
925	3111118045	Nguyễn Thị Minh	01ĐH18YK	7.2	21
926	3111118046	Nguyễn Văn Nam	01ĐH18YK	6.1	15
927	3111118047	Vũ Minh Ngà	01ĐH18YK	7.3	21
928	3111118048	Ma Thị Ngắm	01ĐH18YK	5.9	15
929	3111118049	Vũ Văn Ngọc	01ĐH18YK	5.7	14
930	3111118050	Hoàng Thị Ngọc Oanh	01ĐH18YK	6.1	15
931	3111118051	Quyết Minh Phượng	01ĐH18YK	6.5	14
932	3111118052	Nguyễn Tú Quyên	01ĐH18YK	8	21
933	3111118053	Trần Thị Quyên	01ĐH18YK	7.1	21
934	3111118054	Trần Thị Như Quỳnh	01ĐH18YK	6.7	21
935	3111118055	Trần Thị Sim	01ĐH18YK	6.9	21
936	3111118056	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01ĐH18YK	6.8	10
937	3111118057	Phí Trường Thanh	01ĐH18YK	7.6	21
938	3111118058	Bùi Thị Thu	01ĐH18YK	5.7	21
939	3111118059	Nguyễn Thị Kim Thu	01ĐH18YK	6.1	21
940	3111118060	Trịnh Hoài Thu	01ĐH18YK	6.7	17
941	3111118061	Phạm Thị Trang	01ĐH18YK	6.1	21
942	3111118062	Nguyễn Hồng Trâm	01ĐH18YK	7.3	21
943	3111118063	Nguyễn Thành Trung	01ĐH18YK	6.3	19
944	3111118064	Nguyễn Khắc Trường	01ĐH18YK	6.5	21
945	3111118066	Phạm Văn Vĩnh	01ĐH18YK	5.7	15
946	3111118067	Phạm Quốc Võ	01ĐH18YK	6.1	16
ĐẠI HỌC NĂM 2					
947	3110216062	Nguyễn Thị Hồng Thúy	01ĐH17ĐD	6.6	68
948	3110217001	Bùi Ngọc Anh	01ĐH17ĐD	6.6	47
949	3110217002	Hoàng Thị Ngọc Anh	01ĐH17ĐD	6.7	56
950	3110217003	Lê Thị Ngọc Anh	01ĐH17ĐD	7	61

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
951	3110217004	Nguyễn Thị Hoàng Anh	01ĐH17ĐD	6.4	45
952	3110217006	Phạm Thị Hải Anh	01ĐH17ĐD	6.6	32
953	3110217007	Võ Minh Anh	01ĐH17ĐD	7	54
954	3110217008	Lâm Thị Cúc	01ĐH17ĐD	7.1	61
955	3110217009	Đặng Thị Dung	01ĐH17ĐD	6.6	39
956	3110217011	Đào Thùy Dương	01ĐH17ĐD	6.5	52
957	3110217012	Nguyễn Thị Dự	01ĐH17ĐD	6.5	49
958	3110217013	Dương Thị Điệp	01ĐH17ĐD	6.4	61
959	3110217014	Nguyễn Thị Ngọc Giang	01ĐH17ĐD	6.6	46
960	3110217015	Mai Thị Phương Hà	01ĐH17ĐD	6.8	56
961	3110217016	Nguyễn Việt Hà	01ĐH17ĐD	6.7	42
962	3110217017	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH17ĐD	6.7	50
963	3110217018	Mạc Thị Hằng	01ĐH17ĐD	6.9	50
964	3110217019	Phạm Thị Hằng	01ĐH17ĐD	6.6	55
965	3110217020	Trần Thị Thu Hằng	01ĐH17ĐD	6.7	48
966	3110217021	Đinh Thị Thu Hiền	01ĐH17ĐD	7.4	57
967	3110217022	Lê Thu Hiền	01ĐH17ĐD	6.9	57
968	3110217023	Nguyễn Thị Thu Hiền	01ĐH17ĐD	6.4	48
969	3110217024	Lư Thị Hoa	01ĐH17ĐD	6.9	46
970	3110217025	Lệnh Tạ Hồng Hoài	01ĐH17ĐD	6.6	54
971	3110217026	Thân Đức Hoàng	01ĐH17ĐD	6.4	18
972	3110217028	Nguyễn Thị Thanh Huế	01ĐH17ĐD	6.8	43
973	3110217029	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH17ĐD	6.9	54
974	3110217030	Nguyễn Thu Huyền	01ĐH17ĐD	6.4	44
975	3110217031	Hoàng Thị Thu Hương	01ĐH17ĐD	7.4	61
976	3110217032	Trần Diệu Hương	01ĐH17ĐD	6.6	52
977	3110217033	Nguyễn Thị Hường	01ĐH17ĐD	6.7	52
978	3110217034	Phạm Trọng Kiên	01ĐH17ĐD	6.8	36
979	3110217035	Lê Thị Lan	01ĐH17ĐD	6.7	52
980	3110217036	Lê Thị Kim Liên	01ĐH17ĐD	7	57
981	3110217037	Nguyễn Thị Liễu	01ĐH17ĐD	6.9	40
982	3110217038	Lê Thị Thư Linh	01ĐH17ĐD	6.7	51
983	3110217039	Đỗ Thị Lịch	01ĐH17ĐD	7.1	61
984	3110217040	Trần Thị Lương	01ĐH17ĐD	6.5	52
985	3110217041	Nguyễn Thị Hương Ly	01ĐH17ĐD	6.7	55
986	3110217042	Nguyễn Thị Mai	01ĐH17ĐD	6.5	55
987	3110217043	Cao Phan Mạnh	01ĐH17ĐD	7.1	53
988	3110217044	Lê Thị Nga	01ĐH17ĐD	6.6	46
989	3110217045	Nguyễn Thị Ngân	01ĐH17ĐD	7.2	56
990	3110217046	Nguyễn Hải Ngọc	01ĐH17ĐD	6.6	34
991	3110217047	Nguyễn Thị Ngọc	01ĐH17ĐD	6.3	48
992	3110217048	Nguyễn Thị Như Nguyệt	01ĐH17ĐD	6.7	59

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
993	3110217049	Nguyễn Thị Nhung	01ĐH17ĐD	7	50
994	3110217050	Phùng Thị Thu Như	01ĐH17ĐD	6.5	45
995	3110217051	Lê Thị Uyên	01ĐH17ĐD	6.6	29
996	3110217052	Nguyễn Ngọc Phương	01ĐH17ĐD	6.6	44
997	3110217053	Nguyễn Thị Phương	01ĐH17ĐD	6.7	41
998	3110217054	Phạm Thị Phương	01ĐH17ĐD	6.7	40
999	3110217055	Nguyễn Thị Phượng	01ĐH17ĐD	7.1	48
1,000	3110217057	Nguyễn Thị Như Quỳnh	01ĐH17ĐD	6.2	50
1,001	3110217059	Phan Công Tài	01ĐH17ĐD	7	50
1,002	3110217060	Phạm Thị Thanh	01ĐH17ĐD	6.5	53
1,003	3110217062	Ngô Thị Phương Thảo	01ĐH17ĐD	6.5	41
1,004	3110217063	Nguyễn Thị Bảo Thoa	01ĐH17ĐD	6.7	50
1,005	3110217064	Trần Thị Thoan	01ĐH17ĐD	7	61
1,006	3110217065	Đào Thị Thu	01ĐH17ĐD	7	54
1,007	3110217066	Sùng A Thư	01ĐH17ĐD	6.5	36
1,008	3110217067	Phạm Thị Thương	01ĐH17ĐD	6.8	55
1,009	3110217068	Phạm Thị Như Tiên	01ĐH17ĐD	7	55
1,010	3110217069	Nguyễn Đình Tư	01ĐH17ĐD	6.3	46
1,011	3110217070	Bùi Thị Thu Trang	01ĐH17ĐD	6.7	48
1,012	3110217071	Nguyễn Thị Trang	01ĐH17ĐD	6.8	39
1,013	3110217072	Nguyễn Thùy Trang	01ĐH17ĐD	6.8	57
1,014	3110217073	Phạm Thị Huyền Trang	01ĐH17ĐD	6.6	46
1,015	3110217076	Mai Hồng Vân	01ĐH17ĐD	6.4	50
1,016	3110217077	Hoàng Hải Yến	01ĐH17ĐD	6.8	53
1,017	3110217101	Lê Minh Anh	02ĐH17ĐD	6.6	51
1,018	3110217103	Nguyễn Thị Anh	02ĐH17ĐD	6.4	43
1,019	3110217104	Nguyễn Thị Mai Anh	02ĐH17ĐD	6.7	41
1,020	3110217105	Nguyễn Thị Vân Anh	02ĐH17ĐD	6.7	52
1,021	3110217106	Trần Việt Anh	02ĐH17ĐD	6.5	45
1,022	3110217107	Trần Ngọc Ánh	02ĐH17ĐD	7.5	61
1,023	3110217108	Nguyễn Thị Bình	02ĐH17ĐD	6.7	41
1,024	3110217109	Nguyễn Thị Chiến	02ĐH17ĐD	6.6	47
1,025	3110217110	Nguyễn Thị Hoa Cúc	02ĐH17ĐD	6.2	45
1,026	3110217112	Vương Thị Thùy Dương	02ĐH17ĐD	6.8	56
1,027	3110217113	Nguyễn Thị Bích Đào	02ĐH17ĐD	6.8	44
1,028	3110217114	Nông Thị Gấm	02ĐH17ĐD	7	57
1,029	3110217115	Đỗ Thị Thu Hà	02ĐH17ĐD	6.8	54
1,030	3110217116	Nguyễn Thị Thu Hà	02ĐH17ĐD	6.6	46
1,031	3110217117	Hoàng Thị Hạnh	02ĐH17ĐD	6.5	59
1,032	3110217118	Bùi Thị Hằng	02ĐH17ĐD	7.1	54
1,033	3110217119	Đỗ Thị Hằng	02ĐH17ĐD	6.9	57
1,034	3110217120	Nguyễn Thị Hằng	02ĐH17ĐD	7.4	60

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,035	3110217121	Trần Thị Hằng	02ĐH17ĐD	6.7	58
1,036	3110217122	Vũ Thị Hiên	02ĐH17ĐD	7.6	58
1,037	3110217123	Lê Thị Thanh Hiền	02ĐH17ĐD	7.1	60
1,038	3110217124	Nguyễn Thị Thanh Hiền	02ĐH17ĐD	6.8	51
1,039	3110217125	Hoàng Thị Hoa	02ĐH17ĐD	6.6	33
1,040	3110217126	Phạm Thị Hoan	02ĐH17ĐD	6.3	40
1,041	3110217127	Phạm Văn Hoàng	02ĐH17ĐD	6.9	26
1,042	3110217128	Nguyễn Thị Ánh Hồng	02ĐH17ĐD	6.8	48
1,043	3110217129	Nguyễn Thị Như Huế	02ĐH17ĐD	7.2	56
1,044	3110217130	Ngô Thị Thanh Huyền	02ĐH17ĐD	7.5	64
1,045	3110217131	Nguyễn Thị Huyền	02ĐH17ĐD	6.7	52
1,046	3110217132	Vi Thị Khánh Huyền	02ĐH17ĐD	6.9	46
1,047	3110217133	Đào Mai Hương	02ĐH17ĐD	7.2	61
1,048	3110217134	Mai Xuân Hương	02ĐH17ĐD	7.6	56
1,049	3110217135	Nguyễn Thanh Hương	02ĐH17ĐD	7.3	59
1,050	3110217136	Bùi Thu Hường	02ĐH17ĐD	6.9	29
1,051	3110217137	Nguyễn Thị Thu Hường	02ĐH17ĐD	7.1	52
1,052	3110217138	Nguyễn Thị Hữu	02ĐH17ĐD	6.8	35
1,053	3110217139	Bùi Mai Lan	02ĐH17ĐD	7	58
1,054	3110217140	Nguyễn Thị Len	02ĐH17ĐD	6.7	60
1,055	3110217141	Đỗ Thị Mỹ Lễ	02ĐH17ĐD	6.8	50
1,056	3110217143	Nguyễn Thị Kim Liên	02ĐH17ĐD	7	40
1,057	3110217144	Hoàng Duy Thùy Linh	02ĐH17ĐD	6.9	51
1,058	3110217147	Vũ Thị Lụa	02ĐH17ĐD	7.1	61
1,059	3110217148	Kiều Thị Ly	02ĐH17ĐD	6.9	55
1,060	3110217149	Mai Ngọc Mai	02ĐH17ĐD	6.7	56
1,061	3110217150	Nguyễn Thị Mai	02ĐH17ĐD	6.6	55
1,062	3110217151	Đặng Thị Nga	02ĐH17ĐD	6.9	61
1,063	3110217152	Nông Thị Nga	02ĐH17ĐD	6.8	51
1,064	3110217153	Hà Thị Bích Ngọc	02ĐH17ĐD	6.5	56
1,065	3110217154	Nguyễn Thanh Ngọc	02ĐH17ĐD	7.1	62
1,066	3110217155	Vũ Thị Bích Ngọc	02ĐH17ĐD	6.8	61
1,067	3110217156	Nguyễn Thị Nhung	02ĐH17ĐD	6.8	39
1,068	3110217157	Trần Thị Hồng Nhung	02ĐH17ĐD	6.7	57
1,069	3110217158	Đỗ Thu Uyên	02ĐH17ĐD	7.1	60
1,070	3110217159	Nguyễn Thu Uyên	02ĐH17ĐD	6.4	32
1,071	3110217160	Nguyễn Thị Phương	02ĐH17ĐD	6.9	51
1,072	3110217161	Phạm Thị Phương	02ĐH17ĐD	7	44
1,073	3110217162	Hoàng Thị Phước	02ĐH17ĐD	7.5	61
1,074	3110217163	Kiều Như Quỳnh	02ĐH17ĐD	6.4	50
1,075	3110217166	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH17ĐD	7.3	60
1,076	3110217167	Nguyễn Thị Phương Thảo	02ĐH17ĐD	6.4	55

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,077	3110217168	Bùi Thị Thu	02ĐH17ĐD	6.3	45
1,078	3110217169	Đặng Lệ Thủy	02ĐH17ĐD	7	48
1,079	3110217170	Nguyễn Thị Thủy	02ĐH17ĐD	6.8	52
1,080	3110217171	Lê Huyền Thương	02ĐH17ĐD	6.7	56
1,081	3110217172	Nguyễn Thị Thủy Tiên	02ĐH17ĐD	6.9	54
1,082	3110217173	Vũ Thị Tuyết	02ĐH17ĐD	6.5	45
1,083	3110217174	Bùi Thị Trang	02ĐH17ĐD	6.5	46
1,084	3110217176	Nguyễn Thị Thu Trang	02ĐH17ĐD	6.6	39
1,085	3110217177	Phạm Thu Trang	02ĐH17ĐD	7.3	56
1,086	3110217178	Nguyễn Thị Trinh	02ĐH17ĐD	6.8	38
1,087	3110217179	Đặng Thu Vân	02ĐH17ĐD	7.6	61
1,088	3110217180	Phạm Thị Vân	02ĐH17ĐD	6.8	41
1,089	3110217201	Cao Thị Thủy Anh	03ĐH17ĐD	6.9	36
1,090	3110217202	Hoàng Thị Vân Anh	03ĐH17ĐD	6.4	49
1,091	3110217203	Nguyễn Hoàng Anh	03ĐH17ĐD	6.7	22
1,092	3110217204	Nguyễn Thị Lan Anh	03ĐH17ĐD	6.8	57
1,093	3110217205	Nguyễn Thị Vân Anh	03ĐH17ĐD	6.3	37
1,094	3110217208	Đàm Thị Ban	03ĐH17ĐD	7.1	48
1,095	3110217209	Nguyễn Kim Cúc	03ĐH17ĐD	6.5	60
1,096	3110217210	Nguyễn Thị Dung	03ĐH17ĐD	7.5	61
1,097	3110217211	Lương Thị Mỹ Duyên	03ĐH17ĐD	6.6	37
1,098	3110217212	Nguyễn Thị Thu Dương	03ĐH17ĐD	6.8	50
1,099	3110217213	Nguyễn Thị Đào	03ĐH17ĐD	6.8	56
1,100	3110217215	Trần Thị Hương Giang	03ĐH17ĐD	6.4	46
1,101	3110217216	Nguyễn Thị Hà	03ĐH17ĐD	7.1	58
1,102	3110217217	Vũ Thị Nguyệt Hà	03ĐH17ĐD	6.6	56
1,103	3110217218	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	03ĐH17ĐD	6.5	58
1,104	3110217219	Phạm Thị Hồng Hạnh	03ĐH17ĐD	7.4	53
1,105	3110217220	Đào Thị Thu Hằng	03ĐH17ĐD	6.7	49
1,106	3110217221	Nguyễn Thị Hằng	03ĐH17ĐD	6.3	40
1,107	3110217222	Phạm Thị Minh Hằng	03ĐH17ĐD	6.2	51
1,108	3110217223	Vũ Thị Thanh Hằng	03ĐH17ĐD	6.7	66
1,109	3110217224	Đỗ Như Hiền	03ĐH17ĐD	6.5	38
1,110	3110217225	Nguyễn Thị Hiền	03ĐH17ĐD	6.3	44
1,111	3110217226	Quang Thị Hiền	03ĐH17ĐD	6.2	55
1,112	3110217227	Phạm Thị Hoa	03ĐH17ĐD	6.8	58
1,113	3110217228	Nguyễn Thị Hoài	03ĐH17ĐD	6.3	23
1,114	3110217229	Vũ Thị Hòa	03ĐH17ĐD	6.6	38
1,115	3110217230	Nguyễn Thị Huế	03ĐH17ĐD	6.6	49
1,116	3110217231	Lê Ngọc Huyền	03ĐH17ĐD	6.6	58
1,117	3110217232	Nguyễn Thị Huyền	03ĐH17ĐD	6.6	60
1,118	3110217235	Trần Mai Hương	03ĐH17ĐD	7.1	19

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,119	3110217236	Nguyễn Thị Thanh Hường	03ĐH17ĐD	6.6	37
1,120	3110217237	Lương Thị Kiều	03ĐH17ĐD	7	48
1,121	3110217238	Nguyễn Thị Phương Lan	03ĐH17ĐD	7.2	58
1,122	3110217239	Đoàn Khánh Li	03ĐH17ĐD	6.3	36
1,123	3110217240	Nguyễn Thị Liên	03ĐH17ĐD	7	48
1,124	3110217241	Đặng Thùy Linh	03ĐH17ĐD	6.7	51
1,125	3110217242	Lô Đoàn Linh	03ĐH17ĐD	6.7	61
1,126	3110217243	Nguyễn Thị Kiều Linh	03ĐH17ĐD	6.5	32
1,127	3110217244	Trần Thị Mỹ Linh	03ĐH17ĐD	6.9	52
1,128	3110217245	Hoàng Thị Loan	03ĐH17ĐD	6.4	46
1,129	3110217246	Vũ Thị Lương	03ĐH17ĐD	6.6	41
1,130	3110217247	Nguyễn Thị Hương Ly	03ĐH17ĐD	6.3	26
1,131	3110217248	Nguyễn Thị Mai	03ĐH17ĐD	7.1	58
1,132	3110217249	Hoàng Văn Mến	03ĐH17ĐD	6.5	25
1,133	3110217250	Nguyễn Thị Nga	03ĐH17ĐD	6.7	36
1,134	3110217251	Vũ Trung Nghĩa	03ĐH17ĐD	6.6	16
1,135	3110217252	Nguyễn Thanh Ngọc	03ĐH17ĐD	6.8	53
1,136	3110217254	Vũ Thị Bích Nhàn	03ĐH17ĐD	6.5	47
1,137	3110217255	Phạm Thị Hồng Nhung	03ĐH17ĐD	6.6	60
1,138	3110217256	Nguyễn Thị Kiều Oanh	03ĐH17ĐD	6.7	31
1,139	3110217258	Nguyễn Thị Phương	03ĐH17ĐD	6.5	57
1,140	3110217259	Trương Thị Phương	03ĐH17ĐD	6.7	59
1,141	3110217260	Dương Thục Quyên	03ĐH17ĐD	6.7	54
1,142	3110217261	Nguyễn Thị Quyên	03ĐH17ĐD	6.4	48
1,143	3110217262	Hoàng Thị Quỳnh	03ĐH17ĐD	6.7	17
1,144	3110217263	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	03ĐH17ĐD	6.2	36
1,145	3110217264	Nguyễn Thị Tâm	03ĐH17ĐD	6.8	54
1,146	3110217265	Vũ Thị Thảo	03ĐH17ĐD	6.6	45
1,147	3110217266	Khổng Thị Hương Thơm	03ĐH17ĐD	6.2	34
1,148	3110217267	Nguyễn Hoài Thu	03ĐH17ĐD	7.1	57
1,149	3110217268	Nguyễn Phương Thúy	03ĐH17ĐD	7.4	53
1,150	3110217269	Đinh Thị Thu Thủy	03ĐH17ĐD	6.8	32
1,151	3110217270	Vũ Thị Thanh Thư	03ĐH17ĐD	6.6	37
1,152	3110217271	Trần Thị Thương	03ĐH17ĐD	6.8	61
1,153	3110217272	Nguyễn Thị Kim Tiến	03ĐH17ĐD	6.7	45
1,154	3110217273	Hoàng Thị Tươi	03ĐH17ĐD	6.5	35
1,155	3110217274	Đào Thị Huyền Trang	03ĐH17ĐD	6.5	56
1,156	3110217275	Nguyễn Thị Kiều Trang	03ĐH17ĐD	7.1	52
1,157	3110217276	Nguyễn Thị Hương Trà	03ĐH17ĐD	6.4	31
1,158	3110217277	Trương Thanh Xuân	03ĐH17ĐD	6.5	43
1,159	3110217278	Phạm Hải Vân	03ĐH17ĐD	6.8	52
1,160	3110217280	Phạm Thị Yến	03ĐH17ĐD	6.8	56

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,161	3110217281	Trần Thị Yến	03ĐH17ĐD	6.4	50
1,162	3110516017	Nguyễn Hoàng	02ĐH17XN	6.4	21
1,163	3110516060	Quách Thu Hà	02ĐH17XN	6.2	48
1,164	3110516088	Võ Thị Thu Hương	01ĐH17XN	7	51
1,165	3110517001	Nguyễn Thị Thu An	01ĐH17XN	6.9	47
1,166	3110517002	Mùi Phương Anh	01ĐH17XN	6.6	41
1,167	3110517003	Phạm Thị Vân Anh	01ĐH17XN	7.3	55
1,168	3110517004	Hoàng Mai Anh	01ĐH17XN	6.8	40
1,169	3110517006	Nguyễn Thị Châm	01ĐH17XN	7.1	58
1,170	3110517007	Nguyễn Thị Phương Chinh	01ĐH17XN	6.8	54
1,171	3110517008	Lưu Thị Dinh	01ĐH17XN	6.4	46
1,172	3110517009	Trần Thị Thùy Dung	01ĐH17XN	7.1	55
1,173	3110517010	Phạm Thị Duyên	01ĐH17XN	7	58
1,174	3110517011	Lường Thị Dương	01ĐH17XN	6.7	54
1,175	3110517012	Ngô A Đam	01ĐH17XN	7	54
1,176	3110517013	Lê Văn Đại	01ĐH17XN	6.2	28
1,177	3110517015	Đỗ Hữu Đức	01ĐH17XN	6.9	42
1,178	3110517016	Nguyễn Thị Lam Giang	01ĐH17XN	7.3	58
1,179	3110517017	Đinh Thanh Hằng	01ĐH17XN	6.6	55
1,180	3110517018	Trần Thị Hằng	01ĐH17XN	6.7	53
1,181	3110517019	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH17XN	7	53
1,182	3110517021	Vũ Huy Hoàng	01ĐH17XN	6.8	43
1,183	3110517022	Nghiêm Minh Hồng	01ĐH17XN	6.1	33
1,184	3110517023	Vũ Thị Huyền	01ĐH17XN	6.1	32
1,185	3110517024	Đinh Thế Hùng	01ĐH17XN	6.4	46
1,186	3110517025	Kha Thị Huyền	01ĐH17XN	6.9	55
1,187	3110517026	Lê Thị Thu Hường	01ĐH17XN	6.4	44
1,188	3110517027	Trần Thị Lan	01ĐH17XN	6.9	58
1,189	3110517028	Nguyễn Nhật Lệ	01ĐH17XN	6.4	42
1,190	3110517030	Nguyễn Thị Diệu Linh	01ĐH17XN	6.6	50
1,191	3110517031	Phạm Thùy Linh	01ĐH17XN	6.5	47
1,192	3110517032	Lò Thị Linh	01ĐH17XN	6.1	27
1,193	3110517033	Nguyễn Phi Long	01ĐH17XN	6.6	39
1,194	3110517034	Phạm Thị Lương	01ĐH17XN	6.7	56
1,195	3110517035	Lê Thị Mai	01ĐH17XN	6.9	58
1,196	3110517036	Hoàng Tiến Mạnh	01ĐH17XN	7	45
1,197	3110517037	Hoàng Thị Hoài My	01ĐH17XN	6.3	35
1,198	3110517038	Nguyễn Thị Mỳ	01ĐH17XN	6.7	39
1,199	3110517039	Hà Thị Kim Ngân	01ĐH17XN	6.9	53
1,200	3110517040	Bùi Thị Ngoan	01ĐH17XN	6.6	52
1,201	3110517041	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	01ĐH17XN	7.5	55

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,202	3110517042	Nguyễn Trần Bích Ngọc	01ĐH17XN	6.7	44
1,203	3110517043	Lưu Yến Nhi	01ĐH17XN	7.3	54
1,204	3110517044	Ngô Thị Hồng Nhung	01ĐH17XN	7.6	58
1,205	3110517045	Đinh Thị Oanh	01ĐH17XN	7	54
1,206	3110517046	Lê Thị Tố Uyên	01ĐH17XN	6.5	40
1,207	3110517047	Nguyễn Văn Phương	01ĐH17XN	6.7	54
1,208	3110517049	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH17XN	7.2	58
1,209	3110517050	Nguyễn Ngọc Thúy	01ĐH17XN	6.3	27
1,210	3110517051	Mạc Văn Thường	01ĐH17XN	6.3	38
1,211	3110517052	Lương Thị Thoa	01ĐH17XN	7.1	42
1,212	3110517053	Lê Thị Niềm Tin	01ĐH17XN	7.2	54
1,213	3110517054	Cao Thị Tươi	01ĐH17XN	7.1	47
1,214	3110517055	Lê Thị Thùy Trang	01ĐH17XN	7.3	55
1,215	3110517056	Phạm Thị Ngọc Trâm	01ĐH17XN	6.8	54
1,216	3110517057	Nguyễn Văn Trường	01ĐH17XN	6.2	54
1,217	3110517058	Phạm Thanh Xuân	01ĐH17XN	6.8	54
1,218	3110517059	Bùi Thị Hồng Vân	01ĐH17XN	7	55
1,219	3110517101	Vũ Thị An	02ĐH17XN	7.8	58
1,220	3110517102	Cấn Thu Anh	02ĐH17XN	6.7	30
1,221	3110517103	Lê Hải Anh	02ĐH17XN	6.7	56
1,222	3110517105	Trần Thị Phương Anh	02ĐH17XN	7.7	57
1,223	3110517106	Nông Thị Nguyệt Ánh	02ĐH17XN	6.6	37
1,224	3110517107	Nông Thị Bưởi	02ĐH17XN	6.5	58
1,225	3110517108	Mạc Văn Châu	02ĐH17XN	6.4	44
1,226	3110517109	Vũ Thị Chinh	02ĐH17XN	7.1	53
1,227	3110517110	Dương Thị Kim Dung	02ĐH17XN	6.6	49
1,228	3110517111	Trần Ba Duy	02ĐH17XN	5.9	42
1,229	3110517112	Trần Hải Duy	02ĐH17XN	6.8	39
1,230	3110517113	Hà Thị Dương	02ĐH17XN	6.5	44
1,231	3110517114	Nguyễn Tùng Dương	02ĐH17XN	6.6	26
1,232	3110517115	Đinh Thị Tâm Đan	02ĐH17XN	6.7	48
1,233	3110517117	Tráng Thị Đua	02ĐH17XN	7.3	54
1,234	3110517118	Nguyễn Hương Giang	02ĐH17XN	7	46
1,235	3110517119	Nguyễn Thị Thu Hà	02ĐH17XN	7.2	53
1,236	3110517120	Nguyễn Việt Hà	02ĐH17XN	6.7	40
1,237	3110517121	Trần Thị Hà	02ĐH17XN	7.2	51
1,238	3110517122	Hà Hải Hằng	02ĐH17XN	6.6	50
1,239	3110517123	Bùi Minh Hiếu	02ĐH17XN	6.6	39
1,240	3110517124	Nguyễn Thị Hiền	02ĐH17XN	7	56
1,241	3110517125	Nguyễn Văn Hoan	02ĐH17XN	6.3	43
1,242	3110517126	Hoàng Đặng Thái Hòa	02ĐH17XN	6.3	40
1,243	3110517127	Nguyễn Thị Bích Hồng	02ĐH17XN	6.8	54

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,244	3110517128	Nguyễn Khánh Huyền	02ĐH17XN	6.3	46
1,245	3110517129	Nguyễn Thị Thu Huyền	02ĐH17XN	6.7	54
1,246	3110517130	Trần Việt Hùng	02ĐH17XN	6.8	42
1,247	3110517131	Hoàng Thị Hương	02ĐH17XN	7	56
1,248	3110517132	Phạm Thị Ngọc Khánh	02ĐH17XN	6.7	53
1,249	3110517133	Chu Thị Lan	02ĐH17XN	6.7	55
1,250	3110517134	Nguyễn Thị Hương Lan	02ĐH17XN	7.1	49
1,251	3110517135	Nguyễn Thị Lâm	02ĐH17XN	6.7	43
1,252	3110517136	Hà Lê Mai Linh	02ĐH17XN	6.8	33
1,253	3110517137	Lại Diệu Linh	02ĐH17XN	6.9	55
1,254	3110517138	Ngô Thùy Linh	02ĐH17XN	6.3	49
1,255	3110517139	Nguyễn Thị Linh	02ĐH17XN	7.8	53
1,256	3110517140	Phạm Khánh Linh	02ĐH17XN	6.4	48
1,257	3110517141	Thái Thị Diệu Linh	02ĐH17XN	7	58
1,258	3110517142	Phạm Phương Loan	02ĐH17XN	6.9	54
1,259	3110517143	Nguyễn Hiền Lương	02ĐH17XN	6.8	51
1,260	3110517144	Hoàng Thị Tuyết Mai	02ĐH17XN	7.4	58
1,261	3110517145	Nguyễn Thị Mai	02ĐH17XN	7	46
1,262	3110517147	Mai Văn Mỹ	02ĐH17XN	6.6	51
1,263	3110517148	Nguyễn Thị Nga	02ĐH17XN	7.2	55
1,264	3110517150	Lê Xuân Ngọc	02ĐH17XN	6.9	52
1,265	3110517151	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02ĐH17XN	6.9	51
1,266	3110517153	Phạm Thị Huệ Nhi	02ĐH17XN	7	56
1,267	3110517154	Phạm Tuyết Nhung	02ĐH17XN	8.1	58
1,268	3110517155	Phạm Thị Oanh	02ĐH17XN	6.7	53
1,269	3110517156	Ngô Thị Thu Phương	02ĐH17XN	6.7	58
1,270	3110517157	Nguyễn Như Phương	02ĐH17XN	6.8	45
1,271	3110517158	Nguyễn Thị Thu Phương	02ĐH17XN	6.8	53
1,272	3110517159	Nguyễn Như Quỳnh	02ĐH17XN	6.4	55
1,273	3110517161	Đàm Minh Thành	02ĐH17XN	6.5	35
1,274	3110517162	Vũ Thị Thắng	02ĐH17XN	6.7	25
1,275	3110517163	Phạm Thị Thu	02ĐH17XN	7.4	53
1,276	3110517164	Nguyễn Thị Thanh Thủy	02ĐH17XN	7	52
1,277	3110517165	Nguyễn Bùi Hà Thư	02ĐH17XN	8.1	56
1,278	3110517166	Trần Thị Thanh Thanh	02ĐH17XN	6.3	32
1,279	3110517167	Nguyễn Thị Thủy Tiên	02ĐH17XN	6.5	58
1,280	3110517169	Lương Thị Tuyết	02ĐH17XN	6.4	53
1,281	3110517170	Nguyễn Phùng Sơn Tuyền	02ĐH17XN	6.2	23
1,282	3110517171	Đặng Thu Trang	02ĐH17XN	6.9	53
1,283	3110517172	Nguyễn Như Trang	02ĐH17XN	7.2	60
1,284	3110517173	Nguyễn Tân Trường	02ĐH17XN	7	30
1,285	3110517174	Nguyễn Thị Xuân	02ĐH17XN	6.8	44

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,286	3110517175	Hoàng Thị Xuân	02ĐH17XN	6.6	49
1,287	3110517176	Nguyễn Thị Thúy Vân	02ĐH17XN	7.8	58
1,288	3110717001	Đỗ Hoàng Anh	01ĐH17KTHA	7.3	49
1,289	3110717002	Nguyễn Trung Anh	01ĐH17KTHA	6.6	10
1,290	3110717004	Vũ Hoàng Anh	01ĐH17KTHA	6.7	33
1,291	3110717005	Nông Văn Bình	01ĐH17KTHA	6.6	50
1,292	3110717006	Hoàng Minh Châu	01ĐH17KTHA	5.8	41
1,293	3110717007	Chu Thanh Chí	01ĐH17KTHA	6.5	38
1,294	3110717009	Lê Trọng Cường	01ĐH17KTHA	6.3	24
1,295	3110717010	Dương Minh Cường	01ĐH17KTHA	6.2	18
1,296	3110717011	Đỗ Minh Dũng	01ĐH17KTHA	6.3	51
1,297	3110717013	Vũ Trọng Dũng	01ĐH17KTHA	6.5	40
1,298	3110717014	Đỗ Xuân Dương	01ĐH17KTHA	6	16
1,299	3110717015	Phạm Tùng Dương	01ĐH17KTHA	6.6	42
1,300	3110717016	Nguyễn Vương Đạo	01ĐH17KTHA	6.8	48
1,301	3110717017	Nguyễn Thành Đạt	01ĐH17KTHA	7	44
1,302	3110717019	Vũ Hoàng Đạt	01ĐH17KTHA	6.3	37
1,303	3110717020	Trần Minh Đức	01ĐH17KTHA	6.6	21
1,304	3110717021	Hoàng Minh Giang	01ĐH17KTHA	6.7	31
1,305	3110717022	Nguyễn Tiến Hào	01ĐH17KTHA	5.9	30
1,306	3110717023	Doãn Văn Hiếu	01ĐH17KTHA	6.6	28
1,307	3110717025	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH17KTHA	6.6	42
1,308	3110717026	Nguyễn Văn Hiếu	01ĐH17KTHA	6.1	35
1,309	3110717027	Lê Chí Hiển	01ĐH17KTHA	6.8	48
1,310	3110717028	Phạm Công Hiệp	01ĐH17KTHA	6.3	28
1,311	3110717029	Trần Đình Hoàn	01ĐH17KTHA	6.7	28
1,312	3110717030	Nguyễn Hữu Huy Hoàng	01ĐH17KTHA	6.7	36
1,313	3110717031	Tô Minh Hoàng	01ĐH17KTHA	6.2	9
1,314	3110717032	Dương Ngô Hòa	01ĐH17KTHA	6.6	36
1,315	3110717033	Quách Đức Học	01ĐH17KTHA	6.9	15
1,316	3110717034	Bùi Nguyên Huy	01ĐH17KTHA	7.5	53
1,317	3110717035	Lê Đình Huy	01ĐH17KTHA	6.6	42
1,318	3110717036	Trần Minh Huy	01ĐH17KTHA	6.3	21
1,319	3110717037	Hà Mạnh Hùng	01ĐH17KTHA	6.6	31
1,320	3110717038	Lại Dương Hưng	01ĐH17KTHA	6	25
1,321	3110717039	Đặng Quang Khải	01ĐH17KTHA	7	52
1,322	3110717041	Phan Văn Kiên	01ĐH17KTHA	5.7	17
1,323	3110717042	Phạm Tùng Lâm	01ĐH17KTHA	6	22
1,324	3110717043	Nguyễn Thế Lân	01ĐH17KTHA	6.2	49
1,325	3110717045	Đinh Đức Mạnh	01ĐH17KTHA	6.7	22
1,326	3110717046	Trần Thế Mạnh	01ĐH17KTHA	6.4	40
1,327	3110717047	Nguyễn Huy Minh	01ĐH17KTHA	6.3	39

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,328	3110717048	Bùi Thành Nam	01ĐH17KTHA	6.5	21
1,329	3110717049	Nguyễn Chí Nam	01ĐH17KTHA	6.5	37
1,330	3110717050	Nguyễn Văn Nam	01ĐH17KTHA	6.6	50
1,331	3110717051	Đỗ Minh Phương	01ĐH17KTHA	6.1	35
1,332	3110717053	Quàng Văn Quang	01ĐH17KTHA	6	21
1,333	3110717054	Hà Văn Quân	01ĐH17KTHA	6.4	44
1,334	3110717055	Phạm Hồng Quân	01ĐH17KTHA	6.4	29
1,335	3110717056	Hà Mạnh Quyết	01ĐH17KTHA	6.6	44
1,336	3110717057	Trần Văn Sang	01ĐH17KTHA	6.5	48
1,337	3110717058	Hà Trọng Tâm	01ĐH17KTHA	6.4	45
1,338	3110717059	Nguyễn Văn Thái	01ĐH17KTHA	7.1	48
1,339	3110717060	Lê Văn Thăng	01ĐH17KTHA	6.1	36
1,340	3110717061	Nguyễn Khắc Thụy	01ĐH17KTHA	6.6	47
1,341	3110717063	Tạ Duy Tiến	01ĐH17KTHA	6.5	33
1,342	3110717064	Nguyễn Văn Toản	01ĐH17KTHA	6.8	50
1,343	3110717065	Kiều Công Tuấn	01ĐH17KTHA	5.9	37
1,344	3110717066	Đặng Thanh Tùng	01ĐH17KTHA	6.4	47
1,345	3110717067	Quàng Thanh Tùng	01ĐH17KTHA	7.2	27
1,346	3110717068	Nguyễn Quảng Tùng	01ĐH17KTHA	6.4	28
1,347	3110717069	Đặng Cao Trung	01ĐH17KTHA	6.8	44
1,348	3110717070	Trần Công Trường	01ĐH17KTHA	6.4	53
1,349	3110717072	Lê Như Vương	01ĐH17KTHA	6.2	51
1,350	3110717073	Hoàng Văn Vỹ	01ĐH17KTHA	6.8	17
1,351	3110717102	Đỗ Trung Anh	02ĐH17KTHA	6.4	24
1,352	3110717103	Phạm Đức Anh	02ĐH17KTHA	7.4	50
1,353	3110717104	Trịnh Hùng Anh	02ĐH17KTHA	6.3	32
1,354	3110717105	Lương Văn Chiến	02ĐH17KTHA	6.3	30
1,355	3110717106	Đỗ Văn Chuẩn	02ĐH17KTHA	7.4	49
1,356	3110717108	Triệu Quang Duy	02ĐH17KTHA	6.9	55
1,357	3110717109	Nguyễn Văn Dũng	02ĐH17KTHA	7	42
1,358	3110717110	Đào Quý Dương	02ĐH17KTHA	5.6	17
1,359	3110717111	Lâm Tùng Dương	02ĐH17KTHA	6.3	21
1,360	3110717112	Lê Hải Dương	02ĐH17KTHA	6.4	23
1,361	3110717113	Bùi Tiến Đạt	02ĐH17KTHA	6.7	50
1,362	3110717114	Nguyễn Hữu Đồng	02ĐH17KTHA	7.1	55
1,363	3110717115	Bùi Như Giang	02ĐH17KTHA	7.9	50
1,364	3110717116	Bùi Quang Hà	02ĐH17KTHA	6.1	44
1,365	3110717117	Phạm Minh Hiếu	02ĐH17KTHA	6.5	16
1,366	3110717119	Tăng Văn Hiếu	02ĐH17KTHA	7.1	44
1,367	3110717120	Đặng Tuấn Hiệp	02ĐH17KTHA	6.2	42
1,368	3110717121	Hoàng Minh Hiển	02ĐH17KTHA	6.6	22
1,369	3110717123	Phạm Trần Huy Hoàng	02ĐH17KTHA	6.9	42

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,370	3110717124	Trần Đình Hoàng	02ĐH17KTHA	6.1	48
1,371	3110717125	Đặng Lê Xuân Hòa	02ĐH17KTHA	6.2	34
1,372	3110717126	Nguyễn Huy Hợp	02ĐH17KTHA	6.2	38
1,373	3110717127	Đào Trọng Huy	02ĐH17KTHA	6.4	20
1,374	3110717128	Phùng Quang Huy	02ĐH17KTHA	6.6	46
1,375	3110717129	Đinh Bá Khánh	02ĐH17KTHA	6.2	39
1,376	3110717130	Phạm Quang Khải	02ĐH17KTHA	6.3	17
1,377	3110717131	Đinh Việt Khôi	02ĐH17KTHA	7.4	52
1,378	3110717132	Dương Tùng Lâm	02ĐH17KTHA	6.1	43
1,379	3110717134	Tô Thanh Linh	02ĐH17KTHA	6.4	13
1,380	3110717135	Nguyễn Văn Long	02ĐH17KTHA	6	46
1,381	3110717136	Hà Tiến Mạnh	02ĐH17KTHA	7.3	52
1,382	3110717137	Đoàn Tuấn Minh	02ĐH17KTHA	6.4	48
1,383	3110717139	Cao Văn Nam	02ĐH17KTHA	5.9	27
1,384	3110717143	Nguyễn Văn Quang	02ĐH17KTHA	6.4	52
1,385	3110717144	Mông Văn Quảng	02ĐH17KTHA	7	43
1,386	3110717145	Mai Phú Anh Quý	02ĐH17KTHA	7.6	52
1,387	3110717147	Trần Huy Tài	02ĐH17KTHA	6.2	41
1,388	3110717149	Nguyễn Văn Thanh	02ĐH17KTHA	6.8	47
1,389	3110717150	Lê Công Thành	02ĐH17KTHA	7.5	50
1,390	3110717151	Kiều Tiến Thủy	02ĐH17KTHA	6.8	47
1,391	3110717152	Hoàng Văn Thức	02ĐH17KTHA	6.3	9
1,392	3110717154	Đào Ngọc Tín	02ĐH17KTHA	6.5	53
1,393	3110717156	Phạm Quốc Tuấn	02ĐH17KTHA	6.9	50
1,394	3110717157	Nguyễn Văn Tùng	02ĐH17KTHA	6.8	43
1,395	3110717158	Phạm Đức Trung	02ĐH17KTHA	6.3	39
1,396	3110717160	Tạ Đình Văn	02ĐH17KTHA	6.1	38
1,397	3110717161	Trần Danh Vương	02ĐH17KTHA	6.8	51
1,398	3110816016	Lê Thu Hằng	01ĐH17PHCN	7	59
1,399	3110817001	Bùi Thị Vân Anh	01ĐH17PHCN	7	53
1,400	3110817003	Nguyễn Thị Mai Anh	01ĐH17PHCN	7.2	54
1,401	3110817004	Phương Tú Anh	01ĐH17PHCN	7	46
1,402	3110817005	Trần Mai Anh	01ĐH17PHCN	6.6	48
1,403	3110817006	Phạm Thị Ngọc Bích	01ĐH17PHCN	6.8	58
1,404	3110817007	Nguyễn Tuấn Bình	01ĐH17PHCN	6.9	42
1,405	3110817008	Vũ Thị Minh Châu	01ĐH17PHCN	7	53
1,406	3110817009	Nguyễn Thị Thùy Chi	01ĐH17PHCN	6.6	56
1,407	3110817010	Lã Văn Cường	01ĐH17PHCN	6.9	26
1,408	3110817011	Lê Văn Cường	01ĐH17PHCN	6.6	43
1,409	3110817012	Mai Hồng Cường	01ĐH17PHCN	7.2	21
1,410	3110817013	Nguyễn Thế Cường	01ĐH17PHCN	6.9	22
1,411	3110817014	Sín Hồng Diệp	01ĐH17PHCN	6.9	34

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,412	3110817015	Trần Hoàng Duy	01ĐH17PHCN	7	34
1,413	3110817016	Ngô Kỳ Duyên	01ĐH17PHCN	6.9	48
1,414	3110817017	Hoàng Thùy Dương	01ĐH17PHCN	6.8	45
1,415	3110817018	Đinh Văn Đại	01ĐH17PHCN	6.5	36
1,416	3110817019	Lê Văn Đức	01ĐH17PHCN	7.1	26
1,417	3110817020	Phạm Như Đức	01ĐH17PHCN	6.4	37
1,418	3110817021	Đàm Thị Hồng Gấm	01ĐH17PHCN	6.8	47
1,419	3110817022	Đinh Thị Hương Giang	01ĐH17PHCN	6.9	54
1,420	3110817023	Lê Thị Giang	01ĐH17PHCN	6.6	45
1,421	3110817024	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH17PHCN	7	33
1,422	3110817025	Trịnh Thị Lệ Giang	01ĐH17PHCN	7.1	60
1,423	3110817026	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01ĐH17PHCN	6.7	58
1,424	3110817027	Hoàng Hải Hiền	01ĐH17PHCN	7.5	55
1,425	3110817028	Bùi Minh Hiếu	01ĐH17PHCN	6.8	40
1,426	3110817029	Vũ Thị Hiền	01ĐH17PHCN	7.4	55
1,427	3110817030	Vũ Văn Hiệp	01ĐH17PHCN	6.5	41
1,428	3110817031	Nguyễn Thị Diệu Hoa	01ĐH17PHCN	6.7	43
1,429	3110817032	Nguyễn Thị Hoài	01ĐH17PHCN	6.8	37
1,430	3110817033	Phạm Quang Hoàng	01ĐH17PHCN	6.5	37
1,431	3110817034	Nguyễn Thị Hồng Huê	01ĐH17PHCN	6.7	47
1,432	3110817035	Dương Lan Hương	01ĐH17PHCN	6.7	45
1,433	3110817036	Nguyễn Thị Hương	01ĐH17PHCN	7.5	53
1,434	3110817037	Phạm Thị Hường	01ĐH17PHCN	6.5	51
1,435	3110817038	Hà Thị Lan Hương	01ĐH17PHCN	6.8	27
1,436	3110817039	Nguyễn Thị Khánh Linh	01ĐH17PHCN	7.2	57
1,437	3110817040	Phạm Thị Mai Linh	01ĐH17PHCN	6.8	47
1,438	3110817041	Hoàng Thủy Lợi	01ĐH17PHCN	6.6	50
1,439	3110817042	Nguyễn Hương Ly	01ĐH17PHCN	7	51
1,440	3110817043	Hoàng Thị Mai	01ĐH17PHCN	6.8	40
1,441	3110817044	Phạm Thị Mai	01ĐH17PHCN	7.6	51
1,442	3110817045	Phạm Duy Mạnh	01ĐH17PHCN	6.5	33
1,443	3110817046	Trương Hoài Nam	01ĐH17PHCN	6.9	36
1,444	3110817047	Mã Thị Quỳnh Nga	01ĐH17PHCN	6.5	32
1,445	3110817048	Lường Thị Kim Ngân	01ĐH17PHCN	6.6	48
1,446	3110817049	Nguyễn Thị Ngoan	01ĐH17PHCN	6.8	39
1,447	3110817050	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	01ĐH17PHCN	6.4	49
1,448	3110817052	Vũ Thị Như	01ĐH17PHCN	6.9	50
1,449	3110817053	Dương Kiều Oanh	01ĐH17PHCN	6.8	37
1,450	3110817054	Vũ Thị Thu Uyên	01ĐH17PHCN	6.8	42
1,451	3110817055	Đặng Hà Phương	01ĐH17PHCN	7	53
1,452	3110817056	Nguyễn Lan Phương	01ĐH17PHCN	7.2	56
1,453	3110817057	Nguyễn Thị Phương	01ĐH17PHCN	6.9	51

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,454	3110817058	Nguyễn Thị Lan Phương	01ĐH17PHCN	6.5	53
1,455	3110817059	Lò Thị Phượng	01ĐH17PHCN	6.6	25
1,456	3110817060	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	01ĐH17PHCN	6.7	43
1,457	3110817061	Nguyễn Thúy Quỳnh	01ĐH17PHCN	6.6	43
1,458	3110817062	Phạm Thị Hương Quỳnh	01ĐH17PHCN	6.7	47
1,459	3110817063	Trịnh Công Sơn	01ĐH17PHCN	6.8	58
1,460	3110817064	Nguyễn Minh Tâm	01ĐH17PHCN	7.4	58
1,461	3110817065	Đoàn Thị Hồng Thao	01ĐH17PHCN	6.7	40
1,462	3110817066	Phạm Hà Thành	01ĐH17PHCN	6.9	44
1,463	3110817067	Dương Thị Thảo	01ĐH17PHCN	6.9	59
1,464	3110817068	Đào Thị Phương Thảo	01ĐH17PHCN	6.7	42
1,465	3110817069	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH17PHCN	7	52
1,466	3110817070	Lê Hà Thu	01ĐH17PHCN	6.3	55
1,467	3110817071	Mẫn Thị Thu	01ĐH17PHCN	6.7	48
1,468	3110817072	Hà Thị Thùy	01ĐH17PHCN	6.5	42
1,469	3110817073	Phạm Văn Thùy	01ĐH17PHCN	6.9	21
1,470	3110817074	Nguyễn Thị Thương	01ĐH17PHCN	6.9	51
1,471	3110817075	Trần Thị Thanh Thương	01ĐH17PHCN	7	51
1,472	3110817076	Thàng Thị Thiết	01ĐH17PHCN	6.7	34
1,473	3110817077	Hoàng Đức Thư	01ĐH17PHCN	6.9	36
1,474	3110817078	Đặng Hoàng Long	01ĐH17PHCN	6.6	31
1,475	3110817079	Hà Ngọc Tuyến	01ĐH17PHCN	6.6	41
1,476	3110817080	Mai Huyền Trang	01ĐH17PHCN	7	32
1,477	3110817081	Phan Thị Thu Trà	01ĐH17PHCN	6.8	49
1,478	3110817082	Ngô Thị Trâm	01ĐH17PHCN	6.9	42
1,479	3110817083	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	01ĐH17PHCN	7	57
1,480	3110817084	Hoàng Vũ	01ĐH17PHCN	7.2	25
1,481	3110817086	Đỗ Hải Yến	01ĐH17PHCN	6.8	42
1,482	3111116040	Trần Anh Tuấn	01ĐH17YK	6.8	79
1,483	3111117001	Bùi Thị An	01ĐH17YK	6.8	55
1,484	3111117002	Lê Thị Lan Anh	01ĐH17YK	6.8	51
1,485	3111117004	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01ĐH17YK	6.4	51
1,486	3111117005	Đào Ngọc Bắc	01ĐH17YK	6.5	47
1,487	3111117006	Phạm Thị Bích	01ĐH17YK	6.5	57
1,488	3111117007	Nguyễn Thị Thu Chang	01ĐH17YK	6	44
1,489	3111117008	Nguyễn Thị Diện	01ĐH17YK	6.1	53
1,490	3111117009	Ngô Đắc Duẩn	01ĐH17YK	6.8	40
1,491	3111117010	Dương Thùy Dung	01ĐH17YK	6.4	55
1,492	3111117011	Bùi Thị Thúy Duyên	01ĐH17YK	7.3	57
1,493	3111117012	Bùi Xuân Dũng	01ĐH17YK	6.5	51
1,494	3111117013	Nguyễn Văn Đạt	01ĐH17YK	6.1	53
1,495	3111117015	Nguyễn Hương Giang	01ĐH17YK	7	51

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,496	3111117016	Nguyễn Thanh Hà	01ĐH17YK	6.3	46
1,497	3111117017	Trần Thị Ngọc Hà	01ĐH17YK	6.5	50
1,498	3111117018	Đặng Thị Hải	01ĐH17YK	6.4	57
1,499	3111117019	Phạm Văn Hải	01ĐH17YK	6.7	47
1,500	3111117020	Phùng Tiến Hải	01ĐH17YK	7.2	57
1,501	3111117021	Trần Mỹ Hảo	01ĐH17YK	6.2	55
1,502	3111117022	Bùi Thúy Hằng	01ĐH17YK	6.3	55
1,503	3111117023	Nguyễn Thị Minh Hằng	01ĐH17YK	6.3	55
1,504	3111117024	Nguyễn Thị Thu Hằng	01ĐH17YK	6.3	45
1,505	3111117025	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01ĐH17YK	6	47
1,506	3111117026	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH17YK	6.7	53
1,507	3111117027	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH17YK	6.4	38
1,508	3111117028	Phạm Thị Hiên	01ĐH17YK	8.1	54
1,509	3111117029	Lê Văn Hiến	01ĐH17YK	6.2	12
1,510	3111117030	Hoàng Công Hiếu	01ĐH17YK	6.1	40
1,511	3111117031	Phạm Xuân Hiếu	01ĐH17YK	6.1	52
1,512	3111117032	Lê Thị Thanh Hiền	01ĐH17YK	7	57
1,513	3111117033	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	01ĐH17YK	6.7	54
1,514	3111117034	Vũ Thị Thu Hoài	01ĐH17YK	6.5	57
1,515	3111117035	Nguyễn Thị Thanh Hòa	01ĐH17YK	6.8	57
1,516	3111117036	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH17YK	5.9	20
1,517	3111117037	Vũ Thị Huyền	01ĐH17YK	6	48
1,518	3111117038	Vũ Thị Thanh Huyền	01ĐH17YK	6.5	57
1,519	3111117040	Phạm Minh Hùng	01ĐH17YK	6.7	57
1,520	3111117041	Tăng Thị Hương	01ĐH17YK	6.5	44
1,521	3111117042	Trịnh Thu Hương	01ĐH17YK	7.4	57
1,522	3111117043	Vũ Lan Hương	01ĐH17YK	7.2	57
1,523	3111117044	Đặng Thị Ngọc Lan	01ĐH17YK	6.5	49
1,524	3111117045	Nguyễn Thị Lan	01ĐH17YK	6.9	57
1,525	3111117046	Nguyễn Thị Hạnh Linh	01ĐH17YK	6.3	49
1,526	3111117047	Vũ Thị Linh	01ĐH17YK	6.9	55
1,527	3111117048	Chu Thành Long	01ĐH17YK	6.3	55
1,528	3111117049	Đàm Thị Luyến	01ĐH17YK	6.9	57
1,529	3111117050	Vi Văn Mạnh	01ĐH17YK	6.2	45
1,530	3111117051	Bùi Thị Mận	01ĐH17YK	6.9	52
1,531	3111117052	Nguyễn Thị Trà My	01ĐH17YK	6.3	55
1,532	3111117053	Nguyễn Thị Na	01ĐH17YK	6.5	53
1,533	3111117054	Lương Phương Nam	01ĐH17YK	5.8	44
1,534	3111117055	Phạm Thị Hồng Nga	01ĐH17YK	6.4	51
1,535	3111117056	Phạm Thị Phương Nga	01ĐH17YK	6.5	53
1,536	3111117057	Nguyễn Thị Ngát	01ĐH17YK	6.1	48
1,537	3111117058	Đặng Thị Thế Ngân	01ĐH17YK	6.1	52

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,538	3111117059	Lê Thị Hồng Ngọc	01ĐH17YK	6.7	57
1,539	3111117060	Trần Thị Bích Ngọc	01ĐH17YK	6.2	53
1,540	3111117061	Phạm Tân Nguyên	01ĐH17YK	6.6	53
1,541	3111117062	Lê Thị Nguyệt	01ĐH17YK	6.5	41
1,542	3111117063	Vũ Thị Nguyệt	01ĐH17YK	5.8	47
1,543	3111117064	Chu Thị Nhàn	01ĐH17YK	6.1	41
1,544	3111117065	Đoàn Thị Nhung	01ĐH17YK	5.6	35
1,545	3111117066	Mai Thị Nhung	01ĐH17YK	7.2	57
1,546	3111117067	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH17YK	6.4	45
1,547	3111117068	Vi Thị Hồng Nhung	01ĐH17YK	6.4	57
1,548	3111117069	Nguyễn Đăng Ninh	01ĐH17YK	6.4	37
1,549	3111117070	Ngải Chá Phìn	01ĐH17YK	6.5	51
1,550	3111117071	Nguyễn Hải Phong	01ĐH17YK	6.3	46
1,551	3111117072	Dương Thị Phương	01ĐH17YK	7.3	57
1,552	3111117073	Nguyễn Thị Cúc Phương	01ĐH17YK	6.4	53
1,553	3111117074	Nguyễn Thu Phương	01ĐH17YK	6.3	48
1,554	3111117075	Nguyễn Tiền Phương	01ĐH17YK	7.5	57
1,555	3111117076	Phan Thị Phương	01ĐH17YK	6.5	51
1,556	3111117077	Dương Lệ Quyên	01ĐH17YK	6.9	55
1,557	3111117078	Nguyễn Danh Quyền	01ĐH17YK	6.9	51
1,558	3111117079	Phạm Trọng Sỹ	01ĐH17YK	6.2	46
1,559	3111117080	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	01ĐH17YK	6.2	53
1,560	3111117081	Ngô Thị Phương Thảo	01ĐH17YK	7.2	55
1,561	3111117082	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH17YK	6.2	45
1,562	3111117083	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH17YK	6.2	46
1,563	3111117085	Bùi Thị Thịnh	01ĐH17YK	7	57
1,564	3111117086	Nguyễn Thị Thu	01ĐH17YK	7.4	57
1,565	3111117087	Trần Hoài Thu	01ĐH17YK	6.6	53
1,566	3111117088	Đào Thị Phương Thúy	01ĐH17YK	6.4	50
1,567	3111117089	Nguyễn Thị Thùy	01ĐH17YK	6.2	53
1,568	3111117090	Triệu Anh Tiến	01ĐH17YK	6	38
1,569	3111117091	Nguyễn Thị Tình	01ĐH17YK	6.9	57
1,570	3111117092	Trần Anh Tuấn	01ĐH17YK	7.9	57
1,571	3111117093	Trịnh Văn Tuấn	01ĐH17YK	6.7	57
1,572	3111117094	Đào Thị Tuyết	01ĐH17YK	7	57
1,573	3111117095	Trần Thị Huyền Trang	01ĐH17YK	7.2	57
1,574	3111117096	Trần Thị Thu Trang	01ĐH17YK	6.3	57
1,575	3111117097	Phạm Mai Trinh	01ĐH17YK	6.7	57
1,576	3111117099	Vũ Tiến Trung	01ĐH17YK	6.7	50
1,577	3111117100	Trần Huy Trường	01ĐH17YK	6.1	50
1,578	3111117101	Nguyễn Thị Thanh Xuân	01ĐH17YK	7	57
1,579	3111117102	Nguyễn Thị Xuyên	01ĐH17YK	7.1	57

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,580	3111117103	Vũ Thị Yến	01ĐH17YK	6.4	52
ĐẠI HỌC NĂM 3					
1,581	2110516005	Lăng Thị Hồng Ánh	01ĐH16ĐD	7.1	91
1,582	3110215031	Lê Thị Nga	01ĐH16ĐD	6.6	93
1,583	3110215050	Nguyễn Thị Nga Quyên	01ĐH16ĐD	6.8	104
1,584	3110215055	Nguyễn Ngọc Thắng	01ĐH16ĐD	6.8	104
1,585	3110216002	Lê Thị Anh	01ĐH16ĐD	7.3	100
1,586	3110216003	Nguyễn Ngọc Anh	01ĐH16ĐD	7.5	97
1,587	3110216004	Nguyễn Thị Phương Anh	01ĐH16ĐD	7.1	99
1,588	3110216005	Nguyễn Thị Vân Anh	01ĐH16ĐD	7.5	100
1,589	3110216006	Tô Thị Lan Anh	01ĐH16ĐD	6.8	93
1,590	3110216009	Trần Thị Chinh	01ĐH16ĐD	7.4	100
1,591	3110216013	Trần Thị Duyên	01ĐH16ĐD	6.4	89
1,592	3110216015	Bùi Thị Hồng Gấm	01ĐH16ĐD	7.2	100
1,593	3110216016	Bùi Hương Giang	01ĐH16ĐD	7	96
1,594	3110216017	Nguyễn Thị Hà	01ĐH16ĐD	6.6	87
1,595	3110216018	Lương Thị Hạnh	01ĐH16ĐD	7.1	100
1,596	3110216019	Đặng Thị Thu Hằng	01ĐH16ĐD	7	100
1,597	3110216020	Trần Thị Ngọc Hân	01ĐH16ĐD	7.6	100
1,598	3110216021	Đào Thành Hiếu	01ĐH16ĐD	6.6	85
1,599	3110216022	Nguyễn Thị Hoa	01ĐH16ĐD	7.2	96
1,600	3110216025	Chu Thị Hồng	01ĐH16ĐD	7.4	100
1,601	3110216026	Đàm Thanh Huyền	01ĐH16ĐD	7.2	100
1,602	3110216027	Ngô Thị Huyền	01ĐH16ĐD	7.5	100
1,603	3110216029	Vũ Thị Huyền	01ĐH16ĐD	7.2	100
1,604	3110216031	Vũ Thị Liên Hương	01ĐH16ĐD	6.8	100
1,605	3110216032	Trần Thu Hường	01ĐH16ĐD	7.1	100
1,606	3110216033	Hoàng Hoài Lam	01ĐH16ĐD	6.5	80
1,607	3110216034	Nguyễn Ngọc Lan	01ĐH16ĐD	7.3	96
1,608	3110216035	Đỗ Thị Liên	01ĐH16ĐD	7.6	100
1,609	3110216038	Nguyễn Ngọc Linh	01ĐH16ĐD	7	102
1,610	3110216039	Nguyễn Thị Linh	01ĐH16ĐD	7.6	100
1,611	3110216042	Đinh Thị Nhật Minh	01ĐH16ĐD	7.1	100
1,612	3110216043	Đỗ Thị Mơ	01ĐH16ĐD	7.5	100
1,613	3110216044	Trần Thị Nam	01ĐH16ĐD	7.5	100
1,614	3110216045	Nguyễn Thị Nga	01ĐH16ĐD	6.9	89
1,615	3110216048	Đàm Thị Nhài	01ĐH16ĐD	6.8	100
1,616	3110216049	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01ĐH16ĐD	7.1	100
1,617	3110216050	Phạm Thị Như	01ĐH16ĐD	7.4	100
1,618	3110216053	Nguyễn Thị Hà Phương	01ĐH16ĐD	6.6	100
1,619	3110216054	Nguyễn Thu Phương	01ĐH16ĐD	6.5	91
1,620	3110216055	Vũ Thị Phương	01ĐH16ĐD	7	104

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,621	3110216056	Phùng Thị Phượng	01ĐH16ĐD	6.7	91
1,622	3110216057	Nguyễn Thị Quỳnh	01ĐH16ĐD	7.1	100
1,623	3110216059	Hồ Thị Thêu	01ĐH16ĐD	7.3	100
1,624	3110216060	Đào Thị Thoa	01ĐH16ĐD	7.5	100
1,625	3110216061	Vương Thị Thu	01ĐH16ĐD	7.1	97
1,626	3110216063	Trần Thị Thương	01ĐH16ĐD	7.2	100
1,627	3110216064	Nguyễn Thị Tuyên	01ĐH16ĐD	7.2	96
1,628	3110216065	Phạm Thị Ánh Tuyết	01ĐH16ĐD	7.4	100
1,629	3110216066	Nguyễn Ngọc Tuyền	01ĐH16ĐD	6.9	96
1,630	3110216069	Nguyễn Thị Thu Trang	01ĐH16ĐD	7.2	97
1,631	3110216070	Phạm Thị Huyền Trang	01ĐH16ĐD	6.4	56
1,632	3110216071	Nguyễn Thị Kiều Trinh	01ĐH16ĐD	7.6	97
1,633	3110216073	Đào Thị Hồng Vân	01ĐH16ĐD	6.5	80
1,634	3110216083	Nguyễn Thị Vân Anh	01ĐH16ĐD	6.7	97
1,635	3110216085	Nguyễn Thị Bắc	01ĐH16ĐD	6.5	90
1,636	3110216086	Vũ Thị Diễm Châu	01ĐH16ĐD	7.8	97
1,637	3110216090	Lê Thị Dung	01ĐH16ĐD	6.8	83
1,638	3110216100	Phạm Thị Hiền	01ĐH16ĐD	7.5	101
1,639	3110216101	Nguyễn Thị Hoa	01ĐH16ĐD	7	100
1,640	3110216102	Nguyễn Thị Hoài	01ĐH16ĐD	7	99
1,641	3110216107	Vũ Thị Ngọc Huyền	01ĐH16ĐD	7	85
1,642	3110216109	Vũ Thiên Hương	01ĐH16ĐD	7	91
1,643	3110216110	Nguyễn Thu Hường	01ĐH16ĐD	6.9	88
1,644	3110216113	Bùi Thị Ngọc Lan	01ĐH16ĐD	7.1	93
1,645	3110216119	Hoàng Thị Luyến	01ĐH16ĐD	7.5	96
1,646	3110216123	Đỗ Thị Nga	01ĐH16ĐD	7.2	104
1,647	3110216133	Vũ Thị Uyên	01ĐH16ĐD	6.4	82
1,648	3110216134	Nguyễn Lan Phương	01ĐH16ĐD	6.8	99
1,649	3110216144	Nguyễn Thị Thu Thủy	01ĐH16ĐD	7.2	97
1,650	3110216145	Nguyễn Thị Thương	01ĐH16ĐD	6.8	101
1,651	3110216146	Trương Thị Toan	01ĐH16ĐD	6.4	93
1,652	3110216147	Phạm Thị Tuyết	01ĐH16ĐD	7.5	96
1,653	3110216148	Trịnh Thị Tuyền	01ĐH16ĐD	7	95
1,654	3110216151	Phan Thị Trang	01ĐH16ĐD	6.6	86
1,655	3110216153	Phan Hồng Vân	01ĐH16ĐD	6.6	73
1,656	3110216008	Nguyễn Thúy Bình	01ĐH16GM	6.6	86
1,657	3110216040	Vũ Thị Luận	01ĐH16GM	6.9	94
1,658	3110216047	Lương Thị Ngọc	01ĐH16GM	6.8	89
1,659	3110216074	Nông Thị Thanh Liễu	01ĐH16GM	6.7	80
1,660	3110216082	Đỗ Thị Hồng Anh	01ĐH16GM	7.1	98
1,661	3110216087	Nguyễn Thị Chinh	01ĐH16GM	7.3	98
1,662	3110216091	Phạm Viết Duy	01ĐH16GM	6.5	67

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,663	3110216092	Bùi Quang Đạo	01ĐH16GM	6.5	96
1,664	3110216106	Phạm Thị Thu Huyền	01ĐH16GM	7	102
1,665	3110216111	Trần Thị Hường	01ĐH16GM	6.9	94
1,666	3110216114	Hoàng Thị Lan	01ĐH16GM	6.7	99
1,667	3110216115	Hoàng Thị Kim Liên	01ĐH16GM	6.8	95
1,668	3110216121	Nguyễn Thị Mai	01ĐH16GM	6.6	99
1,669	3110216122	Trần Thị Hà My	01ĐH16GM	7	96
1,670	3110216128	Hoàng Thị Minh Nguyệt	01ĐH16GM	6.9	96
1,671	3110216137	Phạm Thu Phương	01ĐH16GM	7	96
1,672	3110216142	Nguyễn Thị Thu	01ĐH16GM	6.5	92
1,673	3110216172	Đỗ Thị Dung	01ĐH16GM	6.4	71
1,674	3110216205	Trần Thị Ly	01ĐH16GM	6.7	86
1,675	3110216207	Phạm Thị Hương Mai	01ĐH16GM	6.8	87
1,676	3110216224	Trần Việt Thắng	01ĐH16GM	6.4	81
1,677	3110216227	Nguyễn Thị Thanh Thương	01ĐH16GM	6.8	89
1,678	2110716009	Nguyễn Hữu Hoàng	01ĐH16KTHA	7	91
1,679	3110216233	Lưu Văn Trưởng	01ĐH16KTHA	7.2	90
1,680	2110516052	Nguyễn Thị Xuân	01ĐH16NHA	6.8	89
1,681	3110216001	Đỗ Thị Ngọc Anh	01ĐH16NHA	6.7	91
1,682	3110216010	Vũ Ngọc Diệp	01ĐH16NHA	6.4	82
1,683	3110216011	Nguyễn Thị Dung	01ĐH16NHA	7	95
1,684	3110216023	Hoàng Thị Thu Hoài	01ĐH16NHA	6.4	93
1,685	3110216024	Trần Minh Hòa	01ĐH16NHA	6.5	95
1,686	3110216028	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH16NHA	6.6	72
1,687	3110216037	Đinh Thị Linh	01ĐH16NHA	6.8	99
1,688	3110216051	Nguyễn Thị Uyên	01ĐH16NHA	6.8	100
1,689	3110216067	Trần Minh Tùng	01ĐH16NHA	6.7	57
1,690	3110216081	Bùi Minh Anh	01ĐH16NHA	6.7	102
1,691	3110216093	Lê Thị Đoan	01ĐH16NHA	7.2	103
1,692	3110216104	Đỗ Thị Thanh Huệ	01ĐH16NHA	6.7	92
1,693	3110216116	Đặng Thị Thùy Linh	01ĐH16NHA	6.9	103
1,694	3110216132	Đỗ Thị Thu Uyên	01ĐH16NHA	6.7	96
1,695	3110216149	Dương Thùy Trang	01ĐH16NHA	6.6	72
1,696	3110216154	Hoàng Thị Yến	01ĐH16NHA	7.1	99
1,697	3110216191	Nguyễn Thanh Huyền	01ĐH16NHA	6.7	85
1,698	3110216196	Đặng Thị Hường	01ĐH16NHA	6.5	104
1,699	3110216219	Nguyễn Mai Phương	01ĐH16NHA	6.7	102
1,700	3110216089	Đặng Thị Dung	02ĐH16ĐD	7.3	96
1,701	3110216094	Trần Phương Đông	02ĐH16ĐD	7.3	96
1,702	3110216095	Đặng Thị Tú Giang	02ĐH16ĐD	6.5	96
1,703	3110216096	Nguyễn Thị Hà	02ĐH16ĐD	7.2	96

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,704	3110216097	Võ Nguyễn Thúy Hà	02ĐH16ĐD	6.9	85
1,705	3110216098	Nguyễn Thị Hạnh	02ĐH16ĐD	7.3	97
1,706	3110216103	Bùi Thị Hồng	02ĐH16ĐD	6.8	90
1,707	3110216105	Lê Thị Huyền	02ĐH16ĐD	7	100
1,708	3110216108	Nguyễn Thị Thu Hương	02ĐH16ĐD	6.8	93
1,709	3110216112	Nguyễn Đăng Kiên	02ĐH16ĐD	6.8	85
1,710	3110216117	Nguyễn Thị Khánh Linh	02ĐH16ĐD	7.1	96
1,711	3110216118	Trần Thị Linh	02ĐH16ĐD	6.5	91
1,712	3110216124	Đoàn Thị Bích Ngọc	02ĐH16ĐD	6.5	84
1,713	3110216125	Hà Thị Minh Ngọc	02ĐH16ĐD	6.4	86
1,714	3110216127	Lương Thị Ngọc	02ĐH16ĐD	6.6	82
1,715	3110216136	Nguyễn Thị Thu Phương	02ĐH16ĐD	7.2	101
1,716	3110216138	Trần Bích Phượng	02ĐH16ĐD	7.3	100
1,717	3110216140	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH16ĐD	6.9	96
1,718	3110216141	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH16ĐD	6.8	96
1,719	3110216143	Đỗ Thị Thanh Thúy	02ĐH16ĐD	6.9	93
1,720	3110216152	Trần Thị Trang	02ĐH16ĐD	6.4	96
1,721	3110216155	Nguyễn Thị Hải Yến	02ĐH16ĐD	6.9	93
1,722	3110216162	Nguyễn Mai Anh	02ĐH16ĐD	7.5	100
1,723	3110216163	Nguyễn Thị Lan Anh	02ĐH16ĐD	7.2	100
1,724	3110216164	Nguyễn Thị Phương Anh	02ĐH16ĐD	6.6	82
1,725	3110216165	Phùng Thị Hoài Anh	02ĐH16ĐD	7.1	101
1,726	3110216166	Hoàng Thị Ngọc Ánh	02ĐH16ĐD	6.8	92
1,727	3110216167	Phạm Thị Ngọc Bích	02ĐH16ĐD	7.2	100
1,728	3110216168	Mạc Thị Châu	02ĐH16ĐD	7.6	100
1,729	3110216171	Đỗ Thị Dịu	02ĐH16ĐD	7.8	100
1,730	3110216173	Nguyễn Thùy Dung	02ĐH16ĐD	6.9	100
1,731	3110216174	Phạm Thị Duyên	02ĐH16ĐD	6.7	87
1,732	3110216175	Nguyễn Thùy Dương	02ĐH16ĐD	7	101
1,733	3110216176	Đào Thị Giang	02ĐH16ĐD	7	100
1,734	3110216177	Nguyễn Thị Thu Hà	02ĐH16ĐD	6.8	100
1,735	3110216178	Phạm Thị Hà	02ĐH16ĐD	7.5	100
1,736	3110216179	Trần Thị Hạnh	02ĐH16ĐD	7.5	104
1,737	3110216180	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02ĐH16ĐD	6.7	96
1,738	3110216181	Đinh Thị Thúy Hằng	02ĐH16ĐD	6.8	89
1,739	3110216182	Nguyễn Thị Hoa	02ĐH16ĐD	7.9	100
1,740	3110216184	Nguyễn Thị Hoài	02ĐH16ĐD	6.4	95
1,741	3110216186	Mạc Thị Hồng	02ĐH16ĐD	6.6	90
1,742	3110216187	Trần Thị Hồng	02ĐH16ĐD	6.8	88
1,743	3110216188	Lý Thị Huế	02ĐH16ĐD	6.8	96
1,744	3110216189	Phạm Thị Huệ	02ĐH16ĐD	6.9	85
1,745	3110216190	Lê Thị Thu Huyền	02ĐH16ĐD	7	97

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,746	3110216192	Vũ Ngọc Huyền	02ĐH16ĐD	7.3	104
1,747	3110216193	Hoàng Thị Hương	02ĐH16ĐD	6.8	96
1,748	3110216194	Trần Thị Mai Hương	02ĐH16ĐD	6.4	92
1,749	3110216195	Trần Thị Thu Hương	02ĐH16ĐD	6.9	81
1,750	3110216197	Nguyễn Thị Hường	02ĐH16ĐD	6.8	89
1,751	3110216198	Nguyễn Thu Hường	02ĐH16ĐD	7.4	96
1,752	3110216200	Trần Thị Lan	02ĐH16ĐD	6.6	101
1,753	3110216202	Dương Ngọc Linh	02ĐH16ĐD	7.8	100
1,754	3110216203	Nguyễn Thị Hoài Linh	02ĐH16ĐD	7.3	88
1,755	3110216206	Dương Thị Trúc Mai	02ĐH16ĐD	7	93
1,756	3110216208	Phạm Thị Mến	02ĐH16ĐD	7.2	96
1,757	3110216209	Nguyễn Thị Minh	02ĐH16ĐD	7.1	97
1,758	3110216210	Nguyễn Thị Hồng Minh	02ĐH16ĐD	6.8	96
1,759	3110216211	Nguyễn Thị Trà My	02ĐH16ĐD	7.5	104
1,760	3110216212	Lê Thị Nga	02ĐH16ĐD	7.1	96
1,761	3110216214	Hoàng Văn Ngọc	02ĐH16ĐD	6.5	93
1,762	3110216215	Nguyễn Hồng Ngọc	02ĐH16ĐD	7	104
1,763	3110216216	Nguyễn Thị Ngọc	02ĐH16ĐD	7.3	101
1,764	3110216218	Vũ Tố Uyên	02ĐH16ĐD	6.9	97
1,765	3110216222	Nguyễn Thị Thanh Thanh	02ĐH16ĐD	7	100
1,766	3110216223	Lê Thị Phương Thảo	02ĐH16ĐD	6.7	97
1,767	3110216225	Phùng Thị Thanh Thư	02ĐH16ĐD	7.5	101
1,768	3110216226	Triệu Tri Thức	02ĐH16ĐD	6.4	65
1,769	3110216228	Trần Thu Thủy Tiên	02ĐH16ĐD	7.4	100
1,770	3110216229	Bùi Thị Ánh Tuyết	02ĐH16ĐD	6.6	65
1,771	3110216231	Đặng Thị Phương Trang	02ĐH16ĐD	6.6	97
1,772	3110216232	Lâm Thu Trang	02ĐH16ĐD	6.9	96
1,773	3110216234	Nguyễn Thảo Vân	02ĐH16ĐD	8	100
1,774	3110216235	Bùi Thị Thanh Dân	02ĐH16ĐD	6.9	95
1,775	3110514113	Doãn Tấn Tài	01ĐH16XN	6.2	87
1,776	3110515035	Nguyễn Thị Khanh	01ĐH16XN	6.7	102
1,777	3110515105	Lê Thị Lan	02ĐH16XN	7.5	100
1,778	3110516001	Đinh Thị Anh	01ĐH16XN	6.6	84
1,779	3110516002	Nguyễn Thị Vân Anh	01ĐH16XN	7.8	97
1,780	3110516005	Lương Thị Cúc	01ĐH16XN	7.1	89
1,781	3110516006	Hoàng Thị Kiều Diễm	01ĐH16XN	7.4	95
1,782	3110516008	Quách Tiến Đạt	01ĐH16XN	7.2	90
1,783	3110516009	Nguyễn Thị Trà Giang	01ĐH16XN	8.1	100
1,784	3110516010	Triệu Thu Hà	01ĐH16XN	7.1	98
1,785	3110516011	Hoàng Văn Hạnh	01ĐH16XN	6.6	83
1,786	3110516012	Vũ Thị Hạnh	01ĐH16XN	7.3	97
1,787	3110516014	Vi Văn Hiếu	01ĐH16XN	6.5	81

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,788	3110516015	Nguyễn Thị Hoa	01ĐH16XN	7.4	97
1,789	3110516016	Phùng Thị Thanh Hoa	01ĐH16XN	7.3	97
1,790	3110516018	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH16XN	7.7	97
1,791	3110516019	Đinh Thị Thu Huyền	01ĐH16XN	7.3	100
1,792	3110516020	Nguyễn Việt Hùng	01ĐH16XN	6.5	68
1,793	3110516022	Nông Thị Huế	01ĐH16XN	7.2	95
1,794	3110516024	Nguyễn Thị Hương	01ĐH16XN	7.4	101
1,795	3110516025	Lý Thanh Lan	01ĐH16XN	6.7	93
1,796	3110516026	Dương Khánh Linh	01ĐH16XN	6.3	77
1,797	3110516027	Nguyễn Thúy Linh	01ĐH16XN	7	97
1,798	3110516028	Trương Thị Mỹ Linh	01ĐH16XN	7.3	95
1,799	3110516030	Đặng Thị Thanh Lý	01ĐH16XN	7.6	101
1,800	3110516031	Hoàng Thị Mai	01ĐH16XN	7.2	97
1,801	3110516032	Trần Thanh Mai	01ĐH16XN	7.7	97
1,802	3110516034	Sầm Ngọc Mai	01ĐH16XN	7.1	95
1,803	3110516035	Tằng Tài Múi	01ĐH16XN	7.4	97
1,804	3110516036	Phí Thị Nga	01ĐH16XN	7.6	97
1,805	3110516037	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01ĐH16XN	8.1	101
1,806	3110516039	Đinh Thị Hồng Nhung	01ĐH16XN	7.3	92
1,807	3110516040	Tô Thị Hồng Nhung	01ĐH16XN	7.6	100
1,808	3110516041	Lộc Thị May Nhàn	01ĐH16XN	6.6	75
1,809	3110516042	Trịnh Thị Ninh	01ĐH16XN	7.4	93
1,810	3110516043	Lữ Thị Ngọc Oanh	01ĐH16XN	7	101
1,811	3110516044	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH16XN	7.8	93
1,812	3110516045	Vũ Chi Phương	01ĐH16XN	7.1	95
1,813	3110516046	Bùi Thị Quy	01ĐH16XN	7.5	100
1,814	3110516047	Đinh Ngọc Quyền	01ĐH16XN	6.7	86
1,815	3110516049	Vũ Thị Quỳnh	01ĐH16XN	8.3	97
1,816	3110516050	Ngô Thanh Tâm	01ĐH16XN	6.8	97
1,817	3110516051	Nguyễn Thu Thanh	01ĐH16XN	7.1	101
1,818	3110516052	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH16XN	6.8	92
1,819	3110516053	Mai Thị Thu	01ĐH16XN	7.1	95
1,820	3110516054	Phạm Thị Thư	01ĐH16XN	7.3	97
1,821	3110516055	Nguyễn Văn Tiến	01ĐH16XN	7	93
1,822	3110516056	Phạm Thị Kiều Trang	01ĐH16XN	8.3	97
1,823	3110516057	Nguyễn Quang Trường	01ĐH16XN	6.7	90
1,824	3110516058	Lê Thị Xuân	01ĐH16XN	6.8	98
1,825	3110516059	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH16XN	7.9	104
1,826	3110516066	Bùi Nhật Tú Anh	02ĐH16XN	6.7	78
1,827	3110516069	Đào Hà Châu	02ĐH16XN	7	92
1,828	3110516070	Phạm Kim Chi	02ĐH16XN	7.1	97
1,829	3110516071	Vũ Thùy Dung	02ĐH16XN	6.8	87

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,830	3110516072	Nguyễn Đăng Tiến Dũng	02ĐH16XN	6.5	91
1,831	3110516073	Nguyễn Tiến Đạt	02ĐH16XN	8.3	97
1,832	3110516074	Nguyễn Thành Đông	02ĐH16XN	6.6	87
1,833	3110516075	Nguyễn Thị Hương Giang	02ĐH16XN	7.5	99
1,834	3110516076	Trần Thu Hà	02ĐH16XN	7.2	99
1,835	3110516078	Đỗ Thị Thu Hiền	02ĐH16XN	6.6	89
1,836	3110516079	Phạm Thị Phương Hoa	02ĐH16XN	7.2	95
1,837	3110516080	Bùi Thị Thúy Hoàn	02ĐH16XN	7.1	95
1,838	3110516081	Nguyễn Thị Hòa	02ĐH16XN	7.2	96
1,839	3110516082	Hoàng Thị Huệ	02ĐH16XN	7.8	100
1,840	3110516084	Lưu Thị Thanh Huyền	02ĐH16XN	7.6	102
1,841	3110516086	Đoàn Thị Hương	02ĐH16XN	7.1	98
1,842	3110516090	Nguyễn Cao Kỳ	02ĐH16XN	6.6	91
1,843	3110516091	Phạm Thị La	02ĐH16XN	7.2	95
1,844	3110516092	Lê Thị Len	02ĐH16XN	7.1	93
1,845	3110516093	Hoàng Thị Bích Liên	02ĐH16XN	7.3	97
1,846	3110516094	Bùi Thị Diệu Linh	02ĐH16XN	7.4	101
1,847	3110516095	Nguyễn Quyền Linh	02ĐH16XN	7	97
1,848	3110516097	Nguyễn Thị Minh Ly	02ĐH16XN	6.7	92
1,849	3110516098	Đinh Phương Mai	02ĐH16XN	7.1	95
1,850	3110516099	Nguyễn Ngọc Mai	02ĐH16XN	6.9	95
1,851	3110516100	Vũ Thị Như Mai	02ĐH16XN	7.6	97
1,852	3110516101	Ngô Thị Huyền Nga	02ĐH16XN	7.6	100
1,853	3110516105	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02ĐH16XN	6.7	92
1,854	3110516106	Vũ Thị Hồng Nhung	02ĐH16XN	7.3	101
1,855	3110516107	Ngô Thu Phương	02ĐH16XN	8	96
1,856	3110516108	Nguyễn Thị Phương	02ĐH16XN	7.5	100
1,857	3110516110	Đoàn Thúy Quỳnh	02ĐH16XN	7.1	99
1,858	3110516112	Đinh Thị Thu Thảo	02ĐH16XN	7.7	97
1,859	3110516113	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH16XN	6.8	91
1,860	3110516114	Đặng Thị Thu	02ĐH16XN	6.8	93
1,861	3110516115	Đào Thị Thùy	02ĐH16XN	7.8	97
1,862	3110516118	Nguyễn Linh Trang	02ĐH16XN	7.6	95
1,863	3110516120	Đặng Thị Hải Yến	02ĐH16XN	7.3	97
1,864	3110716001	Lê Hiếu Anh	01ĐH16KTHA	6.8	91
1,865	3110716002	Nguyễn Quang Anh	01ĐH16KTHA	6.5	86
1,866	3110716004	Ngô Minh Dũng	01ĐH16KTHA	7.1	89
1,867	3110716005	Nguyễn Mạnh Dũng	01ĐH16KTHA	7	97
1,868	3110716006	Phạm Việt Dương	01ĐH16KTHA	6.6	89
1,869	3110716009	Nguyễn Minh Đức	01ĐH16KTHA	6.3	36
1,870	3110716011	Lang Thanh Hà	01ĐH16KTHA	6.4	67
1,871	3110716013	Hù Văn Hiếu	01ĐH16KTHA	6.6	76

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,872	3110716015	Nguyễn Văn Hiệu	01ĐH16KTHA	6.5	79
1,873	3110716016	Phí Văn Hòa	01ĐH16KTHA	6.4	64
1,874	3110716017	Bùi Đức Huy	01ĐH16KTHA	6.8	92
1,875	3110716018	Lý Quốc Hùng	01ĐH16KTHA	6.9	97
1,876	3110716019	Vũ Văn Hùng	01ĐH16KTHA	7	97
1,877	3110716020	Phạm Văn Hưng	01ĐH16KTHA	6.6	93
1,878	3110716021	Khổng Trọng Hướng	01ĐH16KTHA	6.9	103
1,879	3110716022	Nguyễn Tiến Khải	01ĐH16KTHA	7	83
1,880	3110716023	Vũ Minh Khôi	01ĐH16KTHA	6.6	93
1,881	3110716024	Nguyễn Văn Long	01ĐH16KTHA	7.1	97
1,882	3110716025	Hà Đức Minh	01ĐH16KTHA	6.5	85
1,883	3110716027	Trần Quang Quyền	01ĐH16KTHA	6.9	75
1,884	3110716028	Lường Văn Quyến	01ĐH16KTHA	6.9	84
1,885	3110716029	Lê Văn Sáng	01ĐH16KTHA	7.3	94
1,886	3110716030	Ngô Trường Sinh	01ĐH16KTHA	6.4	87
1,887	3110716031	Đinh Văn Sơn	01ĐH16KTHA	6.9	93
1,888	3110716032	Nguyễn Hồng Sơn	01ĐH16KTHA	7	90
1,889	3110716033	Đào Văn Tài	01ĐH16KTHA	7	93
1,890	3110716034	Trịnh Công Tài	01ĐH16KTHA	6.4	74
1,891	3110716036	Vũ Cao Thiện	01ĐH16KTHA	6.9	98
1,892	3110716037	Luyện Đức Thịnh	01ĐH16KTHA	6.8	85
1,893	3110716038	Nông Ích Thống	01ĐH16KTHA	6.8	64
1,894	3110716039	Phạm Minh Tiến	01ĐH16KTHA	6.8	96
1,895	3110716040	Vũ Duy Tiến	01ĐH16KTHA	6.8	92
1,896	3110716043	Hoàng Minh Tuyền	01ĐH16KTHA	6.9	87
1,897	3110716044	Phạm Quý Tùng	01ĐH16KTHA	6.7	85
1,898	3110716045	Lưu Quốc Việt	01ĐH16KTHA	6.8	88
1,899	3110716051	Hoàng Tuấn Anh	01ĐH16KTHA	7.3	89
1,900	3110716053	Nguyễn Đài Bắc	01ĐH16KTHA	6.4	52
1,901	3110716056	Bùi Việt Dũng	01ĐH16KTHA	7	41
1,902	3110716057	Nguyễn Mạnh Dũng	01ĐH16KTHA	6.4	70
1,903	3110716059	Phạm Hải Dương	01ĐH16KTHA	7.2	99
1,904	3110716060	Lê Quang Đại	01ĐH16KTHA	6.8	86
1,905	3110716061	Nguyễn Thành Đạt	01ĐH16KTHA	6.8	81
1,906	3110716062	Phạm Đức Đạt	01ĐH16KTHA	6.4	66
1,907	3110716064	Nguyễn Hoàng Giang	01ĐH16KTHA	6.7	86
1,908	3110716065	Bùi Trung Hiếu	01ĐH16KTHA	7	95
1,909	3110716066	Đoàn Hữu Hiếu	01ĐH16KTHA	6.2	71
1,910	3110716069	Trịnh Trung Hiếu	01ĐH16KTHA	6.4	89
1,911	3110716070	Đoàn Duy Hoàn	01ĐH16KTHA	6.8	80
1,912	3110716071	Phạm Minh Hoàng	01ĐH16KTHA	6.7	83
1,913	3110716072	Nguyễn Ngọc Huy	01ĐH16KTHA	7.4	93

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,914	3110716074	Nguyễn Văn Hưởng	01ĐH16KTHA	6.6	61
1,915	3110716075	Vũ Văn Khánh	01ĐH16KTHA	7	95
1,916	3110716076	Đào Mạnh Kiên	01ĐH16KTHA	6.5	84
1,917	3110716077	Lê Minh Long	01ĐH16KTHA	7.6	101
1,918	3110716078	Lê Văn Lục	01ĐH16KTHA	7.7	97
1,919	3110716079	Đỗ Công Minh	01ĐH16KTHA	6.5	66
1,920	3110716080	Bùi Đình Năm	01ĐH16KTHA	6.6	93
1,921	3110716084	Mùa Ngọc Sinh	01ĐH16KTHA	7	93
1,922	3110716087	Hoàng Đình Thi	01ĐH16KTHA	6.6	78
1,923	3110716088	Nguyễn Bá Thuận	01ĐH16KTHA	7	88
1,924	3110716091	Vũ Thanh Toàn	01ĐH16KTHA	6.6	77
1,925	3110716093	Nguyễn Văn Tuyên	01ĐH16KTHA	6.9	86
1,926	3110716094	Nguyễn Sỹ Tùng	01ĐH16KTHA	6.5	83
1,927	3110716095	Chu Văn Trường	01ĐH16KTHA	6.7	71
1,928	3110716096	Nguyễn Văn Vinh	01ĐH16KTHA	7	87
1,929	3110716097	Nguyễn Kiên Trung	01ĐH16KTHA	6.6	88
1,930	3110716098	Nguyễn Văn Long	01ĐH16KTHA	7.3	88
1,931	3110814007	Hoàng Thị Ngọc Dung	01ĐH16PHCN	7.2	100
1,932	3110816001	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH16PHCN	7.1	99
1,933	3110816003	Hoàng Hồng Ánh	01ĐH16PHCN	7.2	94
1,934	3110816004	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01ĐH16PHCN	7.6	100
1,935	3110816006	Đỗ Thị Bích	01ĐH16PHCN	7.1	100
1,936	3110816007	Trương Mỹ Bình	01ĐH16PHCN	7.4	102
1,937	3110816008	Dương Văn Chung	01ĐH16KTHA	6.5	65
1,938	3110816009	Đỗ Thị Duyên	01ĐH16PHCN	7	95
1,939	3110816010	Lê Thị Duyên	01ĐH16PHCN	7.3	99
1,940	3110816011	Phạm Văn Dũng	01ĐH16PHCN	6.4	60
1,941	3110816012	Nguyễn Thị Hà	01ĐH16PHCN	6.9	94
1,942	3110816013	Nguyễn Thị Hảo	01ĐH16PHCN	6.7	92
1,943	3110816014	Vũ Thị Mỹ Hạ	01ĐH16PHCN	7.4	102
1,944	3110816017	Lê Trung Hiếu	01ĐH16PHCN	6.6	92
1,945	3110816018	Ma Bá Minh Hiếu	01ĐH16PHCN	6.2	60
1,946	3110816019	Nguyễn Thị Thu Hiền	01ĐH16PHCN	6.9	95
1,947	3110816020	Đoàn Thanh Hoa	01ĐH16PHCN	7.1	89
1,948	3110816021	Hoàng Thị Hoa	01ĐH16PHCN	7.5	96
1,949	3110816022	Phạm Thị Thanh Hoa	01ĐH16PHCN	6.8	94
1,950	3110816023	Tăng Thị Hoa	01ĐH16PHCN	6.6	101
1,951	3110816024	Trần Thị Huế	01ĐH16PHCN	7.5	98
1,952	3110816026	Đào Khánh Huyền	01ĐH16PHCN	7.1	103
1,953	3110816027	Đặng Thanh Huyền	01ĐH16PHCN	6.8	95
1,954	3110816029	Đinh Thị Thu Hương	01ĐH16PHCN	7	96
1,955	3110816030	Đỗ Thị Hương	01ĐH16PHCN	7	99

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,956	3110816031	Nguyễn Lan Hương	01ĐH16PHCN	7.1	102
1,957	3110816032	Nguyễn Thị Hường	01ĐH16PHCN	6.8	64
1,958	3110816033	Nguyễn Thị Hường	01ĐH16PHCN	7.3	96
1,959	3110816034	Hoàng Thị Khánh	01ĐH16PHCN	7.2	100
1,960	3110816035	Triệu Thị Kim	01ĐH16PHCN	8.1	98
1,961	3110816036	Dương Thị Thùy Lan	01ĐH16PHCN	6.7	84
1,962	3110816037	Lã Thị Kim Lan	01ĐH16PHCN	6.7	100
1,963	3110816038	Bùi Thị Linh	01ĐH16PHCN	6.7	96
1,964	3110816039	Nguyễn Diệp Linh	01ĐH16PHCN	6.9	95
1,965	3110816040	Phạm Trang Linh	01ĐH16PHCN	7.1	100
1,966	3110816041	Vũ Thị Linh	01ĐH16PHCN	6.8	92
1,967	3110816042	Thăng Thị Loan	01ĐH16PHCN	7.1	96
1,968	3110816043	Đinh Hoàng Long	01ĐH16PHCN	6.5	68
1,969	3110816044	Phạm Đức Long	01ĐH16PHCN	7.4	87
1,970	3110816045	Đặng Văn Lượng	01ĐH16PHCN	6.5	90
1,971	3110816047	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01ĐH16PHCN	6.8	93
1,972	3110816048	Phan Nguyễn Hoàng Mai	01ĐH16PHCN	8.2	99
1,973	3110816049	Lê Duy Mạnh	01ĐH16PHCN	6.8	96
1,974	3110816050	Đặng Phương Nam	01ĐH16PHCN	6.8	92
1,975	3110816051	Nguyễn Văn Nam	01ĐH16PHCN	6.5	89
1,976	3110816052	Phạm Thị Phương Nga	01ĐH16PHCN	6.8	94
1,977	3110816054	Lê Thị Thanh Nhàn	01ĐH16PHCN	7.4	100
1,978	3110816055	Phùng Thanh Nhã	01ĐH16PHCN	7.5	98
1,979	3110816056	Nguyễn Thị Nhung	01ĐH16PHCN	7.2	99
1,980	3110816058	Nguyễn Thị Lâm Uyên	01ĐH16PHCN	7.1	100
1,981	3110816059	Nguyễn Thị Phương	01ĐH16PHCN	6.7	97
1,982	3110816060	Nguyễn Thị Mai Phương	01ĐH16PHCN	7.4	99
1,983	3110816061	Trương Thị Minh Phương	01ĐH16PHCN	7.8	98
1,984	3110816062	Nguyễn Hồng Quân	01ĐH16PHCN	7.2	94
1,985	3110816063	Ngô Thị Quyên	01ĐH16PHCN	7.5	96
1,986	3110816064	Vũ Gia Quyền	01ĐH16PHCN	6.9	87
1,987	3110816065	Ngô Thị Quỳnh	01ĐH16PHCN	6.9	96
1,988	3110816066	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	01ĐH16PHCN	6.7	98
1,989	3110816067	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH16PHCN	7.2	99
1,990	3110816068	Vũ Kim Thoa	01ĐH16PHCN	7.4	96
1,991	3110816069	Trần Thị Minh Thơ	01ĐH16PHCN	6.7	96
1,992	3110816070	Lương Thị Thuân	01ĐH16PHCN	7.2	96
1,993	3110816072	Chu Thị Thư	01ĐH16PHCN	6.9	99
1,994	3110816073	Đào Thị Huyền Thương	01ĐH16PHCN	6.6	98
1,995	3110816074	Lê Thị Tuyến	01ĐH16PHCN	6.9	98
1,996	3110816075	Lê Thị Trang	01ĐH16PHCN	7.7	96
1,997	3110816077	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH16PHCN	7.3	98

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
1,998	3111115013	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH16YK	6.9	107
1,999	3111116001	Dư Thị Anh	01ĐH16YK	7.8	96
2,000	3111116003	Hoàng Thị Bằng	01ĐH16YK	7.3	92
2,001	3111116004	Đồng Thị Dung	01ĐH16YK	6.8	96
2,002	3111116005	Tạ Thị Duyên	01ĐH16YK	7.3	96
2,003	3111116006	Hà Tuấn Dũng	01ĐH16YK	6.1	66
2,004	3111116007	Nguyễn Anh Dương	01ĐH16YK	6.6	88
2,005	3111116008	Nguyễn Đức Giang	01ĐH16YK	6.5	92
2,006	3111116009	Phạm Ngân Hà	01ĐH16YK	6.8	92
2,007	3111116010	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH16YK	7	92
2,008	3111116011	Phạm Thị Ngọc Hiền	01ĐH16YK	7.3	96
2,009	3111116012	Văn Thị Hoa	01ĐH16YK	7.4	92
2,010	3111116013	Đặng Thị Hồng	01ĐH16YK	7.7	96
2,011	3111116014	Đoàn Văn Huấn	01ĐH16YK	6.1	88
2,012	3111116015	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH16YK	7.5	96
2,013	3111116016	Phạm Thị Diễm Hương	01ĐH16YK	6.3	80
2,014	3111116017	Nguyễn Thị Lam	01ĐH16YK	7.2	96
2,015	3111116018	Bùi Thị Thùy Linh	01ĐH16YK	7.6	96
2,016	3111116019	Nguyễn Diệu Linh	01ĐH16YK	7.6	96
2,017	3111116020	Phùng Thị Linh	01ĐH16YK	7.3	96
2,018	3111116021	Trần Thị Chi Linh	01ĐH16YK	6.7	84
2,019	3111116022	Nguyễn Hải Long	01ĐH16YK	6.7	92
2,020	3111116023	Hoàng Thị Mai	01ĐH16YK	6.7	92
2,021	3111116024	Trần Hữu Mạnh	01ĐH16YK	6.8	86
2,022	3111116025	Nguyễn Thị Mến	01ĐH16YK	7.5	96
2,023	3111116026	Ngô Thúy Nga	01ĐH16YK	7.7	92
2,024	3111116027	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH16YK	7.9	92
2,025	3111116028	Nguyễn Kiều Oanh	01ĐH16YK	7.3	92
2,026	3111116029	Vũ Kim Quý	01ĐH16YK	7.2	86
2,027	3111116030	Nguyễn Thị Quỳnh	01ĐH16YK	6.8	84
2,028	3111116031	Lại Thị Sâm	01ĐH16YK	7.1	96
2,029	3111116032	Nguyễn Thế Thái	01ĐH16YK	6.9	88
2,030	3111116033	Nguyễn Thị Kim Thu	01ĐH16YK	7.6	96
2,031	3111116034	Vũ Văn Thúy	01ĐH16YK	6.4	92
2,032	3111116035	Vũ Thị Thủy	01ĐH16YK	6.9	92
2,033	3111116036	Vũ Minh Thức	01ĐH16YK	6.5	76
2,034	3111116037	Vũ Văn Tiến	01ĐH16YK	7.7	92
2,035	3111116038	Nguyễn Thị Toàn	01ĐH16YK	6.9	92
2,036	3111116039	Nguyễn Trọng Tuấn	01ĐH16YK	8	92
2,037	3111116041	Vũ Thị Tú	01ĐH16YK	7.1	96
2,038	3111116042	Lương Thị Vân	01ĐH16YK	7.1	92
2,039	3111116043	Trần Xuân Vũ	01ĐH16YK	7.1	96

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,040	3111116044	Đỗ Thị Kim Cương	01ĐH16YK	6.9	96
2,041	3111116045	Hoàng Thị Linh Chi	01ĐH16YK	6.3	96
2,042	3111116046	Nguyễn Tiến Dũng	01ĐH16YK	7	92
2,043	3111116047	Lâm Hữu Đức	01ĐH16YK	6.6	88
2,044	3111116048	Lê Thị Hương	01ĐH16YK	6.8	92
2,045	3111116049	Trần Khánh Linh	01ĐH16YK	7	96
2,046	3111116050	Trần Văn Lộc	01ĐH16YK	6.4	88
2,047	3111116051	Lê Thị Ngà	01ĐH16YK	7.7	92
2,048	3111116052	Nguyễn Thị Như Ngọc	01ĐH16YK	7.1	96
2,049	3111116053	Phạm Thị Nhung	01ĐH16YK	7.5	96
2,050	3111116054	Trần Hà Phương	01ĐH16YK	6.7	96
2,051	3111116055	Vũ Thị Quỳnh	01ĐH16YK	7.3	96
2,052	3111116056	Man Phú Sơn	01ĐH16YK	6.4	84
2,053	3111116057	Lê Thị Phương Thanh	01ĐH16YK	7.7	92
2,054	3111116058	Phạm Hùng Thắng	01ĐH16YK	6.6	92
2,055	3111116059	Trương Minh Tiến	01ĐH16YK	6.3	88
2,056	3111116060	Đặng Thị Thục Trinh	01ĐH16YK	7.4	92
2,057	3111116061	Nguyễn Thị Khuyên	01ĐH16YK	7.3	96
ĐẠI HỌC NĂM 4					
2,058	2110215012	Phạm Thị Hạnh Chiêm	01ĐH15PHCN	7.5	134
2,059	3110215001	Nguyễn Thị Huệ Anh	01ĐH15ĐD	8	137
2,060	3110215002	Nguyễn Thị Vân Anh	01ĐH15ĐD	7.4	137
2,061	3110215003	Lê Thị Bích	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,062	3110215004	Nguyễn Thị Thanh Bình	01ĐH15ĐD	7.4	137
2,063	3110215005	Đặng Ngọc Diễm	01ĐH15ĐD	7	133
2,064	3110215006	Nguyễn Thị Thùy Dung	01ĐH15ĐD	6.8	133
2,065	3110215007	Nguyễn Thị Đang	01ĐH15ĐD	6.9	137
2,066	3110215008	Phạm Văn Định	01ĐH15ĐD	6.9	137
2,067	3110215009	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,068	3110215010	Trần Thị Hậu	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,069	3110215011	Nguyễn Thị Hiệp	01ĐH15ĐD	7.3	137
2,070	3110215012	Đặng Thị Hoa	01ĐH15ĐD	7.4	137
2,071	3110215013	Trần Thị Hoa	01ĐH15ĐD	7.1	135
2,072	3110215014	Vương Thị Hoa	01ĐH15ĐD	7.4	137
2,073	3110215015	Dương Thị Huê	01ĐH15ĐD	6.9	135
2,074	3110215016	Nguyễn Thị Huế	01ĐH15ĐD	8	137
2,075	3110215017	Vũ Thị Huế	01ĐH15ĐD	7.3	137
2,076	3110215018	Lê Thị Huyền	01ĐH15ĐD	7.9	137
2,077	3110215019	Phạm Thị Huyền	01ĐH15ĐD	7	137
2,078	3110215020	Trương Đình Hưng	01ĐH15ĐD	6.9	135
2,079	3110215021	Tạ Thị Hường	01ĐH15ĐD	7.1	137
2,080	3110215022	Hoa Thị Lan	01ĐH15ĐD	6.8	133

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,081	3110215023	Hoàng Thị Ngọc Lan	01ĐH15ĐD	7.7	137
2,082	3110215024	Nông Thị Ngọc Lan	01ĐH15ĐD	7.2	133
2,083	3110215025	Nguyễn Thị Lê	01ĐH15ĐD	7.5	137
2,084	3110215026	Trần Thị Ngọc Linh	01ĐH15ĐD	7.3	137
2,085	3110215027	Phạm Tiến Luận	01ĐH15ĐD	7.3	137
2,086	3110215028	Nguyễn Văn Lương	01ĐH15ĐD	6.5	137
2,087	3110215029	Lê Thị May	01ĐH15ĐD	7.4	137
2,088	3110215030	Đinh Thị Minh	01ĐH15ĐD	7.1	137
2,089	3110215032	Lưu Thị Nga	01ĐH15ĐD	6.9	129
2,090	3110215033	Mai Thị Thanh Nga	01ĐH15ĐD	7.5	137
2,091	3110215034	Ngô Thị Ngân	01ĐH15ĐD	7.6	137
2,092	3110215035	Bùi Thị Cẩm Ngọc	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,093	3110215036	Phạm Thị Minh Nguyệt	01ĐH15ĐD	7.4	137
2,094	3110215037	Nguyễn Thị Hoa Nhài	01ĐH15ĐD	7.5	137
2,095	3110215038	Phan Thị Nhài	01ĐH15ĐD	7.3	137
2,096	3110215039	Đặng Mai Nhung	01ĐH15ĐD	7.6	137
2,097	3110215040	Đỗ Thị Nhung	01ĐH15ĐD	7.5	137
2,098	3110215042	Pay Thị Nhu	01ĐH15ĐD	6.8	109
2,099	3110215043	Nguyễn Hồng Nhung	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,100	3110215044	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,101	3110215045	Phạm Thị Phong	01ĐH15ĐD	7.7	137
2,102	3110215046	Ngô Thu Phương	01ĐH15ĐD	7.6	137
2,103	3110215047	Phạm Lan Phương	01ĐH15ĐD	7.5	137
2,104	3110215048	Vũ Hà Phương	01ĐH15ĐD	7.7	137
2,105	3110215049	Phạm Thị Phượng	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,106	3110215051	Lê Thị Ngọc Quỳnh	01ĐH15ĐD	6.8	132
2,107	3110215053	Đồng Thị Phương Thảo	01ĐH15ĐD	6.8	137
2,108	3110215054	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01ĐH15ĐD	6.8	137
2,109	3110215056	Nguyễn Thị Thoa	01ĐH15ĐD	7	137
2,110	3110215057	Vũ Thị Minh Thơm	01ĐH15ĐD	7.1	137
2,111	3110215058	Nguyễn Thị Thủy	01ĐH15ĐD	7.6	137
2,112	3110215059	Nguyễn Thị Thu Thủy	01ĐH15ĐD	7.1	137
2,113	3110215060	Nguyễn Thị Thu Thủy	01ĐH15ĐD	6.8	135
2,114	3110215061	Lý Thị Thủy	01ĐH15ĐD	7.2	137
2,115	3110215062	Lê Huyền Thương	01ĐH15ĐD	6.8	126
2,116	3110215064	Nguyễn Thị Tươi	01ĐH15ĐD	7.3	137
2,117	3110215065	Đoàn Thị Thu Trang	01ĐH15ĐD	6.8	135
2,118	3110215066	Dương Thị Xuân	01ĐH15ĐD	7.8	137
2,119	3110215067	Nguyễn Thị Bích Vân	01ĐH15ĐD	8.3	137
2,120	3110215068	Bùi Thị Yến	01ĐH15ĐD	6.5	131
2,121	2110615006	Phí Thị Thục Dung	01ĐH15GMHS	7	133
2,122	2110815020	Đinh Thị Ngoan	01ĐH15GMHS	7.1	130

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,123	3110615001	Nguyễn Vũ Đức Anh	01ĐH15GMHS	6.4	87
2,124	3110615002	Triệu Tiến Cường	01ĐH15GMHS	6.2	61
2,125	3110615003	Vũ Thị Thùy Dung	01ĐH15GMHS	7.1	133
2,126	3110615004	Mai Thị Duyên	01ĐH15GMHS	6.9	133
2,127	3110615005	Nguyễn Thị Giang	01ĐH15GMHS	7.4	133
2,128	3110615006	Nguyễn Đức Hiền	01ĐH15GMHS	6.8	125
2,129	3110615007	Phạm Thị Hòa	01ĐH15GMHS	7.2	133
2,130	3110615008	Phạm Thị Hồng	01ĐH15GMHS	6.8	133
2,131	3110615009	Vương Ánh Hồng	01ĐH15GMHS	7.1	131
2,132	3110615010	Nguyễn Thị Huế	01ĐH15GMHS	7	133
2,133	3110615011	Bùi Thị Thanh Huyền	01ĐH15GMHS	6.9	133
2,134	3110615012	Đỗ Thị Huyền	01ĐH15GMHS	7.5	133
2,135	3110615013	Nguyễn Ngọc Huyền	01ĐH15GMHS	7.4	133
2,136	3110615014	Nguyễn Thị Lan	01ĐH15GMHS	6.8	133
2,137	3110615015	Vũ Đức Linh	01ĐH15GMHS	7.4	133
2,138	3110615017	Phạm Thị Thúy Nga	01ĐH15GMHS	7.4	133
2,139	3110615018	Hà Thị Ngát	01ĐH15GMHS	7.3	133
2,140	3110615019	Trần Thị Bích Ngọc	01ĐH15GMHS	7	133
2,141	3110615020	Nguyễn Thị Nhàn	01ĐH15GMHS	6.9	133
2,142	3110615021	Nghiêm Thị Nụ	01ĐH15GMHS	7.1	133
2,143	3110615022	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH15GMHS	7.4	133
2,144	3110615023	Nguyễn Thị Thu Oanh	01ĐH15GMHS	8	133
2,145	3110615027	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01ĐH15GMHS	7.2	133
2,146	3110615028	Thân Văn Tân	01ĐH15GMHS	6.9	133
2,147	3110615029	Trần Thị Thanh	01ĐH15GMHS	7.2	133
2,148	3110615030	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH15GMHS	6.7	131
2,149	3110615031	Trần Thị Thùy	01ĐH15GMHS	7.6	133
2,150	3110615032	Nguyễn Thu Trang	01ĐH15GMHS	7.1	133
2,151	3110615033	Tô Thị Tuyết Trinh	01ĐH15GMHS	7.4	133
2,152	3110615034	Nguyễn Thị Vân	01ĐH15GMHS	7	133
2,153	3110615036	Lê Thị Minh Vượng	01ĐH15GMHS	6.9	133
2,154	3110615037	Lê Thị Hải Yến	01ĐH15GMHS	6.9	129
2,155	3110315001	Nguyễn Mai Anh	01ĐH15HS	7.3	136
2,156	3110315002	Trần Thị Vân Anh	01ĐH15HS	6.7	136
2,157	3110315003	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	01ĐH15HS	7	136
2,158	3110315004	Vũ Thị Duyên	01ĐH15HS	7.4	138
2,159	3110315005	Hà Thị Giang	01ĐH15HS	7.1	138
2,160	3110315006	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH15HS	7	138
2,161	3110315007	Hoàng Thị Thu Hà	01ĐH15HS	7.5	138
2,162	3110315008	Lê Thị Thu Hà	01ĐH15HS	6.7	138
2,163	3110315009	Ngô Thị Hà	01ĐH15HS	6.6	134
2,164	3110315010	Trần Ngọc Hà	01ĐH15HS	6.9	138

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,165	3110315011	Nguyễn Phương Hạnh	01ĐH15HS	7.6	138
2,166	3110315012	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01ĐH15HS	6.9	138
2,167	3110315013	Đỗ Thúy Hằng	01ĐH15HS	7.8	138
2,168	3110315014	Kiều Thị Vân Hằng	01ĐH15HS	7	136
2,169	3110315015	Đỗ Thị Hiền	01ĐH15HS	7.6	138
2,170	3110315017	Nguyễn Thị Hương	01ĐH15HS	7.3	138
2,171	3110315018	Phạm Thị Hương	01ĐH15HS	7.6	138
2,172	3110315019	Nguyễn Thị Lam	01ĐH15HS	6.6	138
2,173	3110315020	Nguyễn Hương Lan	01ĐH15HS	6.9	138
2,174	3110315021	Ngô Thị Thúy Liễu	01ĐH15HS	6.9	138
2,175	3110315022	Bùi Thị Linh	01ĐH15HS	7.5	138
2,176	3110315023	Nguyễn Thị Lơ	01ĐH15HS	7.1	138
2,177	3110315024	Hoàng Thị Mai	01ĐH15HS	6.9	138
2,178	3110315025	Đặng Thị Nga	01ĐH15HS	7.2	138
2,179	3110315026	Nguyễn Thị Ngọc	01ĐH15HS	6.9	134
2,180	3110315027	Trịnh Hồng Ngọc	01ĐH15HS	7.3	138
2,181	3110315028	Nguyễn Thị Minh Phương	01ĐH15HS	7	138
2,182	3110315029	Nguyễn Thị Tâm	01ĐH15HS	7.2	138
2,183	3110315030	Hoàng Thị Thảo	01ĐH15HS	7.4	138
2,184	3110315031	Nguyễn Thị Thiết	01ĐH15HS	7.6	138
2,185	3110315032	Vũ Thị Thu	01ĐH15HS	7	138
2,186	3110315033	Nguyễn Thị Thúy	01ĐH15HS	7.8	138
2,187	3110315034	Vũ Thị Thúy	01ĐH15HS	7.7	138
2,188	3110315035	Nguyễn Thị Thương	01ĐH15HS	6.9	136
2,189	3110315036	Lý Thị Thùy	01ĐH15HS	6.9	138
2,190	3110315037	Lê Thị Ngọc Trang	01ĐH15HS	7.2	138
2,191	3110315038	Lại Thị Phương Trà	01ĐH15HS	7.3	138
2,192	3110315039	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH15HS	6.9	134
2,193	3110315040	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH15HS	6.9	138
2,194	3110315041	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH15HS	7.3	138
2,195	2110714048	Nguyễn Anh Tấn	01ĐH15KTHA	7.1	137
2,196	3110215091	Trần Đức Đạt	01ĐH15KTHA	7.4	123
2,197	3110715001	Hoàng Hữu An	01ĐH15KTHA	6.8	137
2,198	3110715002	Đinh Danh Anh	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,199	3110715003	Lê Quốc Anh	01ĐH15KTHA	7	137
2,200	3110715004	Lương Quốc Anh	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,201	3110715005	Nguyễn Đức Anh	01ĐH15KTHA	6.8	101
2,202	3110715006	Nguyễn Quang Anh	01ĐH15KTHA	7.5	137
2,203	3110715007	Trần Hùng Anh	01ĐH15KTHA	7.3	135
2,204	3110715008	Nguyễn Văn Bảo	01ĐH15KTHA	7.5	137
2,205	3110715009	Vi Thành Chung	01ĐH15KTHA	6.8	106
2,206	3110715010	Bùi Xuân Diện	01ĐH15KTHA	7.2	137

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,207	3110715011	Quách Trọng Duy	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,208	3110715012	Giang Văn Dũng	01ĐH15KTHA	6.9	137
2,209	3110715014	Tống Đức Dương	01ĐH15KTHA	7.1	137
2,210	3110715016	Vũ Văn Điệp	01ĐH15KTHA	7	137
2,211	3110715017	Trần Việt Đức	01ĐH15KTHA	7.1	137
2,212	3110715018	Nguyễn Tiến Hiếu	01ĐH15KTHA	7.5	137
2,213	3110715019	Phạm Minh Hiếu	01ĐH15KTHA	7	137
2,214	3110715020	Trần Văn Hiếu	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,215	3110715021	Đỗ Mạnh Hiền	01ĐH15KTHA	6.9	137
2,216	3110715022	Phạm Đức Hoan	01ĐH15KTHA	7.5	137
2,217	3110715023	Phan Huy Hoàng	01ĐH15KTHA	7.1	137
2,218	3110715024	Phạm Quang Huy	01ĐH15KTHA	7	135
2,219	3110715025	Vũ Đăng Huy	01ĐH15KTHA	7.4	137
2,220	3110715026	Trần Công Hùng	01ĐH15KTHA	7.6	137
2,221	3110715028	Nguyễn Trọng Khánh	01ĐH15KTHA	7.3	137
2,222	3110715029	Bùi Nguyên Khoa	01ĐH15KTHA	6.9	137
2,223	3110715030	Bùi Tuấn Kiệt	01ĐH15KTHA	7	137
2,224	3110715031	Nghiêm Xuân Kiên	01ĐH15KTHA	7.9	137
2,225	3110715032	Nguyễn Phú Linh	01ĐH15KTHA	6.8	133
2,226	3110715033	Đinh Bá Long	01ĐH15KTHA	7.3	137
2,227	3110715034	Nguyễn Kim Long	01ĐH15KTHA	7.6	137
2,228	3110715035	Lê Văn Lộc	01ĐH15KTHA	7	137
2,229	3110715037	Trần Văn Mạnh	01ĐH15KTHA	6.9	133
2,230	3110715038	Dương Quang Minh	01ĐH15KTHA	6.7	118
2,231	3110715040	Nguyễn Hải Nam	01ĐH15KTHA	7	137
2,232	3110715041	Phạm Ngọc Nam	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,233	3110715042	Doãn Trọng Nghĩa	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,234	3110715043	Bùi Hữu Cao Nguyên	01ĐH15KTHA	7.5	137
2,235	3110715044	Lê Gia Nguyên	01ĐH15KTHA	8.3	137
2,236	3110715045	Lê Văn Oai	01ĐH15KTHA	7.3	137
2,237	3110715046	Nguyễn Minh Phúc	01ĐH15KTHA	7	137
2,238	3110715047	Hoàng Văn Phương	01ĐH15KTHA	6.9	97
2,239	3110715048	Đỗ Anh Quân	01ĐH15KTHA	7.3	137
2,240	3110715049	Đỗ Hải Sơn	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,241	3110715050	Nguyễn Bá Sơn	01ĐH15KTHA	7.5	137
2,242	3110715051	Nguyễn Khắc Sơn	01ĐH15KTHA	7	137
2,243	3110715052	Nguyễn Viết Sơn	01ĐH15KTHA	7.3	137
2,244	3110715053	Trần Hồng Sơn	01ĐH15KTHA	8.1	137
2,245	3110715054	Nguyễn Ngọc Tân	01ĐH15KTHA	7.3	135
2,246	3110715055	Phạm Minh Thảo	01ĐH15KTHA	7.8	137
2,247	3110715056	Phạm Huy Thắng	01ĐH15KTHA	7.8	137
2,248	3110715057	Phùng Mạnh Thắng	01ĐH15KTHA	6.8	137

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,249	3110715058	Tạ Quang Thắng	01ĐH15KTHA	7.4	137
2,250	3110715059	Nguyễn Văn Thế	01ĐH15KTHA	7.4	137
2,251	3110715060	Nguyễn Văn Thiêm	01ĐH15KTHA	7.1	137
2,252	3110715061	Nguyễn Đăng Thịnh	01ĐH15KTHA	7	137
2,253	3110715063	Bùi Quang Tiến	01ĐH15KTHA	8	137
2,254	3110715064	Nguyễn Đức Tín	01ĐH15KTHA	7	133
2,255	3110715065	Lý Văn Toán	01ĐH15KTHA	7.1	137
2,256	3110715066	Nguyễn Lương Tuấn	01ĐH15KTHA	7.3	137
2,257	3110715067	Nguyễn Văn Tuấn	01ĐH15KTHA	7.9	137
2,258	3110715068	Phạm Anh Tuấn	01ĐH15KTHA	7.1	111
2,259	3110715069	Tạ Quang Tuấn	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,260	3110715070	Nguyễn Minh Tuyến	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,261	3110715071	Vương Mạnh Tường	01ĐH15KTHA	7	137
2,262	3110715072	Gia Văn Xó	01ĐH15KTHA	7.2	137
2,263	3110814026	Hoàng Phương Mai	01ĐH15PHCN	6.7	127
2,264	3110815001	Vi Vũ Hoài An	01ĐH15PHCN	7	131
2,265	3110815002	Nguyễn Vân Anh	01ĐH15PHCN	6.8	133
2,266	3110815003	Cao Xuân Bách	01ĐH15PHCN	6.8	132
2,267	3110815004	Bùi Thị Ngọc Bích	01ĐH15PHCN	7.9	134
2,268	3110815005	Nguyễn Thị Bích	01ĐH15PHCN	7.1	132
2,269	3110815006	Đỗ Ngọc Chi	01ĐH15PHCN	7.8	134
2,270	3110815007	Nguyễn Thị Dung	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,271	3110815008	Đặng Minh Đức	01ĐH15PHCN	6.9	133
2,272	3110815009	Nguyễn Văn Hải	01ĐH15PHCN	6.8	134
2,273	3110815010	Đoàn Thị Hằng	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,274	3110815011	Trần Thị Hằng	01ĐH15PHCN	6.9	132
2,275	3110815012	Trần Thúy Hằng	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,276	3110815013	Trần Trung Hiệp	01ĐH15PHCN	6.6	130
2,277	3110815014	Phạm Thị Hiền	01ĐH15PHCN	7	130
2,278	3110815015	Trần Thị Hoài	01ĐH15PHCN	7.1	134
2,279	3110815016	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH15PHCN	7.2	134
2,280	3110815017	Phan Thị Hương	01ĐH15PHCN	7.1	134
2,281	3110815018	Quách Thị Hương	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,282	3110815019	Hồ Hải Hưu	01ĐH15PHCN	7	134
2,283	3110815020	Nguyễn Hoàng Hương	01ĐH15PHCN	7	132
2,284	3110815021	Nguyễn Thị Bích Liên	01ĐH15PHCN	7.2	134
2,285	3110815022	Nguyễn Đàm Tú Linh	01ĐH15PHCN	7	134
2,286	3110815023	Nguyễn Thị Diệu Linh	01ĐH15PHCN	6.9	131
2,287	3110815024	Nguyễn Thị Mai	01ĐH15PHCN	7.5	134
2,288	3110815025	Đồng Xuân Nam	01ĐH15PHCN	7.2	132
2,289	3110815026	Đỗ Thị Năm	01ĐH15PHCN	7.1	134
2,290	3110815027	Trần Thị Ngân	01ĐH15PHCN	6.8	132

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,291	3110815028	Phạm Thị Ngọc	01ĐH15PHCN	7.8	134
2,292	3110815029	Đào Ý Nhi	01ĐH15PHCN	7.6	134
2,293	3110815030	Nguyễn Thị Ninh	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,294	3110815031	Mạc Thị Kiều Oanh	01ĐH15PHCN	7.2	131
2,295	3110815032	Đoàn Thị Phương	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,296	3110815033	Đỗ Mai Phương	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,297	3110815034	Nguyễn Bích Phương	01ĐH15PHCN	7.4	134
2,298	3110815036	Nguyễn Thị Quỳnh	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,299	3110815037	Bùi Thị Quyên	01ĐH15PHCN	6.9	127
2,300	3110815038	Trần Thị Sim	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,301	3110815039	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH15PHCN	7.3	134
2,302	3110815040	Nguyễn Thị Thúy	01ĐH15PHCN	7.5	134
2,303	3110815041	Nguyễn Văn Thành	01ĐH15PHCN	6.8	124
2,304	3110815042	Ma Thị Thương	01ĐH15PHCN	7.2	134
2,305	3110815044	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01ĐH15PHCN	7.6	134
2,306	3110815045	Ngô Thị Huyền Trang	01ĐH15PHCN	6.7	117
2,307	3110815046	Nguyễn Thị Huyền Trang	01ĐH15PHCN	7.1	134
2,308	3110815047	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	01ĐH15PHCN	7.5	134
2,309	3110815048	Trần Minh Trang	01ĐH15PHCN	7	132
2,310	3110815049	Vũ Thị Thu Trang	01ĐH15PHCN	7	132
2,311	3110215063	Phạm Thị Thủy Tiên	01ĐH15XN	7.3	134
2,312	3110515001	Đặng Thị Vân Anh	01ĐH15XN	8.1	134
2,313	3110515002	Đồng Thị Lan Anh	01ĐH15XN	7.3	129
2,314	3110515003	Phan Thị Vân Anh	01ĐH15XN	6.9	134
2,315	3110515004	La Thị Kim Anh	01ĐH15XN	7.4	131
2,316	3110515006	Nguyễn Thị Chi	01ĐH15XN	7.7	134
2,317	3110515007	Đinh Thị Kim Dung	01ĐH15XN	8.1	134
2,318	3110515008	Nguyễn Thị Dung	01ĐH15XN	7.4	134
2,319	3110515009	Nguyễn Thùy Dung	01ĐH15XN	7.7	134
2,320	3110515010	Trần Thị Duyên	01ĐH15XN	7	134
2,321	3110515011	Phạm Thị Ánh Dương	01ĐH15XN	7.1	134
2,322	3110515013	Đoàn Văn Đức	01ĐH15XN	7.4	134
2,323	3110515014	Lê Thị Giang	01ĐH15XN	7.5	134
2,324	3110515015	Phạm Thị Giang	01ĐH15XN	7.3	134
2,325	3110515016	Đặng Thị Thu Hà	01ĐH15XN	7.3	134
2,326	3110515017	Đoàn Thị Hồng Hà	01ĐH15XN	7.4	134
2,327	3110515018	Nguyễn Thị Thu Hà	01ĐH15XN	7.1	132
2,328	3110515019	Đỗ Thị Hồng Hạnh	01ĐH15XN	7.5	134
2,329	3110515020	Hoàng Thị Hải	01ĐH15XN	7.1	134
2,330	3110515022	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH15XN	7.4	134
2,331	3110515023	Nguyễn Thị Thu Hằng	01ĐH15XN	7.8	134
2,332	3110515024	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01ĐH15XN	7.6	134

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,333	3110515025	Trần Thúy Hằng	01ĐH15XN	7.2	134
2,334	3110515027	Quách Thị Hoài Hoa	01ĐH15XN	6.9	122
2,335	3110515028	Vũ Thị Hoa	01ĐH15XN	7.2	134
2,336	3110515029	Trịnh Thị Hoài	01ĐH15XN	7.4	134
2,337	3110515030	Phạm Thị Diễm Hồng	01ĐH15XN	8	134
2,338	3110515033	Nguyễn Thị Hướng	01ĐH15XN	7.7	134
2,339	3110515034	Mai Thị Thúy Hường	01ĐH15XN	8.1	134
2,340	3110515038	Lê Thị Lan	01ĐH15XN	7.3	134
2,341	3110515039	Dương Thị Lê	01ĐH15XN	8	134
2,342	3110515040	Nguyễn Thị Ngọc Lê	01ĐH15XN	7.3	134
2,343	3110515041	Nguyễn Thị Kim Liên	01ĐH15XN	7.5	134
2,344	3110515042	Hoàng Thị Mỹ Linh	01ĐH15XN	7.4	134
2,345	3110515043	Nguyễn Tống Khánh Linh	01ĐH15XN	7.2	134
2,346	3110515044	Nguyễn Thị Luyến	01ĐH15XN	7.1	134
2,347	3110515045	Lương Thị Minh Lý	01ĐH15XN	8.2	134
2,348	3110515046	Bùi Văn Mạnh	01ĐH15XN	7.1	134
2,349	3110515047	Bùi Thị Mai	01ĐH15XN	7.3	134
2,350	3110515048	Trần Thị Hồng Mơ	01ĐH15XN	7.7	134
2,351	3110515049	Trần Thành Nam	01ĐH15XN	6.3	87
2,352	3110515050	Lê Thị Thu Nga	01ĐH15XN	7.5	134
2,353	3110515052	Nguyễn Thị Nghiệp	01ĐH15XN	8.2	134
2,354	3110515053	Nguyễn Như Ngọc	01ĐH15XN	7.6	134
2,355	3110515054	Tòng Thị Nghiêm	01ĐH15XN	6.9	132
2,356	3110515055	Nguyễn Chí Phái	01ĐH15XN	7.1	134
2,357	3110515056	Đỗ Thị Phương	01ĐH15XN	7.6	134
2,358	3110515057	Trương Thị Quỳnh	01ĐH15XN	7.2	134
2,359	3110515058	Trần Phương Thảo	01ĐH15XN	7.5	134
2,360	3110515059	Trương Thị Thuận	01ĐH15XN	7.4	134
2,361	3110515060	Phạm Thị Thủy	01ĐH15XN	7.5	134
2,362	3110515061	Lê Thương Thương	01ĐH15XN	6.9	134
2,363	3110515062	Đinh Thị Thanh Tuyền	01ĐH15XN	6.8	130
2,364	3110515063	Bùi Thị Xuyến	01ĐH15XN	7.4	134
2,365	3110515064	Đặng Thị Hồng Vân	01ĐH15XN	8.2	134
2,366	3111113065	Hà Duy Vương	01ĐH15YK	6	110
2,367	3111115001	Nguyễn Việt Anh	01ĐH15YK	6.6	137
2,368	3111115002	Phạm Thị Kim Anh	01ĐH15YK	7.1	139
2,369	3111115003	Lê Hoàng Như Cương	01ĐH15YK	7.3	139
2,370	3111115004	Hoàng Mạnh Cường	01ĐH15YK	7.7	139
2,371	3111115005	Phạm Đức Diện	01ĐH15YK	7.6	139
2,372	3111115006	Nguyễn Trung Dũng	01ĐH15YK	7.3	139
2,373	3111115007	Nguyễn Văn Dũng	01ĐH15YK	6.1	118
2,374	3111115008	Lương Công Đức	01ĐH15YK	6.8	134

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,375	3111115009	Nguyễn Thị Gấm	01ĐH15YK	7.1	130
2,376	3111115010	Hoàng Hồng Hà	01ĐH15YK	7.1	130
2,377	3111115011	Nguyễn Thị Hà	01ĐH15YK	7.2	139
2,378	3111115012	Lê Văn Hải	01ĐH15YK	6.3	129
2,379	3111115014	Trần Thị Hiền	01ĐH15YK	7.4	139
2,380	3111115015	Lê Xuân Hiệp	01ĐH15YK	7.3	139
2,381	3111115016	Hoàng Thị Hoa	01ĐH15YK	6.9	139
2,382	3111115017	Chu Quỳnh Hoa	01ĐH15YK	7	139
2,383	3111115018	Phùng Thị Kim Hoa	01ĐH15YK	6.6	134
2,384	3111115019	Nguyễn Ngọc Huyền	01ĐH15YK	6.8	130
2,385	3111115020	Nghiêm Xuân Huỳnh	01ĐH15YK	7.2	139
2,386	3111115021	Chu Thị Huệ	01ĐH15YK	7.5	139
2,387	3111115022	Bùi Minh Hương	01ĐH15YK	7.3	134
2,388	3111115023	Hoàng Thị Lan Hương	01ĐH15YK	7.5	139
2,389	3111115024	Nguyễn Thị Hương	01ĐH15YK	7.4	139
2,390	3111115025	Nguyễn Thị Hương	01ĐH15YK	7.1	139
2,391	3111115026	Lê Trung Kiên	01ĐH15YK	7.3	139
2,392	3111115028	Nguyễn Thị Luyến	01ĐH15YK	7.4	139
2,393	3111115029	Đường Vinh Lương	01ĐH15YK	7.2	130
2,394	3111115030	Cao Thị Mai	01ĐH15YK	7.1	139
2,395	3111115031	Hàn Hà Mi	01ĐH15YK	7.2	134
2,396	3111115032	Cao Anh Minh	01ĐH15YK	6.6	135
2,397	3111115033	Nguyễn Hồng Ngát	01ĐH15YK	6.7	135
2,398	3111115034	Phạm Văn Nghĩa	01ĐH15YK	6.9	139
2,399	3111115036	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	01ĐH15YK	7.2	134
2,400	3111115037	Nguyễn Tố Uyên	01ĐH15YK	7.2	143
2,401	3111115038	Nguyễn Thu Phương	01ĐH15YK	7.1	139
2,402	3111115039	Lương Đức Quang	01ĐH15YK	6.2	120
2,403	3111115040	Đặng Hoài Sơn	01ĐH15YK	6.6	139
2,404	3111115041	Đặng Thị Phương Thanh	01ĐH15YK	6.9	130
2,405	3111115042	Nguyễn Hà Thành	01ĐH15YK	7.2	139
2,406	3111115043	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH15YK	7.3	139
2,407	3111115044	Nguyễn Thị Thùy	01ĐH15YK	7.2	135
2,408	3111115045	Lưu Thị Thủy	01ĐH15YK	7.3	139
2,409	3111115046	Nguyễn Hữu Tuân	01ĐH15YK	7.3	139
2,410	3111115047	Vũ Văn Tuyền	01ĐH15YK	6.3	115
2,411	3111115048	Nguyễn Tiến Trung	01ĐH15YK	7.3	139
2,412	3111115049	Lò Thị Xuân	01ĐH15YK	6.9	130
2,413	3111115050	Nguyễn Đình Xuyên	01ĐH15YK	6.9	130
2,414	3111115051	Phạm Thị Vân	01ĐH15YK	7.8	139
2,415	3111115052	Nguyễn Thị Vấn	01ĐH15YK	6.9	139
2,416	3111115053	Vũ Thị Vở	01ĐH15YK	7.9	139

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,417	2110215017	Vũ Đức Duy	02ĐH15ĐD	6.6	117
2,418	2110215060	Nguyễn Thị Thu Phương	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,419	2110615016	Tạ Minh Loan	02ĐH15ĐD	7	137
2,420	3110214083	Lê Thị Vân	02ĐH15ĐD	7.3	137
2,421	3110215081	Lê Thị Lan Anh	02ĐH15ĐD	6.9	127
2,422	3110215082	Nguyễn Thị Vân Anh	02ĐH15ĐD	7.3	137
2,423	3110215083	Nguyễn Thu Phương Anh	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,424	3110215085	Trần Nam Chiến	02ĐH15ĐD	7	135
2,425	3110215086	Đỗ Thị Doan	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,426	3110215087	Trần Thị Dung	02ĐH15ĐD	7.5	137
2,427	3110215088	Nguyễn Kỳ Duyên	02ĐH15ĐD	7.5	137
2,428	3110215089	Phạm Anh Dũng	02ĐH15ĐD	6.6	111
2,429	3110215090	Nguyễn Thị Thùy Dương	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,430	3110215092	Đỗ Ích Đăng	02ĐH15ĐD	6.6	112
2,431	3110215094	Hoàng Thị Hà	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,432	3110215096	Bùi Thị Hạ	02ĐH15ĐD	7.9	137
2,433	3110215097	Hoàng Thúy Hạnh	02ĐH15ĐD	7.2	135
2,434	3110215098	Nguyễn Thị Hạnh	02ĐH15ĐD	7.8	137
2,435	3110215099	Nguyễn Thị Hằng	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,436	3110215100	Trần Thị Thu Hiền	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,437	3110215102	Nguyễn Thị Học	02ĐH15ĐD	7	137
2,438	3110215103	Lê Thị Minh Huế	02ĐH15ĐD	7	137
2,439	3110215105	Nguyễn Thị Huệ	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,440	3110215106	Phạm Thị Thu Huyền	02ĐH15ĐD	7.6	135
2,441	3110215107	Đào Thị Thu Hương	02ĐH15ĐD	6.9	135
2,442	3110215108	Nguyễn Thu Hương	02ĐH15ĐD	7.6	137
2,443	3110215109	Nguyễn Thị Lan	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,444	3110215111	Trần Thị Lệ	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,445	3110215112	Mai Thị Tuyết Linh	02ĐH15ĐD	7.3	137
2,446	3110215113	Nguyễn Mai Linh	02ĐH15ĐD	7.4	137
2,447	3110215115	Nguyễn Phú Lương	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,448	3110215117	Trần Thị Mơ	02ĐH15ĐD	7.6	137
2,449	3110215119	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	02ĐH15ĐD	7	137
2,450	3110215120	Lê Thị Nhàn	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,451	3110215121	Đào Thị Nhung	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,452	3110215122	Đỗ Thị Hồng Nhung	02ĐH15ĐD	6.9	137
2,453	3110215123	Phan Thị Kim Oanh	02ĐH15ĐD	7.6	137
2,454	3110215124	Nguyễn Ngọc Phúc	02ĐH15ĐD	6.6	131
2,455	3110215125	Hồ Thị Phương	02ĐH15ĐD	7.7	137
2,456	3110215126	Nguyễn Thị Phương	02ĐH15ĐD	7.3	137
2,457	3110215127	Nịnh Thị Phương	02ĐH15ĐD	7	137
2,458	3110215128	Phạm Thị Lan Phương	02ĐH15ĐD	6.9	137

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,459	3110215129	Đỗ Thị Bích Phượng	02ĐH15ĐD	7.4	137
2,460	3110215130	Đoàn Thị Ngọc Quyên	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,461	3110215131	Phạm Thị Sáu	02ĐH15ĐD	7	137
2,462	3110215132	Phạm Thị Thanh	02ĐH15ĐD	7.4	137
2,463	3110215133	Mạc Thị Thảo	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,464	3110215134	Nguyễn Thị Thảo	02ĐH15ĐD	7.2	137
2,465	3110215135	Nguyễn Thị Thảo	02ĐH15ĐD	7.5	137
2,466	3110215136	Nguyễn Thị Thảo	02ĐH15ĐD	7.1	137
2,467	3110215137	Nguyễn Thị Thu Thảo	02ĐH15ĐD	8.2	137
2,468	3110215138	Phạm Hùng Thắng	02ĐH15ĐD	7.5	137
2,469	3110215139	Phạm Thị Thúy	02ĐH15ĐD	8	137
2,470	3110215140	Trần Thị Thủy	02ĐH15ĐD	6.9	133
2,471	3110215141	Trần Thị Tuyền	02ĐH15ĐD	7.7	137
2,472	3110215143	Lê Thị Hà Trang	02ĐH15ĐD	7	133
2,473	3110215145	Nguyễn Thị Xuân	02ĐH15ĐD	7.6	137
2,474	3110215146	Đặng Thị Vân	02ĐH15ĐD	6.9	137
2,475	3110215147	Nguyễn Thị Viên	02ĐH15ĐD	7.6	137
2,476	3110215148	Lê Thị Yến	02ĐH15ĐD	7.9	137
2,477	3110215149	Vũ Thị Yến	02ĐH15ĐD	7.7	137
2,478	3110515081	Nguyễn Thị Lan Anh	02ĐH15XN	7.1	134
2,479	3110515082	Nguyễn Thị Minh Anh	02ĐH15XN	7.6	134
2,480	3110515084	Phạm Ngọc Bích	02ĐH15XN	7.2	134
2,481	3110515085	Chu Thị Bình	02ĐH15XN	7.8	134
2,482	3110515086	Nguyễn Thị Chi	02ĐH15XN	6.9	134
2,483	3110515087	Phan Thị Yến Chi	02ĐH15XN	7.3	134
2,484	3110515088	Chu Thị Chợ	02ĐH15XN	7.7	134
2,485	3110515089	Đỗ Sinh Cung	02ĐH15XN	7.3	134
2,486	3110515090	Nguyễn Thị Dịu	02ĐH15XN	7.5	134
2,487	3110515091	Hoàng Thị Dung	02ĐH15XN	6.8	134
2,488	3110515092	Mai Thị Dung	02ĐH15XN	6.9	134
2,489	3110515093	Bùi Tiến Đạt	02ĐH15XN	6.9	130
2,490	3110515095	Hoàng Ngọc Hà	02ĐH15XN	7	132
2,491	3110515096	Tạ Thị Hằng	02ĐH15XN	7.6	134
2,492	3110515097	Vi Thị Hằng	02ĐH15XN	7	132
2,493	3110515098	Dương Thị Hiền	02ĐH15XN	7.5	134
2,494	3110515099	Đoàn Thị Hiền	02ĐH15XN	7.8	134
2,495	3110515100	Nguyễn Thị Minh Huệ	02ĐH15XN	7.2	134
2,496	3110515101	Trần Thị Huệ	02ĐH15XN	8	134
2,497	3110515103	Phàn Văn Ím	02ĐH15XN	7.2	134
2,498	3110515104	Nguyễn Thúy Kiều	02ĐH15XN	7	134
2,499	3110515106	Hoàng Thị Linh	02ĐH15XN	7.4	134
2,500	3110515107	Nguyễn Thị Thùy Linh	02ĐH15XN	7.6	134

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,501	3110515108	Phạm Thị Thùy Linh	02ĐH15XN	6.9	132
2,502	3110515109	Nguyễn Thị Mai	02ĐH15XN	7.4	134
2,503	3110515110	Đoàn Thị My	02ĐH15XN	7.3	134
2,504	3110515112	Đỗ Nhất Nam	02ĐH15XN	6.6	119
2,505	3110515113	Lưu Thị Nga	02ĐH15XN	7.6	134
2,506	3110515114	Đào Thị Ngân	02ĐH15XN	7.5	134
2,507	3110515115	Nguyễn Thị Ngấn	02ĐH15XN	7.2	134
2,508	3110515116	Phạm Thị Bích Ngọc	02ĐH15XN	7.6	134
2,509	3110515117	Bùi Quỳnh Nguyên	02ĐH15XN	7.2	134
2,510	3110515118	Hà Thị Thanh Nhàn	02ĐH15XN	7.9	134
2,511	3110515119	Nguyễn Thị Huyền Nhung	02ĐH15XN	7.9	134
2,512	3110515120	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	02ĐH15XN	7.1	132
2,513	3110515121	Dương Thị Nụ	02ĐH15XN	7.7	134
2,514	3110515122	Đặng Thị Kiều Oanh	02ĐH15XN	7.9	134
2,515	3110515123	Lương Thị Phương	02ĐH15XN	7.9	134
2,516	3110515124	Lò Văn Phượng	02ĐH15XN	6.6	126
2,517	3110515126	Phạm Phương Quỳnh	02ĐH15XN	7.2	134
2,518	3110515127	Lê Thị Thu Thảo	02ĐH15XN	7.7	134
2,519	3110515129	Đỗ Thị Thoan	02ĐH15XN	7.6	134
2,520	3110515130	Đỗ Thị Thơm	02ĐH15XN	7.3	134
2,521	3110515131	Đào Thị Hoài Thu	02ĐH15XN	7.9	134
2,522	3110515132	Mai Hà Thu	02ĐH15XN	7.5	134
2,523	3110515133	Nguyễn Hoài Thương	02ĐH15XN	7.5	134
2,524	3110515134	Lương Thị Toán	02ĐH15XN	7.6	134
2,525	3110515135	Đặng Thị Tuyền	02ĐH15XN	7.9	134
2,526	3110515136	Nguyễn Thị Trang	02ĐH15XN	7.7	134
2,527	3110515137	Phạm Quỳnh Trang	02ĐH15XN	7.2	134
2,528	3110515138	Nguyễn Quang Trung	02ĐH15XN	6.4	113
2,529	3110515139	Đào Thị Xiêm	02ĐH15XN	7.5	134
2,530	3110515140	Phạm Đình Văn	02ĐH15XN	7	134
2,531	3110515141	Hà Thị Vân	02ĐH15XN	7.1	134
2,532	3110515143	Bùi Thị Yến	02ĐH15XN	7.1	131
ĐẠI HỌC NĂM 5					
2,533	3111114002	Trần Thị Thúy Anh	01ĐH14YK	7.1	184
2,534	3111114003	Nguyễn Minh Chung	01ĐH14YK	7.3	182
2,535	3111114004	Nguyễn Thành Công	01ĐH14YK	6.9	175
2,536	3111114005	Nông Thị Diệu	01ĐH14YK	7.2	182
2,537	3111114006	Nguyễn Thị Bách Diệp	01ĐH14YK	7.4	182
2,538	3111114007	Vũ Thị Dịu	01ĐH14YK	7.5	182
2,539	3111114009	Phạm Thị Dung	01ĐH14YK	7.1	182
2,540	3111114010	Nguyễn Văn Dũng	01ĐH14YK	6.9	165
2,541	3111114011	Nguyễn Văn Dương	01ĐH14YK	7.2	182

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,542	3111114013	Vũ Hoàng Đạt	01ĐH14YK	7.6	182
2,543	3111114014	Trần Xuân Đô	01ĐH14YK	7.1	182
2,544	3111114015	Bùi Thị Gấm	01ĐH14YK	7.2	182
2,545	3111114016	Nguyễn Hương Giang	01ĐH14YK	6.9	182
2,546	3111114017	Nguyễn Long Giang	01ĐH14YK	6.7	167
2,547	3111114018	Vũ Tiến Giang	01ĐH14YK	7.6	182
2,548	3111114019	Đặng Thị Hà	01ĐH14YK	7	182
2,549	3111114020	Vũ Thị Hạnh	01ĐH14YK	7.7	182
2,550	3111114022	Vũ Thanh Hiếu	01ĐH14YK	7.2	182
2,551	3111114023	Vũ Thị Hiền	01ĐH14YK	7.4	180
2,552	3111114026	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH14YK	7.2	182
2,553	3111114030	Nguyễn Thị Hương	01ĐH14YK	7.2	179
2,554	3111114031	Nguyễn Thị Lệ	01ĐH14YK	7.4	182
2,555	3111114032	Lê Khánh Linh	01ĐH14YK	6.9	163
2,556	3111114033	Đào Văn Mạnh	01ĐH14YK	7.5	182
2,557	3111114034	Phạm Thị Ngân	01ĐH14YK	7.6	186
2,558	3111114035	Nguyễn Thị Ngọc	01ĐH14YK	7.7	182
2,559	3111114036	Đồng Thị Nhã	01ĐH14YK	7.4	182
2,560	3111114037	Nguyễn Thị Hoài Nhi	01ĐH14YK	6.7	176
2,561	3111114038	Nguyễn Văn Quang	01ĐH14YK	8.1	182
2,562	3111114039	Đoàn Thị Quỳnh	01ĐH14YK	7.7	182
2,563	3111114040	Hoàng Thị Thêm	01ĐH14YK	7.2	180
2,564	3111114041	Dương Thị Thùy	01ĐH14YK	7	179
2,565	3111114042	Nguyễn Thị Thùy	01ĐH14YK	7.9	186
2,566	3111114043	Nguyễn Thị Thủy	01ĐH14YK	6.9	172
2,567	3111114044	Phan Thị Thủy	01ĐH14YK	7.4	182
2,568	3111114045	Phan Thị Thương	01ĐH14YK	7.3	182
2,569	3111114046	Nguyễn Thị Trang	01ĐH14YK	6.9	182
2,570	3111114048	Trần Thị Trang	01ĐH14YK	7.4	182
2,571	3111114049	Vũ Thùy Vân	01ĐH14YK	7.1	182
2,572	3111114050	Đặng Thanh Yến	01ĐH14YK	6.9	182
2,573	3111114051	Lê Quốc Hưng	01ĐH14YK	6.8	173
2,574	3111114053	Vũ Thị Hạnh	01ĐH14YK	7.6	182
2,575	3111114054	Phạm Thị Giang	01ĐH14YK	7.2	182
2,576	3111114055	Trần Thị Băng Khanh	01ĐH14YK	7.3	182
2,577	3111114056	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	01ĐH14YK	7.9	182
2,578	3111114057	Trần Văn Giang	01ĐH14YK	7.2	182
2,579	3111114058	Lê Anh Hiếu	01ĐH14YK	7.2	178
2,580	3111114059	Trần Hồng Nguyên	01ĐH14YK	7.2	182
2,581	3111114060	Nguyễn Thị Tuyền	01ĐH14YK	7.6	182
ĐẠI HỌC NĂM 6					
2,582	3111113001	Đoàn Thị Lan Anh	01ĐH13YK	6.9	215

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,583	3111113002	Hoàng Thị Phương Anh	01ĐH13YK	6.6	215
2,584	3111113003	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH13YK	6.7	212
2,585	3111113004	Vũ Thị Hoàng Anh	01ĐH13YK	7.4	215
2,586	3111113005	Vũ Thị Vân Anh	01ĐH13YK	7.6	215
2,587	3111113007	Hứa Hồng Bích	01ĐH13YK	6.5	205
2,588	3111113008	Hoàng Văn Bình	01ĐH13YK	6.7	215
2,589	3111113009	Bùi Thị Dịu	01ĐH13YK	7.1	215
2,590	3111113010	Nguyễn Thái Dương	01ĐH13YK	6.6	215
2,591	3111113011	Nguyễn Đình Đức	01ĐH13YK	8.1	215
2,592	3111113012	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH13YK	6.6	211
2,593	3111113013	Nguyễn Thị Hải	01ĐH13YK	7.2	215
2,594	3111113014	Đỗ Thị Hằng	01ĐH13YK	6.7	215
2,595	3111113015	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH13YK	7.3	215
2,596	3111113016	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH13YK	7.4	215
2,597	3111113017	Trần Thu Hằng	01ĐH13YK	8.1	215
2,598	3111113018	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH13YK	7.5	215
2,599	3111113019	Nguyễn Thị Thu Hiền	01ĐH13YK	7.1	215
2,600	3111113020	Trần Thị Hiền	01ĐH13YK	6.7	215
2,601	3111113021	Lê Thị Hoa	01ĐH13YK	7.2	215
2,602	3111113022	Trần Thị Mai Hoa	01ĐH13YK	7.2	215
2,603	3111113023	Nguyễn Thị Thu Hoài	01ĐH13YK	7.6	215
2,604	3111113024	Phạm Thị Hồng	01ĐH13YK	6.6	215
2,605	3111113025	Đặng Thị Hợi	01ĐH13YK	7.6	215
2,606	3111113026	Trần Thị Huệ	01ĐH13YK	7.2	215
2,607	3111113027	Nguyễn Thanh Huyền	01ĐH13YK	7.1	215
2,608	3111113028	Nguyễn Việt Hùng	01ĐH13YK	6.6	215
2,609	3111113029	Lê Văn Hưng	01ĐH13YK	6.9	215
2,610	3111113030	Nguyễn Thị Thùy Liên	01ĐH13YK	7.1	211
2,611	3111113031	Đỗ Mỹ Linh	01ĐH13YK	7	215
2,612	3111113032	Cao Phan Lộc	01ĐH13YK	6.4	180
2,613	3111113033	Lê Thị Luyên	01ĐH13YK	7	215
2,614	3111113034	Nguyễn Thị Lương	01ĐH13YK	6.7	215
2,615	3111113035	Nguyễn Ngọc Lượng	01ĐH13YK	7	215
2,616	3111113036	Phạm Như Mai	01ĐH13YK	7.4	215
2,617	3111113037	Nguyễn Thị Ngát	01ĐH13YK	7.2	215
2,618	3111113038	Trần Thị Ngoan	01ĐH13YK	7.3	215
2,619	3111113039	Vũ Thị Ngọc	01ĐH13YK	7.7	215
2,620	3111113040	Nhữ Thị Nhàn	01ĐH13YK	7.6	215
2,621	3111113041	Trần Thị Nhân	01ĐH13YK	7.3	215
2,622	3111113042	Ngô Thị Nhung	01ĐH13YK	7.6	215
2,623	3111113043	Nguyễn Thị Kiều Như	01ĐH13YK	7.4	215
2,624	3111113044	Đỗ Hải Ninh	01ĐH13YK	6.5	215

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy
2,625	3111113045	Nguyễn Thị Tố Uyên	01ĐH13YK	6.8	215
2,626	3111113047	Phạm Xuân Phúc	01ĐH13YK	7.2	215
2,627	3111113048	Phạm Hoàng Quyên	01ĐH13YK	7.3	215
2,628	3111113050	Lê Thị Quỳnh	01ĐH13YK	7.3	215
2,629	3111113051	Trần Thị Như Quỳnh	01ĐH13YK	7.2	215
2,630	3111113052	Nguyễn Thị Sinh	01ĐH13YK	7.2	215
2,631	3111113053	Trần Minh Tân	01ĐH13YK	7.8	215
2,632	3111113054	Lê Thị Thảo	01ĐH13YK	7.1	215
2,633	3111113055	Bùi Thị Thu	01ĐH13YK	7.6	215
2,634	3111113057	Hoàng Thị Thuỳ	01ĐH13YK	7.2	215
2,635	3111113058	Trần Thị Thương	01ĐH13YK	7.3	215
2,636	3111113059	Đặng Thị Tuyết	01ĐH13YK	7.2	215
2,637	3111113060	Nguyễn Thị Tuyết	01ĐH13YK	7	215
2,638	3111113061	Trần Ánh Tuyết	01ĐH13YK	7.5	215
2,639	3111113062	Nguyễn Xuân Tùng	01ĐH13YK	6.5	207
2,640	3111113063	Vũ Thị Trang	01ĐH13YK	7	215
2,641	3111113064	Phạm Anh Văn	01ĐH13YK	7.2	215
2,642	3111113066	Nguyễn Thị Yến	01ĐH13YK	7.2	215

Hải Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

TS. Lê Đức Thuận

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng